TRẦN THỊ ÁI THANH

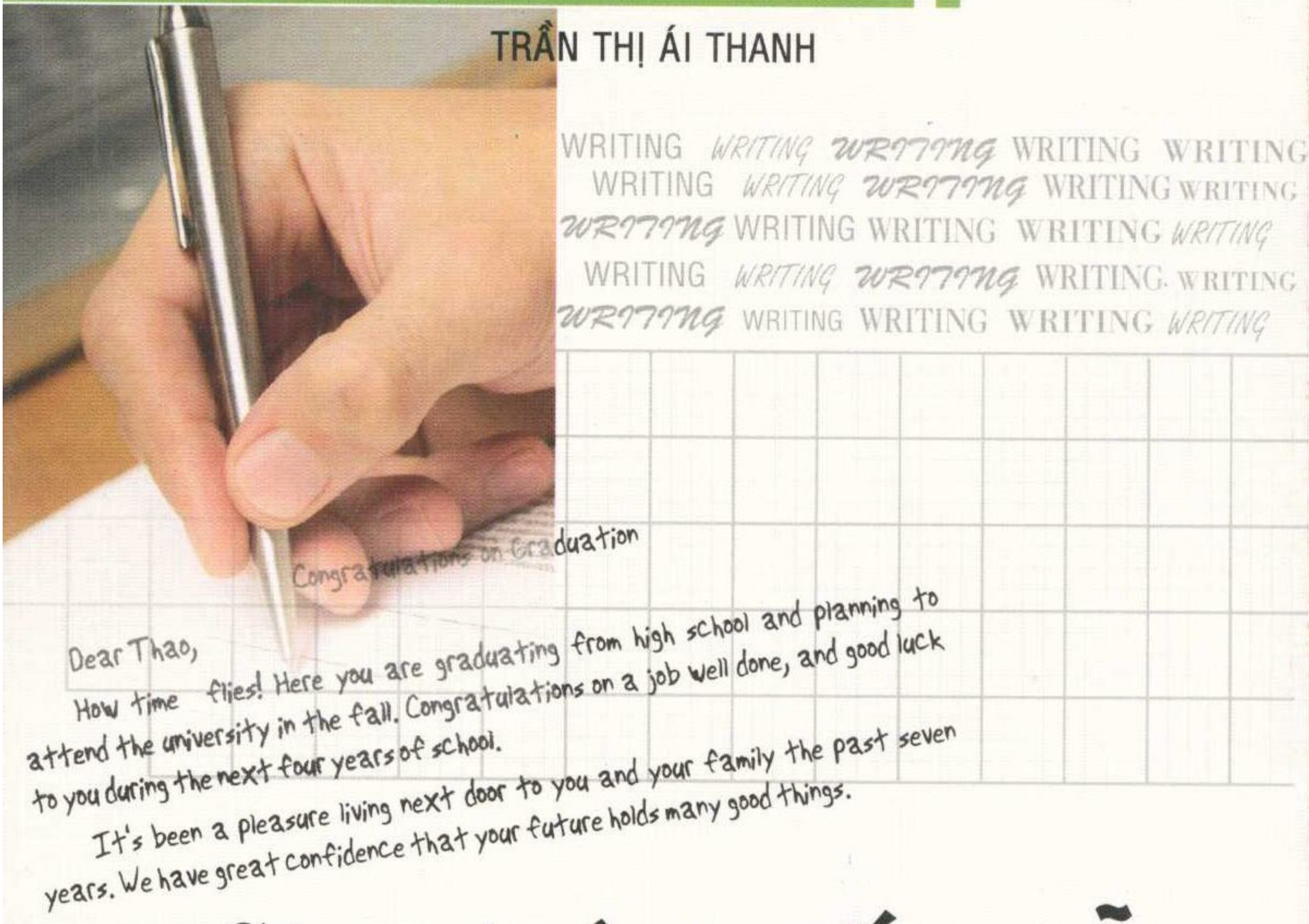
WRITING WRITING WRITING WRITING WRITING
WRITING WRITING WRITING WRITING WRITING
WRITING WRITING WRITING WRITING WRITING
WRITING WRITING WRITING WRITING WRITING
WRITING WRITING WRITING WRITING WRITING

Congratulations on Graduation

Dear Thao,

How time flies! Here you are graduating from high school and planning to attend the university in the fall. Congratulations on a job well done, and good luck to you during the next four years of school.

It's been a pleasure living next door to you and your family the past seven years. We have great confidence that your future holds many good things.

NHỮNG BÀI VIẾT MẪU
TIẾNG ANH
Trung Học Phổ Thông

- ✓ Biên soạn theo sát nội dung WRITING của sách Giáo khoa tiếng Anh lớp 10, 11, 12 của Bộ GD&ĐT.
- ✓ Nâng cao kĩ năng viết và ôn tập, luyện thi...

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRẦN THỊ ÁI THANH

NHỮNG BÀI VIẾT MẪU
TIẾNG ANH
Trung Học Phổ Thông

✓ Biên soạn theo sát nội dung WRITING
của sách Giáo khoa tiếng Anh
lớp 10, 11, 12 của Bộ GD&ĐT.
✓ Nâng cao kĩ năng viết và ôn tập, luyện thi...

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Quý đồng nghiệp và các em học sinh thân mến!

Nhằm giúp các em học sinh học tốt hơn kỹ năng viết, dễ dàng tiếp cận với các thể loại viết trong chương trình tiếng Anh ở trung học phổ thông và cung cấp thêm nguồn tư liệu tham khảo cho việc giảng dạy, cuốn sách *"Những bài viết mẫu tiếng Anh THPT"* ra đời không ngoài mục đích đó.

Cuốn sách được biên soạn dựa trên nội dung của các bài học WRITING ở sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10, 11 và 12. Đối với từng dạng viết khác nhau, cuốn sách đưa ra dàn ý (outline), cách diễn đạt trong văn viết (useful language) và các bài văn mẫu. Ngoài ra, mỗi một bài mẫu đều được dịch ra tiếng Việt để các em tiện tham khảo.

Ở phần phụ lục (appendix), sách có đưa ra một số cấu trúc (useful structures), từ ngữ chuyển ý (transitional words/phrases) thường hay dùng trong viết văn.

Hy vọng cuốn sách này góp phần hữu ích cho các em học sinh THPT học tốt hơn kỹ năng viết và là nguồn tư liệu giảng dạy thiết thực cho giáo viên.

Mặc dù rất cố gắng, song cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi sai sót và hạn chế. Rất mong sự đóng góp của quý độc giả.

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ:

- Trung tâm sách giáo dục Anpha
225C Nguyễn Tri Phương, P.9, Q.5, Tp. HCM.
- Công ti sách - thiết bị giáo dục Anpha
50 Nguyễn Văn Săng, Q. Tân Phú, Tp. HCM.
ĐT: 08. 62676463, 38547464 .
Email: alphabookcenter@yahoo.com

Xin chân thành cám ơn!

Tác giả.

CONTENTS

I. LETTER WRITING 5

1. Letters of congratulations 6
2. Letter of invitation 10
3. Letter of reply 17
4. Thank-you letter 23
5. Letter of complaint 29
6. Letter of apology 45
7. Letter of applying to an advertisement 51
8. Letter of making a request for reference 68
9. Letter of request (letter of seeking information) 76

II. DESCRIBING PEOPLE 82
III. GIVING INSTRUCTIONS 89
IV. GIVING DIRECTIONS 93
V. OUTLINING ADVANTAGES AND DISADVANTAGES 98
VI. GIVING OPINIONS 104
VII. AGREE / DISAGREE 108
VIII. DESCRIBING A PLACE 112
IX. WRITING A REPORT ON A HOLIDAY TRIP OR VACATION .. 118
X. DESCRIBING A BOOK OR A FILM 122
XI. DESCRIBING FESTIVALS AND CEREMONIES 129
XII. WRITING ABOUT A HOBBY 135
XIII. WRITING A BIOGRAPHY 137
IVX. DESCRIBING GRAPHS 142

I. LETTER WRITING

A letter usually contains the following stages

Một bức thư thường có những phần sau .

1. The Address and Date *(Địa chỉ / Ngày tháng)*
2. The Salutation *(Lời chào hỏi)* (Dear Sir / Madam/ Sue, etc.)
3. Reason for Writing *(Lý do viết thư)*
4. Development *(Nội dung thư)*
5 Closing remarks *(Kết thúc)*
6. Signature/ Name *(Chữ ký / Tên)*

You should use at least one paragraph for each of the main stages.

Bạn nên viết một đoạn văn cho mỗi phần chính.

Notice that formal and informal letters are laid out differently.

Lưu ý rằng, thư thân mật và trang trọng được trình bày khác nhau.

FORMAL (*Trang trọng*)

your address
date
address of the
person you are
writing to

Dear Sir/ Madam
(main points of the letter)
I look forward to hearing
from you.

Yours faithfully,
your signature
(M. Smith)

FORMAL (*Trang trọng*)

your address
date
address of the
person you are
writing to

Dear Mr Smith,
(main points of the letter)
I look forward to meeting
you next week.

Yours sincerely,
your signature
(Dr. Jones)

INFORMAL (*Thân mật*)	VERY FRIENDLY *(Rất thân mật)*
your address *date* Dear Mrs. Jackson, (*main points of the letter*) Looking forward to seeing you. Best wishes/ Yours/ Regards, *your signature /name*	*your address* *date* Dear John, (*main points of the letter*) Do write back soon.. Love /Best wishes, *your name*

1. LETTER OF CONGRATULATIONS *(Thư chúc mừng)*

Useful language

- I'm overjoyed to hear of …
  Tôi quá vui mừng khi nghe …
- I was thrilled to learn about …
  Tôi rộn ràng khi biết về…
- Congratulations, you did that job perfectly.
  Chúc mừng bạn đã làm hoàn hảo công việc.
- I've just learnt your good news and am delighted for you.
  Tôi vừa mới biết tin tốt lành của bạn và tôi mừng cho bạn.
- Congratulations on your well–deserved promotion.
  Chúc mừng bạn đã được thăng chức xứng đáng.
- No one worked harder on the exam than you did.
  Không ai làm việc chăm chỉ trong kỳ thi hơn là bạn.
- Take a bow for the job done well.
  Cảm tạ công việc được hoàn thành tốt.
- Congratulations on a terrific job!
  Chúc mừng anh có công việc tuyệt vời.
- Our warmest congratulations on …
  Chúng tôi nồng nhiệt chúc mừng anh về …
- I'd like to express my personal congratulations to you on …
  Tôi muốn gởi đến bạn lời chúc mừng của tôi về …

Congratulations on Birthday

Dear Jean,

Please accept my very best wishes for your birthday. I hope it is going to be a very happy day and that you are going to have a very happy time.

I am sending along a few flowers which I hope may give you a little pleasure. They come with my sincerest good wishes for your health and happiness.

With kindest regards,

Yours ever,

Bill

Bài dịch

Chúc mừng ngày sinh nhật

Jean thân mến,

Xin hãy nhận những lời chúc tốt đẹp của tôi vào ngày sinh nhật của bạn. Nó sẽ là một ngày hạnh phúc và bạn sẽ rất vui vẻ.

Tôi gởi kèm theo một vài bông hoa hy vọng bạn sẽ thích thú khi nhận được. Những bông hoa này đến cùng với lời chúc sức khỏe và hạnh phúc chân thành nhất của tôi.

Thân ái,

Bill

Congratulations on Passing the Exam

Dear John,

I can't tell you how happy I am to hear that you passed your exam. I know just how hard you worked and a little about the misgivings you felt, especially towards the end. This is a very real achievement which you richly deserve, and I only wish I were with you to shake you by the hand and share some of your happiness in person.

I'm sure you will have the same success with the next one.

Yours ever,

Bài dịch

Chúc mừng đậu kỳ thi

John thân mến,

Không thể diễn tả được là tôi sung sướng biết bao khi được tin bạn thi đậu. Tôi biết bạn đã làm việc chăm chỉ và bạn cảm thấy lo lắng như thế nào, đặc biệt là vào cuối kỳ thi. Đây là thành tựu thật sự mà bạn xứng đáng có nó và ước gì đích thân tôi được ở bên bạn để bắt tay chúc mừng và chia sẻ niềm hạnh phúc.

Tôi chắc bạn sẽ thành công như vậy trong kỳ thi tiếp theo.

Thân chào,

Congratulations on Marriage

(date)

Dear Diane and Kirk,

We were overjoyed to learn you will be married in June. Congratulations. May the love you two now share deepen each day of your lives. Our very best wishes for a wonderful, fulfilling life together.

Love,
James

Bài dịch

Chúc mừng đám cưới

(Ngày tháng)

Dear Diane and Kirk,

Chúng tôi quá vui mừng khi biết hai bạn sẽ kết hôn vào tháng 6. Xin chúc mừng. Chúc tình yêu mà hai bạn chia sẻ cho nhau tăng thêm mỗi ngày trong cuộc sống. Gởi đến hai bạn những lời chúc tốt đẹp nhất của tôi cho một cuộc sống chung tuyệt vời và mỹ mãn.

Thương yêu,
James

Congratulations on Engagement

My dear Sally,

I am overjoyed to hear of your engagement to John. Knowing how sublimely happy you are together, I've been hoping so much that this would happen.

I believe you are to be married quite soon; perhaps, you would send me your wedding list so that I can give you something you would really like.

Love,

Bài dịch

Chúc mừng đính hôn

Sally thân mến,

Mình rất vui khi nghe tin bạn đã đính hôn với John. Mình biết rằng các bạn hạnh phúc biết chừng nào khi ở bên nhau, mình rất hy vọng điều đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Mình tin là các bạn sớm kết hôn; có lẽ bạn nên gởi cho mình danh sách quà cưới để mình có thể tặng bạn món quà gì đó mà bạn thật sự yêu thích.

Thân thương,

Congratulations on Graduation

Dear Matt,

How time flies! Here you are graduating from high school and planning to attend the university in the fall. Congratulations on a job well done, and good luck to you during the next four years of school.

It's been a pleasure living next door to you and your family the past seven years. We have great confidence that your future holds many good things.

Sincerely,

Bài dịch

Chúc mừng đậu tốt nghiệp

Cháu Matt thân mến,

Thời gian trôi nhanh thật! Mới đó mà bây giờ cháu đã tốt nghiệp phổ thông và sắp sửa vào đại học mùa thu này. Xin chúc mừng cháu thành công và chúc cháu gặp nhiều may mắn trong suốt 4 năm học tới.

Chú rất vui vì đã sống cạnh nhà cháu suốt 7 năm qua, và chú tin chắc rằng tương lai của cháu sẽ tốt đẹp.

Chào cháu,

2. LETTER OF INVITATION (*Thư mời*)

OUTLINE (*Dàn ý*)

1. The announcement and a general invitation

   Thông báo lời mời

2. A friendly reason for invitation

   Lý do thân mật cho lời mời

3. The precise arrangement suggested

   Gợi ý sắp xếp thời gian hợp lý

4. A request for confirmation

   Yêu cầu xác nhận

5. Closing

   Kết thúc

Useful language

- How about going to the movie / the concert … tonight?

Đi xem phim/ hoà nhạc tối nay nhé?

- Do you feel like joining us?

Cô có muốn đi cùng chúng tôi không?

- I should very much like you to join us.

Tôi muốn bạn tham gia cùng chúng tôi.

- Can you come to dinner/ party… on Sunday?

Bạn có thể dự tiệc tối.. vào ngày chủ nhật không?

- Will you join my family for lunch on Thursday?

Bạn có đến dùng cơm trưa với gia đình mình không?

- It would be so good to see you.

Mình sẽ rất vui khi gặp bạn.

- Please say you'll come.

Hãy nói là bạn sẽ đến.

- It will give me great pleasure if you will dine with us at our home on .., at …

Tôi rất vui được mời bạn cùng ăn tối tại nhà chúng tôi vào..., lúc....

- Our party will be a success, if you'll be here.

Bữa tiệc chúng tôi sẽ thành công nếu có bạn ở đây.

- Your presence will make it a real celebration.

Sự hiện diện của bạn sẽ làm buổi lễ kỷ niệm thật sự có ý nghĩa.

- It will be wonderful to have a chance to catch up.

Thật là tuyệt vời để có cơ hội tâm sự cùng nhau.

Invitation to a Picnic

Dear Gillian,

Next Sunday Pamela and I are planning to take the children out for picnic and we wondered whether you would like to join us. We could pick you at your door.

Would nine o'clock be too early? We thought that if we made an early start, we could spend the whole day at the sea. We are making no firm plans about where to go, but if you like the idea we might head towards South bay- where we had that glorious day about two years ago.

Please say you will come on Sunday. It would make the day complete for us.

Don't worry about food. It is no trouble for us to pack one extra helping in the picnic basket.

Sincerely,

Jim

Bài dịch

Thư mời đi dã ngoại

Chủ nhật tuần sau Pamela và mình có kế hoạch đem bọn trẻ đi pic-nic và mình muốn biết bạn có thể đi cùng chúng mình hay không. Chúng mình có thể đón bạn trước cửa nhà.

Khởi hành lúc 9 giờ liệu có sớm không, mình nghi rằng nếu khởi hành sớm, chúng ta sẽ có được trọn một ngày ở bờ biển. Chúng mình chưa có kế hoạch cụ thể là sẽ đi đâu, nhưng nếu bạn thích chúng ta sẽ đến vịnh Nam nơi mà tụi mình đã có một ngày tuyệt vời ở đó cách đây 2 năm.

Hãy nói là bạn sẽ đến vào ngày thứ bảy. Sự có mặt của bạn sẽ làm cho ngày pic- nic của chúng ta có ý nghĩa trọn vẹn.

Đừng lo lắng về việc ăn uống. Chẳng phiền hà gì cả, chỉ thêm một suất ăn vào giỏ.

Thân ái,

Jim

Invitation to House-warming Party

Dear Mary,

I am having a small house-warming party on the 15th, and I would very much like you to come along. There will be dancing, and dress is semi-formal. I expect you will find a number of old friends there. The party will begin about 8 pm.

Yours ever,

Hugh

Bài dịch

Thư mời dự tiệc nhà mới

Mary thân mến,

Mình sẽ tổ chức bữa tiệc mừng nhà mới vào ngày 15, và mình rất muốn bạn đến dự. Buổi tiệc sẽ có khiêu vũ và trang phục bình thường. Mình mong bạn sẽ gặp nhiều bạn cũ của chúng ta ở đó. Bữa tiệc sẽ bắt đầu vào lúc 8 giờ tối.

Thân chào,

Hugh

Invitation to flat-warming Party

Dear Sarah,

I am having a small flat-warming party on the eleventh. Would you be able to come? The evening would be incomplete without you, and I am sure you will know nearly everyone. Try to get along about eight.

Sincerely,

Janet

Bài dịch

Thư mời dự tiệc mừng căn hộ mới

Sarah thân mến,

Mình sẽ tổ chức tiệc mừng căn hộ mới vào ngày 11. Bạn sẽ đến dự chứ? Buổi tiệc tối sẽ không trọn vẹn nếu không có bạn và mình chắc rằng bạn sẽ biết hầu hết mọi người ở đó. Cố đến vào lúc 8 giờ nhé.

Thân chào,

Janet

Invitation to New Year's Party

Cathy Burns
35 Chu Van An St.
Hanoi

Dear Cathy:

I hope you'll join our family on New Year's Eve for a special party. We'll serve dinner and drinks starting at 8 P.M., and toast the new year at midnight. Please let us know if you can attend.

Sincerely,

Truong Quoc Bao

Bài dịch

Thư mời dự tiệc năm mới

Cathy Burns
35 đường Chu Văn An St.
Hà Nội

Cathy thân mến,

Mình hy vọng bạn sẽ đến dự buổi tiệc đặc biệt với gia đình mình vào đêm giao thừa. Chúng mình sẽ dọn bữa tối và đồ uống vào lúc 8 giờ, và nâng cốc chúc mừng năm mới lúc nửa đêm. Hãy báo cho chúng mình biết nếu bạn có thể đến dự được.

Thân mời,

Truong Quoc Bao

Informal Invitation to Lunch

60 Ave Rubenslei,
B-2000 Antwerp
4th May 2008

Dear David,

I will be in London for a couple of days next week and I was wondering if you could have lunch with me. It is such an age since we met and I am very anxious to hear how things are with you. What about Friday, 16th May? If this would suit you, I suggest we meet in the bar of the International Hotel at 12.30.

Let me know if this is convenient for you.

Yours,

Pierre

Bài dịch

Thư mời ăn trưa

60 Ave Rubenslei,
B-2000 Antwerp
4 tháng 5 năm 2008

David thân mến,

Tôi sẽ đến Luân Đôn 2 ngày vào tuần tới và tôi không biết anh có thể ăn trưa cùng tôi không. Đã lâu chúng ta không gặp nhau và tôi nóng lòng được nghe tin của anh. Liệu ngày thứ sáu ngày 16 tháng 5 có tiện cho anh không? Nếu được, tôi đề nghị chúng ta gặp nhau ở quán rượu tại khách sạn Quốc tế vào lúc 12giờ 30.

Hãy báo cho tôi biết nếu anh thấy thuận tiện.

Thân mời,

Pierre

Invitation to Dinner Reception

[Typed]

Hue University Learning Resource Center cordially invite you to
join us for a dinner reception to celebrate the opening of our EFL Conference

5: 00 PM

Friday, August 4, 2008
at Biet Phu Thao Nhi
Cu Chanh I Hamlet
Thuy Bang- Huong Thuy – Hue City

RSVP by August 1, 2008
Attire: Semi-formal

Bài dịch

Thư mời dự tiệc tối

Trung tâm học liệu đại học Huế thân ái mời bạn đến dự bữa tiệc tối chào mừng lễ khai mạc Hội thảo tiếng Anh của chúng tôi vào lúc
5 giờ chiều
ngày thứ sáu, mồng 4 tháng 8, năm 2008
Tại Biệt phủ Thảo Nhi
Thôn Cư Chánh 1
Xã Thủy Bằng, huyện Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế

Xin vui lòng trả lời trước ngày 1 tháng 8 năm 2008

Trang phục: Bình thường

Invitation to Fifty Wedding Anniversary Party

Jim and Cindy Sullivan
Smalltown, OH

Dear Jim and Cindy,

My parents will reach the fifty-year marker in their happily married life on July 4

To celebrate this momentous occasion, we have decided to have a gala Golden Anniversary on that day.

We would be honored if you could join us in the Grand Ballroom of the Smalltown Lakeside Hotel on Saturday, July 4, from 2 to 6 P.M. for lunch. Dress is informal.

Please RSVP to me by June 15.

Sincerely,
Harold Diamond

Bài dịch

Thư mời dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày cưới

Jim và Cindy thân mến,

Ba mẹ tôi sẽ làm lễ kỷ niệm 50 ngày cưới vào ngày 4 tháng 7.

Để kỷ niệm dịp long trọng này, chúng tôi quyết định tổ chức buổi tiệc kỷ niệm ngày cưới vàng vào ngày đó. Chúng tôi rất hân hạnh nếu có sự tham gia của các bạn ở phòng khiêu vũ Grand của khách sạn bên hồ Smalltown vào ngày thứ bảy mồng 4 tháng 7 từ 2 đến 8 giờ tối để dùng cơm tối.

Trang phục bình thường.

Xin hãy trả lời cho tôi trước ngày 15 tháng 6.

Thân mời,
Harold Diamond

Invitation to a Formal Party

[Printed]

Roosevelt and Suzanne Connors
request the pleasure of the company of
Ted and Jane Turnett
at the party
at 7.30 p.m. on Saturday, the fifteen of December,
at the Town Club
Heathertown, New York

RSVP
Ten Applewood Lane
Heathertown, New York 10045

Thư mời trang trọng đến dự tiệc

[được in]

Roosevelt and Suzanne Connors
rất hân hạnh mời Ted và Jane Turnett
tham dự buổi tiệc

vào lúc 7 giờ 30 ngày thứ bảy 15 tháng 12
ở câu lạc bộ thành phố
Heathertown, New York

Xin trả lời đến địa chỉ
Hẻm Applewood 10
Heathertown, New York 10045

3. LETTER OF REPLY *(Thư trả lời)*

OUTLINE

1. Thank for the invitation

   Cảm ơn về lời mời

2. Showing interest in the event and accepting or refusing the invitation

   Bày tỏ sự quan tâm đến lời mời và sự chấp nhận hoặc từ chối

3. Saying how or when you're coming or offering an explanation for refusal.

   Nói bạn sẽ đến lúc nào và bằng phương tiện gì hoặc giải thích tại sao bạn từ chối lời mời và đề nghị một dịp khác

4. Closing and ending the letter

   Kết thúc thư

Useful language

- How very kind of you to invite me to…

  Bạn thật là tử tế khi mời mình..

- It will mean a great deal to me to be there.

  Sẽ có ý nghĩa đối với tôi được có mặt ở đó.

- It is with the greatest disappointment that I have to tell you I shall be unable to attend your wedding/ party on…

  Mình rất buồn khi báo cho bạn biết là mình không thể dự tiệc cưới vào ngày…

- I will be delighted to come to…

  Mình sẽ rất vui sướng được đến dự…

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC/02659

- I'm very sorry but I have another engagement for Friday night. Another time I shall be delighted.

  Mình rất tiếc phải dự một lễ đính hôn khác vào tối thứ 6. Mình rất vui sẽ đến với bạn một dịp khác.

- Thank you very much for your kind invitation. I should very much like to come.

  Cảm ơn bạn rất nhiều vì đã mời. Mình rất thích đến dự.

- I'm very sorry indeed to say that I will be unable to come.

  Mình thật sự xin lỗi phải nói rằng mình không thể đến được.

Replying Accepting the Invitation

Dear Jim,

The picnic sounds a wonderful idea and I am writing at once to say how delighted I should be to come. It seems ages since I saw the sea. I do remember South bay so well and I should love to go there. However, I could go anywhere with you all and be completely happy.

I shall be ready at nine o'clock, but I do insist on one thing; that you let me bring one cake. That is the least I can contribute.

Give my love to the children. I am looking forward so much to seeing you again.

Ever yours,

Gillian

Bài dịch

Thư trả lời chấp nhận lời mời

Jim thân mến,

Cuộc đi dã ngoại nghe có vẻ hay đấy và mình viết để nói rằng mình thật thích được đến đó. Dường như đã lâu lắm rồi mình không thấy biển. Mình nhớ vịnh Nam rất nhiều và muốn được đến đó. Tuy nhiên, mình rất vui được đi bất cứ nơi đâu với gia đình bạn.

Mình sẽ sẵn sàng vào lúc 9 giờ, nhưng có điều này mình nhất định phải làm; hãy để mình đem theo một ít bánh. Đó là việc nhỏ nhất mà mình có thể đóng góp.

Gởi lời chào thân ái của mình đến bọn trẻ. Mình mong được gặp lại bạn.

Thân ái,

Gillian

Accepting an Invitation to a Party

Dear Hugh,

Thank you for your kind invitation. Nothing could give me greater pleasure. I should very much like to come. I'll be over about 8 p.m.

Yours,

Mary

Bài dịch

Thư chấp nhận lời mời dự tiệc

Hugh thân mến,

Cảm ơn về lời mời của bạn. Mình không còn sung sướng gì hơn. Mình sẽ đến dự mình sẽ có mặt vào khoảng hơn 8 giờ tối.

Thân ái,

Mary

Refusing

Dear Hugh,

I am very sorry but I have an engagement for Sunday night. (I am very sorry indeed to say that I shall not be able to come to enjoy your house-warming party.) I am very disappointed but I fear it can't be helped.

I hope you are all keeping well. Kindest regards.

Yours ever,

Mary

Bài dịch

Thư từ chối lời mời

Hugh thân mến,

Mình rất tiếc phải dự buổi lễ đính hôn vào tối chủ nhật (mình thật sự xin lỗi phải nói rằng mình không thể đến dự bữa tiệc mừng nhà mới của bạn được). Mình rất thất vọng nhưng mình e rằng điều đó không thể tránh được.

Mình hy vọng tất cả các bạn đều khỏe. Gởi đến bạn lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thân ái,

Mary

Regrets to an Informal Lunch Invitation

Dear Janet,

I am so disappointed I will be unable to accept your kind invitation to dinner on the eleventh for your house-warming celebration. I am scheduled to be in France for a month.

Have a wonderful time. I'll look forward to getting together when I return. You must tell me all about the event. I'll call when I get back into town to arrange a time.

Best,
Sarah

Bài dịch

Thư từ chối lời mời

Janet thân mến,

Mình rất thất vọng không thể nhận lời mời đến dự tiệc mừng căn hộ mới của bạn vào ngày 11. Mình có kế hoạch sẽ phải đi Pháp trong vòng một tháng.

Chúc bạn vui vẻ. Mình mong chờ sẽ gặp lại bạn khi mình trở về. Bạn phải kể cho mình nghe mọi điều về bữa tiệc nhé. Mình sẽ gọi khi trở về thành phố để thu xếp thời gian.

Với những lời chúc tốt đẹp nhất,
Sarah

Accepting the Invitation

Dear Janet,

I shall be delighted to come over on Sunday. It will be wonderful to see you again, and I am very much looking forward to meeting some of your friends.

Sincerely,
Sarah

Bài dịch

Thư chấp nhận lời mời

Janet thân mến,

Mình rất vui được đến vào ngày chủ nhật. Thật tuyệt vời để được gặp lại bạn, và mình rất mong được gặp bạn bè của bạn.

Thân ái,
Sarah

Acceptance of Lunch Invitation

98 Fullbrook Road,
WALSALL,
WS54NT.
6th May 2008

Dear Pierre,

What a pleasant surprise! I shall be delighted to meet you on Friday 16 May, at the International. Please forgive me if I am a little late as I have an important meeting at 11 a.m. in the city, but I will do my best to be there by 12.30. I am looking forward very much indeed to seeing you again.

Yours,
David

Bài dich

Thư chấp nhận lời mời ăn trưa

98 Fullbrook Road,
WALSALL,
WS54NT.

6 tháng 5 năm 2008

Pierre thân mến,

Chuyện mới ngạc nhiên làm sao! Tôi rất vui được gặp anh vào ngày thứ sáu ngày 16 tháng 5 tại khách sạn quốc tế. Xin thứ lỗi nếu tôi có đến trễ vì có một cuộc họp quan trọng vào lúc 11 giờ sáng ở Thành phố, nhưng tôi sẽ cố gắng có mặt ở đó trước lúc 12 giờ 30. Tôi thật sự mong được gặp lại anh.

Thân ái,
David

Acceptance of a Formal Party Invitation

[usually handwritten]
Ted and Jane Turnett
accept with pleasure
the kind invitation of
Roosevelt and Suzanne Connors
to the party
at 7.30 p.m. on Saturday, the fifteen of December.

Bài dịch

Thư nhận lời mời trang trọng

[thường được viết tay]
Ted và Jane Turnett
rất vinh dự chấp nhận lời mời của
Roosevelt và Suzanne Connors
tham dự buổi tiệc
vào lúc 7 giờ 30 ngày thứ bảy 15 tháng 12

Another Acceptance of a Formal Party Invitation

[handwritten]
Ted and Jane Turnett
thank Roosevelt and Suzanne Connors
for their kind invitation to the party
on Saturday, the fifteen of December, and have
pleasure in accepting.

Bài dịch

[được viết tay]
Ted và Jane Turnett
xin cảm ơn
Roosevelt và Suzanne Connors
đã mời chúng tôi đến tham dự buổi tiệc
vào ngày thứ bảy 15 tháng 12 và hân hạnh nhận lời mời.

Refusal of a Formal Party Invitation

[Handwritten]
Ted and Jane Turnett
thank Roosevelt and Suzanne Connors
for their kind invitation to dinner
on Saturday, the fifteen of December, but regret that
a previous engagement prevents them from accepting.

Bài dịch

Thư từ chối lời mời trang trọng

[được viết tay]

Ted và Jane Turnett
xin cảm ơn
Roosevelt và Suzanne Connors
đã mời đến tham dự buổi tiệc
vào ngày thứ bảy 15 tháng 12 nhưng rất tiếc không thể nhận lời
vì trước đó đã nhận lời mời dự một buổi lễ đính hôn.

4. THANK-YOU LETTER *(Thư cảm ơn)*

OUTLINE

1. Date/Salutation

   Ngày tháng/ lời chào hỏi

2. Express thanks and appreciation for what has been done.

   Bày tỏ sự cảm ơn và sự đánh giá cao về sự việc được giúp đỡ

3. Say how useful the thing / or work is

   Hãy nói sự việc/ công việc được giúp đỡ hữu ích cho bạn như thế nào

4. Express thanks and gratitude again.

   Bày tỏ sự biết ơn một lần nữa

5. Closing& signature

   Kết thúc và ký tên

Useful Language

- It's very kind of you to invite…

  Bạn thật là tử tế khi mời…

- It was extremely good of you to …

  Bạn cực kỳ tốt khi …

- I can't thank you enough for …

  Tôi không thể diễn tả hết sự cảm ơn của tôi về…

- Thank you very much for … / Many thanks to you for…

  Cảm ơn bạn rất nhiều về...
- I'm very much obliged to you for …

  Tôi rất biết ơn anh về...
- I'm really grateful to you for …

  Tôi thực sự biết ơn anh về...
- I'd like to express my sincere thanks to you for…

  Tôi muốn gởi đến bạn lời cảm ơn chân thành của tôi về...
- My heartfelt thanks go to you for…

  Tôi chân thành cảm ơn bạn về...
- We are touched for your thoughtfulness.

  Chúng tôi xúc động vì sự chu đáo của chị.
- We were touched by your act of kindness in …

  Chúng tôi thật sự xúc động bởi việc làm tốt đẹp của anh về...
- I can't remember attending a more relaxing and enjoyable dinner party.

  Tôi không thể nhớ là đã được dự một buổi tiệc nào tuyệt vời và vui vẻ hơn thế.
- What an absolutely perfect dinner party.

  Một bữa tiệc tối thật tuyệt vời.
- I will always treasure this gift, but especially the fact that it came from you.

  Em luôn trân trọng món quà này, đặc biệt là món quà ấy lại đến từ chị.
- It's a perfect gift, and one that makes me feel even closer to you.

  Món quà thật tuyệt vời,và đó cũng là điều làm tôi thấy gần bạn hơn.

Thank-you Letter for a Gift

Dear Lan,

Thank you very much for the Vietnamese - English dictionary which arrived this afternoon. You have no idea how grateful I am for all the trouble you have taken. My work will be so much easier now and a great load seems to have been lifted off my back. Please let me know how much I owe you and thanks again.

All the best,

Huong

Bài dịch

Thư cảm ơn về món quà

Lan thân mến,

Cảm ơn bạn rất nhiều về quyển tự điển Việt-Anh mình mới nhận được chiều hôm nay. Bạn không biết mình cảm ơn bạn thế nào về sự quan tâm lo lắng bạn đã dành cho mình. Việc học tiếng Anh của mình bây giờ dễ dàng hơn nhiều và gánh nặng trên vai dường như đã được trút bỏ. Hãy nói cho mình biết mình có thể làm được gì để đền đáp và xin được cảm ơn một lần nữa.

. Với lời chúc mừng tốt đẹp nhất,

Hương

7 Yaesuu Nishi
Chu-o ku
Tokyo 102
9th December 2008

My dear Barbara,

How very kind of you to remember my birthday and what a lovely present ! Your timing was very good, too because it arrived exactly on the day. I have always wanted a Swiss watch and I can assure you that it causes quite a lot of interest here. To tell you the truth, I have worn it every day since it came.

I often think of the wonderful time we had in Tokyo and I wish you could come back.

I hope to hear from you soon. Thanks again for the present.

Lots of love,

Yuka

Bài dịch

7 Yaesuu Nishi
Chu-o ku
Tokyo 102
9 tháng 12 năm 2008

Barbara thân mến,

Bạn thật tốt là đã nhớ ngày sinh nhật của mình và món quà mới thật dễ thương làm sao. Việc tính toán thời gian của bạn thật chính xác vì món quà đến đúng vào ngày sinh nhật. Mình vẫn hằng mong có một chiếc đồng hồ

Thuỵ Sĩ và mình rất thích nó. Nói thật lòng mình đã đeo nó mọi ngày từ khi nhận được.

Mình luôn nhớ về khoảng thời gian tuyệt vời của chúng ta ở Tokyo và mình mong bạn sẽ trở lại.

Mình hy vọng sớm nhận được tin bạn. Cảm ơn bạn một lần nữa về món quà.

Thương yêu,

Yuka

Dear Aunt Margaret,

Thank you for the delightful pen case. It was an excellent choice and already several of my friends have admired it. What a thoughtful idea to have my initials engraved on it!

I thoroughly enjoyed my birthday. I think you would appreciate it.

Again, thank you. I hope to see you soon.

With kind regards,

Bài dịch

Cô Margaret kính mến,

Cảm ơn cô về chiếc hộp đựng bút xinh xắn. Cô đã chọn món qià thật tuyệt và vài người bạn của cháu đã rất thích nó. Thật sâu sắc khi có ý tưởng lấy các chữ cái đầu của tên cháu khắc trên hộp viết!

Cháu rất vui trong ngày sinh nhật. Cháu nghĩ cô cũng cảm nhận được điều đó.

Một lần nữa cháu xim cảm ơn cô. Cháu hy vọng sớm gặp lại cô.

Kính thư,

Dear Teddy,

How kind of you to remember my birthday!

Your delightful present came this morning and gave me much pleasure. It's a book I have long wanted to read, and I am promising myself a long and cosy evening with it in the near future.

I hope you are managing to keep warm this cold weather, and that you and your family are well. Please remember me to everybody.

With kindest regards,

Yours very sincerely

Irene

Bài dịch

Teddy thân mến,

Bạn tốt biết bao đã nhớ ngày sinh nhật của mình! Mình rất vui sướng khi nhận quà của bạn sáng nay. Đó là quyển sách mình mong muốn đọc từ lâu lắm rồi và mình tự hứa sẽ dành một buổi tối dài thật ấm cúng để đọc nó trong nay mai.

Hy vọng bạn sẽ trải qua được cái lạnh của mùa đông giá rét và hy vọng bạn cùng gia đình đều mạnh khoẻ. Cho mình gởi lời thăm hỏi đến mọi người.

Gửi đến bạn lời chúc tốt đẹp nhất.

Chân thành,
Irene

Dear Jim,

You are so sweet to think of such a delightful present. It was quite unexpected and all the more appreciated for that. Thank you, not only for giving me something I shall always cherish, but also for giving so much thought to choosing it.

Ever yours,
Mary

Bài dịch

Jim thân mến,

Thật quý hoá khi tặng mình món quà tuyệt vời như thế. Mình không thể ngờ được và rất cảm kích. Cảm ơn bạn không chỉ tặng mình món quà mình hằng ao ước mà còn bởi bạn đã dành nhiều tâm huyết để chọn được nó.

Thân ái,
Mary

Thank-you Letter for Dinner

[Handwritten]
(Date)
Dear Millie,

Dinner was ambrosial! Just like every meal I've ever had at your house. Thank you for your inviting Dick and me. We always enjoy getting together with you and Franz. It was a lovely, lovely evening, and we were especially ‘wild about hearing the details of your African adventure.

Fondly,
Sherry

Bài dịch

Thư cảm ơn về bữa ăn tối

[được viết tay]

(ngày tháng)

Millie thân mến,

Bữa ăn tối thật tuyệt vời. Giống như những bữa ăn mình đã thưởng thức ở nhà bạn. Cảm ơn bạn đã mời Dick và mình. Mình luôn vui thích được họp mặt cùng bạn và Franz. Đó là một buổi tối thật thú vị và nhất là chúng mình 'cuồng nhiệt' khi nghe kể chi tiết về chuyến phiêu lưu của bạn ở châu Phi.

Thương mến,

Sherry

Thank-you Letter for Hospitality.

Truong Quoc Bao
35 Chu Van An Street
Hue City
28 August 2008

Dear Mrs. Scott,

Now I am back home again and I want to write straightaway and thank you for such a splendid holiday. My English is not really good enough to express all my appreciation of what you did for me, but without any exaggeration I can say that I have never had such a good time in my life.

After all the race meetings, dances and parties, things seem to be very dull here in my city!

Truly I shall never forget your kindness and the patience you and Mr. Scott showed in helping me with my English. Once more let me thank you most warmly for a marvelous stay.

Yours sincerely,

Truong Quoc Bao

Bài dịch

Thư cảm ơn về sự hiếu khách

Trương Quốc Bảo
35 đường Chu Văn An
Thành phố Huế
28 tháng 8 năm 2008

Bác Scott kính mến,

Cháu đã về nhà rồi và cháu muốn viết thư ngay để cảm ơn bác về kỳ nghỉ thú vị. Tiếng Anh của cháu chưa đủ giỏi để diễn tả sự cảm kích về những gì bác đã làm cho cháu, nhưng cháu có thể nói không một chút phóng đại nào là chưa bao giờ trong cuộc đời mà cháu lại vui đến như thế.

Sau những kỳ đua ngựa, khiêu vũ, tiệc tùng mọi thứ giường như rất buồn chán ở thành phố của cháu. Thật sự cháu sẽ không bao giờ quên được sự tử tế và tính kiên nhẫn khi bác và bác trai giúp cháu học tiếng Anh. Một lần nữa, xin hãy cho cháu nói lời cảm ơn nồng nhiệt về thời gian ở lại tuyệt vời tại nhà bác.

Kính thư,
Trương Quốc Bảo

5. LETTER OF COMPLAINT *(Thư phàn nàn)*

OUTLINE

Paragraph 1: Purpose of the letter (explain why you are writing)

Đoạn một: Mục đích viết thư (giải thích lý do viết thư)

Paragraph 2: Explain what the problem is and describe any action you have already taken.

Đoạn 2: Giải thích vấn đề như thế nào và nói rõ biện pháp bạn đã thực hiện.

Paragraph 3: Say what inconvenience it has caused you.

Đoạn 3: Hãy nói sự phiền phức việc đó đã gây ra cho bạn.

Paragraph 4: State what you want to be done about the problem.

Đoạn 4: *Nói rõ bạn muốn vấn đề đó được giải quyết.*

Useful Language

- I would like to point out…
  Tôi muốn chỉ ra rằng...
- I am writing to express my dissatisfaction with/ at…
  Tôi viết để bày tỏ sự thất vọng của tôi về...
- I am writing with reference to…
  Tôi viết thư về chuyện có liên quan đến...
- I am writing to you regarding/ in connection with…
  Tôi viết thư cho ông về ...
- I am writing to complain about**...**
  Tôi đang viết để than phiền về...
- I am writing to make a complaint about the recent purchase.
  Tôi viết để than phiền về món đồ vừa mới mua.
- Furthermore / in addition /what's more, …
  Hơn nữa,...
- On top of all, …
  Ngoài tất cả những việc này ra, ...
- As a consequence of this, …
  Vì thế,...
- This caused me to…
  Việc này gây ra cho tôi .....
- What made the matter worse was that…
  Tệ hại hơn nữa là...
- I expect a full refund / a better service from your company.
  Tôi mong được hoàn trả đầy đủ số tiền / sự phục vụ tốt hơn từ công ty ông.
- I expect to be compensated for …
  Tôi mong được đền bù về...
- Please replace the goods as soon as possible.
  Làm ơn đổi hàng càng sớm càng tốt.
- I would like to know what action you will take to rectify this situation.
  Tôi muốn biết ông sẽ dùng biện pháp nào để điều chỉnh tình thế.
- I look forward to a prompt reply/ a full explanation.
  Tôi mong chờ câu trả lời ngay / lời giải thích đầy đủ.
- My main objective is to ensure that this doesn't happen again.
  Mục đích chính của tôi là bảo đảm việc này không xảy ra nữa.

Complaint about the Item of Clothing

17 Enfield Court,
Enfield Road,
Twickenham,
Middlesex MY6 3PQ
5th May 2007

…………

…………

Dear Sir,

I am writing to complain about the cotton shirt I bought from your shop while on holiday this summer. When I took it out of the bag and examined it closely, I found a large, black mark at the side. As you will realise, I was extremely upset to discover this flaw. At your prices, I expect top quality!

I am returning the shirt with this letter and look forward to receiving a full refund of $50.

Yours faithfully,
Sue Kelly

Bài dịch

Phàn nàn về món đồ may mặc

17 Enfield Court,
Enfield Road,
Twickenham,
Middlesex MY6 3PQ
5 tháng 5 năm 2007

Thưa Ông,

Tôi viết để than phiền về chiếc áo sơ mi coton tôi đã mua ở cửa hiệu của ông khi đi nghỉ hè này. Khi tôi lấy nó ra khỏi túi xách, xem kỹ thì phát hiện một vết đen lớn ở phía bên sườn. Như ông thấy đó, tôi hết sức bực mình khi phát hiện ra lỗi này. Với giá bán của ông, tôi nghĩ là chất lượng hàng đầu.

Tôi sẽ trả lại cái áo cùng với bức thư này và mong nhận lại đầy đủ số tiền 50 đô la.

Trân trọng,
Sue Kelly

Complaint about the Item of Clothing

Palace Hotel,
Highmoor Square,
London
5th May 2007

Dear Sir,

I am writing to express my dissatisfaction about a recent purchase. On April 30th I bought a flower pattern maxi- skirt at your store for $7. Two days later I was caught in a heavy shower while walking in the park and by the time I arrived home the maxi skirt was well above my ankles and became a mini- skirt!

I notice that on the manufacture's label, it states" If it shrinks, we replace".

I should be grateful if you change the skirt for a similar one which is guaranteed not to shrink, or refund my $7.

I look forward to hearing from you.

Yours faithfully,
Isabella

Bài dịch

Phàn nàn về món đồ may mặc

Khách sạn Palace
Quảng trường Highmoor
Luân Đôn
Ngày 5 tháng 5, 2007

Kính thưa ông,

Tôi viết để bày tỏ sự không hài lòng về món đồ vừa mới mua. Vào ngày 30 tháng 4 tôi có mua một chiếc váy dài có hoa văn tại cửa hiệu của ông với giá 7 đô la. Hai ngày sau tôi bị mắc mưa rào khi đi tản bộ trong công viên và vào lúc tôi về tới nhà, chiếc váy dài trên mắc cá chân đã biến thành chiếc váy ngắn!

Tôi thấy trên nhãn của nhà xản xuất có ghi "nếu vải go, chụng tôi sẽ đổi".

Thật may mắn nếu ông đổi cho tôi một chiếc váy khác tương tự mà bảo đảm là không bị go hoặc hoàn trả lại cho tôi số tiền 7 đô la.

Tôi mong nhận được tin từ ông.

Trân trọng,

Isabella

Returning Item of Clothing

Customer Service Department
J. Briggs Clothing
Oldtown, ME

Dear Customer Service:

Enclosed is a blouse I purchased from your Web site last month.

I wore it twice, and then washed it. I followed the instructions on the tag precisely. The blouse shrank several sizes, and the lining of the collar disintegrated.

I have attached a copy of the invoice and shipping documents. Under terms of your ninety-day satisfaction guarantee, please issue a credit for the full price of the blouse.

Sincerely,
Morgan Diamond

Bài dịch

Hoàn trả món đồ may mặc

Phòng dịch vụ khách hàng
Cửa hàng quần áo J. Briggs
Oldtown, tiểu bang Maine

Kính gởi Dịch vụ khách hàng,

Kèm theo đây là chiếc áo tôi đã đặt mua từ trang Web của ông tháng trước.

Tôi đã mặc nó hai lần và giặt nó. Tôi đã làm theo các chỉ dẫn ở trên nhãn hàng một cách kỹ càng. Chiếc áo đã co ngắn lại một vài cỡ và đường chỉ ở cổ áo bị rã.

Tôi gởi kèm theo đây một bản copy hoá đơn và phí vận chuyển. Xin ông hãy trả lại đầy đủ số tiền tôi đã mua áo trong thời gian được bảo hành 90 ngày theo thoả thuận.

Trân trọng kính chào,

Morgan Diamond

Complaint about Deteriorating Service at Supermarket

Manager
Super Shop Supermarket
Smalltown, OH

Dear Manager:

I am a lifelong resident of Smalltown, and I have been a patron of your supermarket ever since it opened some ten years ago.

For nearly all of that time, Super Shop has been my favorite place to shop here in Smalltown. Until now, I have been quite satisfied with the quantity and service.

Regretfully, I find it necessary to bring your attention the deterioration of both the quality and service. For the past six months, grocery shopping at your store has become a chore rather than something to which I look forward.

The parking lot is regularly littered with abandoned carts. The shelves are increasingly sloppy, and the store seems to be operating with more closed checkout aisles than open ones.

Last week, I had to bring to the attention of an uninterested stock person the fact that there was milk on the shelves that was outdated by several days. I also have found open packages of meat in the cooler.

I hope that I will not need to take my business out of town to the Mega Market on the highway, but I will do so if conditions do not improve soon.

I look forward to hearing from you soon.

Sincerely,

Monica Diamond

Bài dịch

Phàn nàn về sự phục vụ yếu kém ở siêu thị

Giám đốc
Siêu thị Super Shop
Smalltown, tiểu bang Ohio

Thưa ông Giám đốc:

Tôi là cư dân lâu đời của thành phố Smalltown và cũng là khách quen tại siêu thị của ông từ khi nó được khai trương cách đây 10 năm.

Trong ngần ấy thời gian, Super Shop là nơi mua sắm yêu thích của tôi ở thành phố Smalltown này. Cho đến bây giờ, tôi vẫn luôn hài lòng với chất lượng và phong cách phục vụ.

Thật đáng tiếc, tôi thấy cần thiết để lưu ý với ông về chất lượng hàng hoá và cả cách phục vụ. Sáu tháng qua, việc mua sắm hàng tạp phẩm ở của hiệu của ông đã trở thành một công việc mệt nhọc hơn những gì tôi mong đợi.

Những chiếc xe đẩy trống không thường bị vứt bừa bãi ở bãi đậu xe. Các giá hàng hoá càng ngày càng nhếch nhác và một số rất ít quầy thu ngân làm việc.

Tuần trước tôi phải nhắc nhở một nhân viên trông coi kho không quan tâm đến sữa trên giá đã hết hạn vài ngày. Tôi cũng phát hiện các gói thịt đã bị mở ra trong ngăn lạnh.

Hy vọng là tôi không phải đi mua sắm ở siêu thị Mega ở ngoại ô thành phố, nhưng tôi sẽ làm như thế nếu tình hình không được sớm cải thiện.

Tôi mong sớm nhận tin của ông.

Kính chào ông,
Monica Diamond

Complaint about Restaurant

Ernie Caruso, Owner
Caruso's Italian Restaurant
Smalltown, OH

Dear Mr. Caruso:

We have been regular customers at Caruso's Restaurant for the past several years. Regrettably, after our most recent visit, we are uncertain if we want to return.

Last week my friends and I came to your restaurant to celebrate the twentieth birthday of one of our friends. Instead of our usual enjoyable dinner, we ran into trouble at every step.

We made a reservation for a table for six several days in advance, and told the maid that it was for special occasion. When we arrived for the dinner, we were made to wait about thirty minutes and finally shown to a round table designed for four people.

The table was in the middle of the dining room, surrounded by three noisy groups around us. We were unable to hear each other talk, and apparently the waiter could not hear us very well, either. Our order was hopelessly mixed up, with three of the six orders in error. Two of the friends asked for their steak rare and had to send it back once because it was overcooked and a second time because the potatoes and vegetables were cold.

Overall, we were very disappointed with our night out. I'm writing in hopes that this will help you return to your previous level excellence.

Sincerely,

Monica Diamond

Bài dịch

Phàn nàn về nhà hàng

Ernie Caruso, Chủ nhà hàng
Nhà hàng Ý Caruso
Smalltown, tiểu bang Ohio

Thưa ông Caruso:

Chúng tôi là khách hàng thường xuyên ở nhà hàng Caruso nhiều năm qua. Thật tiếc thay, sau lần đến nhà hàng gần đây nhất, chúng tôi chắc chắn là không muốn trở lại đó.

Tuần trước, bạn tôi và tôi đến nhà hàng để kỷ niệm lần sinh nhật thứ 20 của một người bạn. Thay vì có một bữa ăn tối vui vẻ như thường lệ, chúng tôi đã từng bước gặp phiền toái.

Chúng tôi đã đặt trước một bàn cho 6 người và bảo với cô phục vụ đây là dịp quan trọng. Khi đến ăn tối, chúng tôi bị buộc phải chờ 30 phút và cuối cùng được xếp chỗ ngồi ở một bàn tròn dành cho 4 người.

Bàn của chúng tôi ở giữa phòng ăn, xung quanh là 3 nhóm người khác rất ồn ào. Chúng tôi không thể nghe khi nói chuyện với nhau và dường như người phục vụ cũng không nghe rõ chúng tôi. Các món ăn mà chúng tôi gọi bị nhầm lẫm một cách đáng thất vọng, 3 trong số 6 món bị nhầm lẫn. Hai người bạn của tôi gọi món bò bít-tết tái nhưng phải trả lại lần thứ nhất vì nấu quá nhừ và lần thứ hai cũng phải trả lại vì khoai tây và rau quá nguội lạnh.

Nói chung, chúng tôi rất thất vọng về buổi tối đi chơi đó. Tôi viết bức thư này với hy vọng sẽ giúp ông lấy lại uy tín lúc ban đầu.

Trân trọng kính chào,

Monica Diamond

Complaint about a Neighbor

Dear Mr. ______,

I am a person who lives next door to yours, and I am afraid to write to you about the noise of your television. I am quite sure you do not realise how far the sound carries, or you would have the volume much lower. In fact we can hear almost every word that is said. Luckily we both have the same tastes in music, though perhaps different ideas about bedtime! (During the day this doesn't worry me, but after eleven in the evening when I am usually in bed I do find that it keeps me awake).

I hope you won't take offence at my mentioning this. Please let me know at once if my TV ever disturbs you.

Yours truly,

Bài dịch

Phàn nàn về người hàng xóm

Thưa Ông________,

Tôi là người sống cạnh nhà ông và tôi rất ngại khi viết thư này cho ông phàn nàn về tiếng ồn từ ti-vi của ông. Tôi chắc là ông không nhận biết được âm thanh truyền đi bao xa, nếu không ông đã vặn nhỏ lại âm lượng. Cũng may là cả hai chúng ta đều có cùng sở thích âm nhạc nhưng có lẽ khác nhau về vấn đề thời gian. (Cả ngày việc này không làm phiền tôi nhưng sau 11 giờ đêm lúc ngủ tôi thường bị đánh thức.)

Tôi hy vọng ông sẽ không phật ý khi tôi đề cập tới việc này. Xin hãy cho biết liệu ti-vi nhà tôi có làm mất giấc ngủ của ông hay không.

Kính chào ông,

Complaint about Noise

Mr. and Mrs. Herbert Saul,

Smalltown,OH

Dear Mr. and Mrs. Saul:

Please let me take this opportunity to introduce myself and to welcome you to the neighborhood. My wife, Karen and I live at number 19, just up the road from your new home.

We have lived on Meadow Street for the past twenty years. Most likely because I'm older than everyone else around here, I am often addressed as the unofficial 'major' of the neighborhood.

Speaking for all of us, I wish you and your family many happy years here. We all pitch in to help each other any time we can, and do what we can do to keep our community a safe and peaceful place.

I have been asked by several of our neighbors to communicate their best wishes about a problem that has risen since you moved in. We all love music, and most of us have had, or will have, teenagers. We would, though, appreciate it if you would ask your teens to turn down the volume.

We all look forward to meeting and greeting you properly after you have the chance to settle in.

Sincerely,
Harold Diamond

Bài dịch

Phàn nàn về tiếng ồn từ nhà hàng xóm

Ông và bà Herbert Saul,

Smalltown, OH

Kính thưa ông bà Saul:

Nhân cơ hội này tôi xin được tự giới thiệu mình và xin chúc mừng ông bà đến ở khu vực chúng tôi. Vợ tôi, Karen và tôi sống ở số nhà 19, ở đầu đường đi vào nhà mới của ông bà.

Chúng tôi đã sống ở đường Meadow này hơn 20 năm qua. Chắc là vì tôi lớn hơn bất cứ ai xung quanh đây nên tôi thường được gọi là "thị trưởng" bất đắc dĩ ở khu này.

Thay mặt cho tất cả mọi người ở đây, tôi xin được chúc ông và gia đình sống nhiều năm hạnh phúc tại khu vực này. Tất cả chúng ta đều hăng say làm việc để giúp nhau bất cứ khi nào có thể, và làm tất cả những gì có thể để giữ gìn khu nhà ở của chúng ta an toàn và bình yên.

Một vài người hàng xóm của chúng tôi yêu cầu tôi truyền đạt mong muốn của họ về vấn đề nảy sinh khi ông bà chuyển đến đây. Chúng tôi đều rất yêu âm nhạc, và tất cả chúng tôi đều đã có hoặc sẽ có con cái ở độ tuổi mười mấy. Thế nhưng chúng tôi sẽ rất cảm kích nếu ông, bà bảo các con của ông vặn nhỏ bớt âm lượng.

Tất cả chúng tôi mong được gặp ông bà để chào hỏi một cách đàng hoàng sau khi ông bà đã ổn định nơi ăn chốn ở.

Chân thành,

Harold Diamond

Complaining of Noise

Mr. and Mrs. Herbert Saul,
Smalltown,OH

Dear Mr. and Mrs. Saul:

I have recently communicated a request by some of your neighbors to ask your teens to tone down their music. Two of your adjacent neighbors have small children, and even those four houses down have trouble sleeping at night because of the noise.

As in a family, we in this neighborhood try to resolve all issues amongst ourselves whenever possible. Please ask your children to respect the fact that we don't all want to listen to their music, especially at all hours of the night.

Sincerely,

Harold Diamond

Bài dịch

Phàn nàn về tiếng ồn

Thưa ông và bà Saul:

Tôi vừa mới truyền đạt một yêu cầu của một vài người hàng xóm của ông bà yêu cầu các con ông vặn bớt tiếng nhạc nhỏ lại. Hai nhà ở cạnh ông bà có con nhỏ và ngay cả 4 gia đình ở tầng dưới cũng gặp phiền toái vào giờ nghỉ ban đêm vì tiếng ồn.

Như một gia đình, chúng tôi ở trong khu này cố gắng giải quyết mọi vấn đề xảy ra bất cứ khi nào có thể. Làm ơn bảo các con của ông bà hãy tôn trọng chúng tôi, chúng tôi không muốn nghe những bản nhạc của chúng, đặc biệt vào ban đêm.

Chân thành,

Harold Diamond

Complaint about Neiborghhood Dog

[Mailed]

(Date)

Mr. Calvin:

I'm writing after leaving several messages on your telephone answering machine. As I stated, I have a real concern about the safety of our children given the fact that your dog, Bunky, has jumped the fence around your yard several times and displays a vicious nature. My daughter, Karen, who is five years old, is terrified to pass by your yard because of Bunky's fierce barking and efforts to jump over the fence.

Please call me this evening after 6:30 P.M. to arrange the time to discuss this, I'm sure you'll agree this matter needs our immediate cooperation attention. Surely we can come up with a satisfactory solution.

Sincerely,

Susan Webber

Bài dịch

Phàn nàn về con chó nhà bên cạnh

[Thư gởi qua bưu điện]

(Ngày tháng)

Gởi ông Calvin:

Tôi viết thư này sau khi đã để lại lời nhắn trên máy trả lời điện thoại của ông. Như tôi đã nói rõ, tôi thực sự quan tâm về sự an toàn của con chúng tôi, sự việc là con chó Bunky của ông đã nhảy lên hàng rào quanh sân nhà ông vài lần bộc lộ bản chất hoang dã và nguy hiểm. Con gái của tôi, Karen, 5 tuổi, rất sợ khi đi ngang qua sân của ông vì tiếng sủa hung dữ và sự cố gắng nhảy qua khỏi hàng rào của Bunky.

Xin hãy gọi điện cho tôi chiều nay sau 6 giờ 30 để sắp xếp thời gian thảo luận việc này, tôi chắc ông sẽ đồng ý rằng vấn đề này cần sự hợp tác kịp thời của chúng ta. Chắc chắn chúng ta có thể tìm ra giải pháp thoả đáng.

Kính chào ông,

Susan Webber

Complaint about the State of the Road

10 North Parade
Loxley
15 April 2007

The Chairman
Town Council
Loxley

Dear Sir,

I am writing to express my concern about the appalling state of the road outside my house. Indeed, the road is in such bad repair that my nextdoor neighbour has recently had the misfortune to get the back wheel of her car stuck in one of the enormous potholes outside my gate. She was not only most distressed by the incident but also had to pay for a breakdown truck to pull her car out.

The damage to the road surface is clearly the result of the period of extremely cold weather we had with ice and snow. That, however, was two months ago and still nothing has been done, despite the fact that the road was inspected by a member of the council immediately after the weather improved.

I must, therefore, insist that the council takes steps to have the road repaired as soon as possible. Moreover, I must urge the council to take appropriate action to ensure that situations like this are rectified more promptly in the future.

I look forward to hearing from you.

Yours faithfully,
Fred Smith

Bài dịch

Thư phàn nàn về tình trạng đường phố

10 North Parade
Loxley
15 tháng 4 năm 2007

Ông chủ tịch
Hội đồng thành phố
Loxley

Thưa ông,

Tôi viết thư này để bày tỏ mối quan tâm của tôi về trình trạng cực kỳ xấu của con đường trước nhà. Thật vậy, con đường đang xuống cấp đến nỗi gần đây một người hàng xóm sống cạnh nhà tôi không may bị bánh xe sau của cô ấy kẹt vào một trong những ổ gà lớn ngoài cổng nhà tôi. Cô ấy không chỉ khốn khổ vì sự việc đó mà còn phải trả tiền cho việc thuê xe tải kéo chiếc xe ra khỏi đó.

Bề mặt đường hư hại rõ ràng là do thời tiết quá lạnh có băng và tuyết kéo dài. Tuy nhiên, tình trạng đó xảy ra cách đây hai tháng và mãi cho đến nay vẫn chưa được giải quyết, mặc dầu con đường đã được thành viên của hội đồng xem xét kỹ ngay sau khi thời tiết khá hơn.

Vì vậy, tôi khẩn cầu hội đồng phải có giải pháp sữa chữa con đường càng nhanh càng tốt. Ngoài ra, tôi xin đề xuất với hội đồng có biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng tình trạng như vậy luôn được giải quyết kịp thời trong tương lai.

Tôi mong nhận được tin từ ông.

Trân trọng kính chào,
Fred Smith

Complaint about the Holiday

Dear Sir,

I have just come back from a holiday in Spain and all I can say is that it was a nightmare from start to finish! When I chose Sunthoms Holiday I was under the impression that I was dealing with a company you could rely on. How wrong can you be!

The trouble started even before we had left the country. To begin with, the plane was overbooked. This meant that I myself and ten other passengers were forced to go on another plane - one hour later! Unfortunately, our luggage was still on the first plane, there was a further delay in sorting out the mess.

The 'luxury' hotel as advertised in your holiday brochure was still under construction, which meant that there was a constant sound of cement mixers and so on - hardly the peaceful and relaxing holiday I had been looking forward to.

My room was much smaller than I expected and throughout my stay I never once managed to get the shower to work properly- the water was either too cold or too hot.

Another thing, in your brochure you state that the hotel is only a few minutes from the sea. Twenty-five to be exact! And what a beach. It was so polluted that it was positively dangerous to one's health.

Finally, on the return journey I found myself sitting amongst a group of smokers despite the fact that I had specifically asked for a non-smoking seat. If I get lung cancer in the future then all I can say is that Sunthoms Holidays are to blame! This is the worst holiday I have ever had in my life, and I demand to get my money back. If not, I shall put the matter in the hands of my solicitor.

I look forward to hearing from you.

Yours faithfully,

Bài dịch

Thư phàn nàn về kỳ nghỉ

Thưa ông,

Tôi vừa mới đi nghỉ trở về từ Tay Ban Nha và tất cả những gì tôi muốn nói là kỳ nghỉ thật sự là một cơn ác mộng từ khi bắt đầu cho đến kết thúc! Khi tôi chọn đi nghỉ ở Sunthoms tôi có cảm tưởng tôi đang giao thiệp với một công ty mà ông tin cậy. Ông đã sai quá rồi !

Vấn đề bắt đầu nảy sinh trước khi chúng tôi rời đất nước. Trước hết, máy bay bị đăng ký vé trước quá nhiều. Việc này dẫn đến việc tôi và 10 hành khách khác bị buộc lên một chiếc máy bay khác khởi hành 1 giờ sau đó! Thật không may, hành lý của chúng tôi vẫn đang còn trên chiếc máy bay trước, chúng tôi phải chờ rất lâu mới lấy được hành lý.

Khách sạn "sang trọng" được quảng cáo ở quyển sách nhỏ hướng dẫn du lịch của ông vẫn còn đang được xây dựng, chúng tôi phải chịu đựng âm thanh không ngừng của máy trộn xi-măng - hầu như không còn là kỳ nghỉ yên tĩnh và thoải mái mà chúng tôi mong đợi.

Phòng của tôi nhỏ nhiều hơn tôi tưởng và suốt thời gian ở lại tại khách sạn, tôi chưa lần nào dùng được vòi hoa sen - nước không lạnh mà cũng không nóng.

Một chuyện khác nữa, trong sổ tay quảng cáo du lịch của ông nói rằng khách sạn chỉ cách biển một vài phút đi bộ. Chính xác là 25 phút ! Và bãi biển thật là tệ. Nó bị ô nhiễm đến nỗi việc đó cực kỳ gây nguy hiểm đến sức khoẻ người dân.

Cuối cùng, trong chuyến trở về, tôi lại ngồi với một nhóm người hút thuốc lá mặc dầu tôi đã chính thức đặt vé ngồi ở khoang không hút thuốc. Nếu trong tương lai tôi bị ung thư phổi, vậy thì tôi phải nói rằng kỳ nghỉ Sunthoms đáng bị lên án! Đây là kỳ nghỉ tồi tệ nhất trong đời tôi và tôi yêu cầu được hoàn trả lại số tiền. Nếu không, tôi sẽ giao vấn đề này cho luật sư của tôi giải quyết.

Tôi mong nhận được tin của ông.

Trân trọng,

Another Complaint about the Holiday

Dear Sir / Madam,

We've just returned from our visit to London, which you arranged for us. There were a number of problems that arose. Firstly, the tickets you sent us had been completed incorrectly. As a result, we missed our flight and had to travel on a later plane, not arriving in London till midnight. Secondly, the rooms were no longer available when we arrived at the hotel, even though we'd paid you for the accommodation in advance. Fortunately, the hotel staff kindly found us a double room with shower in another hotel and paid for our taxi there. Finally, although the other hotel was surprisingly comfortable and friendly, it was way out in the suburbs and it took us an hour to get into the centre the next day, which involved a long train journey.

We expect to be compensated for the inconvenience caused by your errors.

I look forward to hearing from you.

Yours sincerely,

Bài dịch

Thư phàn nàn về kỳ nghỉ

Thưa Ông/ Bà,

Chúng tôi vừa mới trở về sau chuyến viếng thăm Luân Đôn mà ông/ bà đã sắp xếp cho chúng tôi. Đã có nhiều vấn đề nảy sinh. Trước tiên, vé mà ông/ bà đã gởi đến cho chúng tôi có những thông tin không chính xác. Vì vậy chúng tôi đã lỡ chuyến bay và phải lên chiếc máy bay trễ hơn, mãi cho đến nửa đêm mới tới được Luân Đôn. Việc thứ hai, phòng đã không còn khi chúng tôi đến khách sạn mặc dầu chúng tôi đã trả trước tiền ăn ở. Thật may, nhân viên khách sạn đã tốt bụng tìm cho chúng tôi một phòng đôi có vòi tắm hoa sen ở một khách sạn khác và trả tiền taxi cho chúng tôi đến đó. Cuối cùng, mặc dầu khách sạn đó thật thoải mái và thân thiện, nó ở xa ngoài vùng ngoại ô và chúng tôi phải mất một tiếng đồng hồ dài đi tàu lửa để vào trung tâm thành phố ngày hôm sau.

Chúng tôi hy vọng được đền bù cho những phiền phức do lỗi ông/ bà gây ra.

Tôi mong tin của ông/ bà.

Kính chào ông/ bà,

6. LETTER OF APOLOGY *(Thư xin lỗi)*

OUTLINE

1. Take the responsibility

   Nhận lấy trách nhiệm (vì đã gây ra lỗi lầm)

2. Emphasize with the offended and explain what happened

   Nhấn mạnh việc đã làm mất lòng (đã gây khó chịu) và giải thích việc đã xảy ra.

3. Make things right (or offer compensation)

   Nói lời xin lỗi (hoặc đền bù)

Useful language

- I'm terribly/ awfully/ really sorry.
  Tôi thật sự xin lỗi.
- I am writing to apologize for …
  Tôi viết để xin lỗi về…
- Please accept my apologies for any inconvenience.
  Xin vui lòng thứ lỗi cho tôi đã gây ra những điều phiền phức.
- I would be grateful if you would…
  Tôi rất biết ơn nếu ông…
- I apologize for my bad behaviour.
  Tôi xin lỗi về hành vi tồi tệ của mình.
- I know I offended you and I am so very sorry.
  Tôi biết đã làm bà khó chịu và tôi thật sự xin lỗi.
- The error was completely my fault, and I sincerely apologize.
  Sai sót là do lỗi của tôi và tôi thành thật xin lỗi.
- Yes, if I had been in your shoes I would feel offended; I'm so sorry.
  Vâng, nếu tôi ở vào tình cảnh của anh tôi cũng cảm thấy bực mình; Tôi thật sự xin lỗi.
- I know I hurt you, and I am thoroughly ashamed of myself.
  Tôi biết tôi đã xúc phạm bạn và tôi thật sự xấu hổ về chính mình.
- I so regret my actions.
  Tôi rất hối tiếc về hành động của mình.
- I'm so sorry my actions caused you such pain.
  Tôi thật sự xin lỗi về hành động của tôi đã làm cho bạn đau đớn đến vậy.
- I owe you my sincere apology.
  Tôi chịu ơn bạn lời xin lỗi của tôi.
- May I have the opportunity to make things right?
  Liệu tôi còn có cơ hội sửa sai không?
- I do promise to be more sensitive to your feelings in the future.
  Tôi hứa sau này sẽ tỏ ra nhạy cảm hơn với tình cảm của anh.
- Look, don't worry. I'll buy you a new one/ pay for the damage.
  Này, đừng lo lắng gì cả. Tôi sẽ mua một chiếc mới cho bạn / trả cho sự thiệt hại.

Apology for Missing Appointment

Al Catel
Smalltown, OH

Dear Al:

I'm so sorry I missed our appointment for this morning; I got held up in a class meeting and could not break away.

Please call me to reschedule. I am available any weekday except Friday from 2 to 4 P.M., and because I missed our meeting I also am willing to drop by your house any time Saturday if that works better for you.

My apologies.
Sincerely,

Bài dịch

Xin lỗi vì lỡ cuộc hẹn

Al Catel
Smalltown, OH

Al thân mến:

Mình rất tiếc là đã lỡ cuộc hẹn sáng nay; Mình bận họp lớp và không thể bỏ đi được.

Làm ơn hãy gọi cho mình để xắp xếp lại thời gian. Mình rỗi các ngày trong tuần trừ ngày thứ sáu từ 2 tới 4 giờ chiều, và vì mình đã lỡ hẹn, mình sẵn sàng ghé qua nhà bạn bất cứ khi nào vào ngày thứ bảy nếu bạn thấy tiện.

Thành thật xin lỗi bạn.
Chân thành,

Apology for Missing a Date

Dear Nancy,

I could tell by the tone of your voice tonight that you are upset with me for forgetting our luncheon date, and I can't blame you.

There's no excuse for my stupidity; I forgot to look at my calendar. I would hate to have this slip-up causing a rift in our friendship. Please forgive me, Nancy.

To make up for the mess I've made, I'd like to invite you here for lunch next Wednesday, the 12th. Let's get together.

Cordially,

Bài dịch

Xin lỗi vì lỡ hẹn

Al Catel

Smalltown, OH

Nancy yêu quý,

Qua giọng nói của bạn tối qua, mình có thể hình dung ra rằng bạn đã giận mình nhiều lắm vì mình đã quên mất buổi hẹn đi ăn trưa với bạn, và mình không thể trách bạn được.

Thật không thể nào tha thứ cho sự ngốc nghếch của mình; Mình đã quên xem lịch. Mình không muốn sự sơ suất này gây ra sự rạn nứt tình bạn của chúng ta. Thứ lỗi cho mình Nancy nhé.

Để đền bù lại lỗi lầm mình đã gây ra, mình hân hạnh mời bạn đến đây vào thứ tư, ngày 12 này để chúng ta cùng ăn trưa với nhau. Hãy đến nhé bạn!

Bạn thân,

Apology for Missing Dinner Party

Dear Berth:

I hope you know us well enough to realize that we would never have missed your dinner party without a very good reason. As we were leaving for your house we got a call informing us that our son was involved in an automobile accident. He was taken to the emergency room, and our only thought at the time was to be with him. The very good news is that he was not badly hurt and will fully recover.

We would much rather have been at your dinner party; I'm sure it was a lovely evening.

We hope to see you again sometimes soon.

Sincerely,

Bài dịch

Xin lỗi vì không đến dự tiệc tối

Berth thân mến:

Mình hy vọng bạn biết chúng mình khá rõ đủ để thấy rằng chúng mình không bao giờ bỏ lỡ bữa tiệc tối mà không có lý do chính đáng. Khi chúng mình sắp sửa đến nhà bạn thì nhận một cuộc gọi thông báo rằng con trai của chúng mình bị tai nạn xe hơi. Nó đã được đưa đến phòng cấp cứu và vào lúc đó chúng mình chỉ nghĩ là phải ở bên nó. Có tin vui là nó đã không bị thương nặng và sẽ hoàn toàn bình phục.

Chúng mình đã rất thích đến dự buổi tiệc tối; Mình chắc buổi tối đó thật là tuyệt.

Chúng mình hy vọng sẽ sớm gặp lại bạn.

Bạn chân thành của bạn,

Apology for Missing Birthday

Dear Florence:

I never thought I would let something as important to me as your birthday slip by. Unlike you, I must be getting old.

My only consolation is that I will have many more opportunities in the future to get it right.

Fondly,

Monica Diamond

Bài dịch

Xin lỗi vì đã không nhớ ngày sinh nhật

Florence thân mến:

Bác nghĩ bác sẽ không bao giờ bỏ lỡ việc gì đó quan trọng đối với bác cũng như là việc quên mất ngày sinh nhật của cháu. Không như cháu, bác ắt hẳn là đã già rồi.

Niềm an ủi duy nhất đối với bác là bác sẽ có nhiều cơ hội hơn để sửa chữa sai lầm sau này.

Thương yêu,

Monica Diamond

Apology for Breaking Item at Party

Ellen Gates
Smalltown,OH

Dear Ellen:

I want to thank you again for the lovely lunch the other day; I enjoyed catching up on old times with you and Alice.

Although you were very gracious about it, I feel terrible about breaking one of your favorite coffee cups- I never knew there were so many varieties of cow spots. I was shopping the next day and I saw another cup with pictures of cows all over it, and I thought of you again.

Please add this cup to your collection.

Sincerely,
Monica Diamond

Bài dịch

Xin lỗi vì đã làm vỡ một món đồ tại bữa tiệc

Ellen Gates
Smalltown, bang Ohio
Ellen thân mến:

Cảm ơn bạn một lần nữa về bữa ăn trưa tuyệt vời hôm nọ. Tôi thích được hàn huyên tâm sự về ngày xưa với bạn và Alice.

Mình cảm thấy áy náy vì đã làm vỡ chiếc tách cà phê yêu thích của bạn mặc dù bạn thật tốt bụng về việc đó. Mình không hề biết có nhiều loại tách với hoa văn có hình đốm như con bò sữa. Ngày sau đó, khi đi mua sắm mình phát hiện chiếc tách có hình con bò trên toàn bộ chiếc tách và tôi chợt nghĩ về bạn.

Hãy bổ sung chiếc tách này vào bộ sưu tập của bạn.

Thân ái,
Monica Diamond

Apology for Damaged Dress

Dear Morgan:

I am so sorry that you found a stain on the dress I borrowed from you. I should have noticed the damage. Please believe me when I tell you I had no idea it was there.

I hope you will allow me to take you out to lunch, and to your favorite store to buy a replacement.

Sincerely,
Judy

Bài dịch

Xin lỗi về chiếc áo đầm bị ố

Morgan Thân mến:

Tôi lấy làm tiếc về vết ố trên chiếc áo đầm tôi đã mượn bạn. Lẽ ra tôi phải nhận thấy sự hư hại này. Xin hãy tin tôi khi tôi nói là đã không biết có vết ố ở đó.

Tôi hy vọng bạn cho phép tôi mời bạn ăn trưa và đến cửa hiệu yêu thích của bạn để mua một cái khác thay thế.

Chân thành,

Judy

7. LETTER OF APPLYING TO AN ADVERTISEMENT *(Thư xin việc ở mục quảng cáo)*

OUTLINE

- **Your name, address and date of writing**

  Tên, địa chỉ, ngày tháng viết thư
- **Name and address of the company**

  Tên và địa chỉ của công ty mà bạn gởi đơn xin việc
- **Greeting**

  Chào hỏi
- **Introduction (*Mở đầu*)**

  - Explain which job you are applying for and say how/ where you saw the ad.

    Nói rõ công việc mà bạn đang nộp đơn xin và nói rõ bạn biết được và thấy mẫu quảng cáo như thế nào.
- **Body (*Nội dung chính của bức thư*)**

  - Mention your education, qualifications and working experience

    Nói đến trình độ học vấn, khả năng chuyên môn và kinh nghiệm làm việc.
- **Conclusion (*Kết thức*)**

  - Express your willingness / interests to work for the company and when you are available for the interview.

    Bày tỏ thiện ý và sự yêu thích làm việc cho công ty và nói rõ khi nào bạn sẵn sàng chờ được phỏng vấn.

Useful language

- I noted with interest advertisement for a …. in today's edition of Viet Nam News.

  Tôi rất quan tâm đến mục quảng cáo của ông về…… đăng trên báo Viet Nam News hôm nay.

- I am writing in response to your advertisement in Saigon Times.

  Tôi viết thư để đáp lại mẫu quảng cáo của ông trên tạp chí Saigon Times.

- I should like to make an application for the post of…

  Tôi muốn nộp đơn xin công việc của…

- I would like to apply for the vacancy advertised in …

  Tôi muốn nộp đơn xin việc đang được quảng cáo ở…

- I saw your advertisement in the … and I would like to apply for the job of …

  Tôi nhìn thấy quảng cáo của ông ở... và tôi muốn xin được làm công việc của ...

- I enclose a full curriculum vitae. As you can see, I have had considerable experience as a …(tour guide,…)

  Tôi đính kèm theo một bản lý lịch đầy đủ. Như ông thấy đó, tôi có kinh nghiệm đáng kể của một... (hướng dẫn viên du lịch,...)

- You will see from the enclosed resume that I have one year experience as a secretary.

  Ông sẽ biết từ bản lý lịch được đính kèm theo đây là tôi đã có một năm kinh nghiệm làm việc như một thư ký.

- As you will see from my CV, …

  Như ông đã biết từ bản sơ yếu lý lịch của tôi, ...

- After graduating from…, I…

  Sau khi tốt nghiệp từ trường..., tôi ...

- On leaving school, I …

  Khi rời trường, tôi…

- During my employment at …

  Trong suốt thời gian tôi làm việc tại…

- This post interests me because…

  Chỗ làm này hấp dẫn tôi bởi vì…

- I would welcome the chance to gain more experience of…

  Tôi muốn được có cơ hội để học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn về…

- I think I meet all the qualifications that you specify.

  Tôi nghĩ tôi hội đủ những khả năng mà ông quy định.

- If you feel that my qualifications meet with your requirements, I shall be pleased to come for an interview …

  Nếu ông thấy rằng những khả năng của tôi đáp ứng được yêu cầu của ông, tôi sẵn lòng đến để được phỏng vấn.

- If you consider that my qualifications and experience are suitable, I should be available for interview at any time.

  Nếu ông thấy rằng những khả năng và kinh nghiệm của tôi là phù hợp, tôi sẽ sẵn sàng cho cuộc phỏng vấn bất cứ khi nào.

- I can arrange to attend an interview whenever convenient for you.

  Tôi có thể thu xếp để tham dự phỏng vấn bất cứ lúc nào ông thấy thuận tiện.

These are some qualifications of the applicants required.

JOB ***(Công việc)***	**QUALIFICATIONS REQUIRED** ***(Khả năng yêu cầu)***
Receptionist ***(Nhân viên lễ tân)***	- Enjoying working with people *(Thích làm việc với mọi người)* - Cordial to visitors *(Thân mật với khách)* - Helpful and attentive *(Sẵn sàng giúp đỡ và chăm chỉ)* - Neat appearance, pleasant voice and cheerful disposition. *(Tác phong gọn gàng, giọng nói vui tươi, tính tình vui vẻ)* - Speaking English fairly well *(Nói tiếng Anh khá tốt)*
Administrative clerk ***(Nhân viên văn thư)***	- Typing 60 words per minute *(Đánh máy 60 từ / phút)*

	- Preparing a wide variety of memoranda, order and offer sheets, letters… neat and error free. *(Trình bày nhiều loại ghi nhớ, đơn đặt hàng, chào hàng, thư tín... gọn và không lỗi)* - Performing clerical tasks such as: sorting mail, filing records, answering telephones, and running duplicating machines. *(Hoàn thành những công việc văn phòng như: lựa thư, xếp hồ sơ, trả lời điện thoại, sử dụng máy chụp bản sao)*
Tutor for Children ***(Gia sư cho trẻ con)***	- Good with children *(Tốt với trẻ con)* - Keen on sports and outdoor activities *(Yêu thích thể thao và các hoạt động ngoài trời)* - Having a lively and outgoing personality *(Có tính cách dễ thương và thoải mái)*
Tour guide ***(Hướng dẫn viên du lịch)***	- Speaking English fluently *(Nói tiếng Anh trôi chảy)* - Having good interpersonal skills *(Có kỹ năng giao tiếp tốt)* - Having a good knowledge of the history and geography of the country *(Có kiến thức tốt về lịch sử và địa lý của đất nước)* - Understanding people's customs, habits and religions *(Hiểu phong tục, tập quán và tôn giáo của người dân)*
Salesperson ***(Người bán hàng)***	- Pleasing personality *(Tính tình vui vẻ)*

	- Responsible and honest *(Có tinh thần trách nhiệm và trung thực)* - Talking skilfully with people and can surpass all sales quotas *(Nói năng khéo léo với mọi người và có thể vượt mọi định mức bán)* - Willingness to work hard and make a positive contribution *(Có ý chí làm việc siêng năng và đóng góp tích cực)* - Speaking a little English and Japanese *(Nói được một ít tiếng Anh và tiếng Nhật)*
Driver (*Tài xế*)	- Cleaning driving license *(Bằng lái xe tốt, không gây tai nạn)* - Mechanical knowledge *(Hiểu biết về cơ khí)* - At least 2 years experience of driving *(Ít nhất 2 năm kinh nghiệm lái xe)* - Good eyesight *(Thị lực tốt)* - Understanding easy English *(Hiểu được tiếng Anh đơn giản)*
Secretary (*Thư ký*)	- Ability to perform basic clerical duties *(Có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ căn bản về văn phòng)* - Ability to write correspondence and arrange business meetings *(Có khả năng viết thư từ liên lạc và sắp xếp các buổi họp kinh doanh)*

	- Ability to take dictation *(Có khả năng ghi chính tả)* - Speak and write English fluently *(Nói và viết tiếng Anh trôi chảy)*
Accountant ***(Nhân viên kế toán)***	- Managing finances of the company *(Quản lý tài chính cho công ty)* - Suggesting ways in which capital can be used effectively *(Đề nghị những phương thức mà trong đó tiền vốn có thể được sử dụng một cách có hiệu quả)* - Projecting the company's budget for the months ahead *(Lập bản dự chi ngân sách cho công ty vào những tháng tới)* - Speaking and writing English fairly well *(Nói và viết tiếng Anh khá)*
Marketing researcher ***(Nhân viên tiếp thị)***	- Finding out which products will be best-sellers. *(Tìm ra những sản phẩm nào sẽ bán chạy nhất)* - Discovering which kinds of advertising will boost purchasing power. *(Khám phá những loại quảng cáo nào sẽ làm tăng sức mua)* - Speaking English fairly well. *(Nói tiếng Anh khá)*

Here are some examples of formal advertisements, with company's name mentioned, and suitable replies:

SALES REPRESENTATIVE

wanted by J. Randall Co. Ltd., manufacturers of office stationary. Must have previous experience in this field. Write full details, including present salary to Mr. A. Binns, Sales Manager, J. Randall Co. Ltd., Bristol, Somerset.

Dear Sir,

I wish to apply for the post of sales representative which you are advertising in today's Daily Magazine. I have had seven years' experience as a sales representative, four of them in the stationary business, as you will see from the enclosed curriculum vitae.

My present salary is $1,450. Prospects where I am are good, but I should welcome the opportunity to join your company, which I regard as leader in the field.

I am still single. I hold a clean driving license.

Yours faithfully,

Bài dịch

Công ty trách nhiệm hữu hạn J. Randall, nhà sản xuất đồ dùng văn phòng cần tuyển một ***NHÂN VIÊN ĐẠI DIỆN BÁN HÀNG****. Có kinh nghiệm trước đây về lĩnh vực này. Gởi thông tin chi tiết bao gồm mức lương hiện nay đến ông A. Binns, giám đốc bán hàng của công ty trách nhiệm hữu hạn J. Randall, Bristol, Somerset.*

Thưa Ông,

Tôi muốn nộp đơn xin công việc của một đại diện bán hàng mà ông đang quảng cáo trên tờ tạp chí Daily. Tôi đã có 7 năm kinh nghiệm làm đại diện bán hàng, trong thời gian đó tôi có 4 năm làm ở bộ phận văn phòng phẩm, như ông đã biết ở bản lý lịch bản thân của tôi được đính kèm.

Lương hiện nay của tôi là $1,450. Công việc ở đây có nhiều triển vọng, nhưng tôi sẽ rất vui được có cơ hội vào làm công ty của ông với ý kiến đề xuất là người lãnh đạo trong lĩnh vực này.

Tôi chưa kết hôn. Tôi có bằng lái xe chưa hề gây tai nạn.

Kính đơn,

SECRETARY

Male or female wanted at Japanese Trading Company. Aged 25-30. Experience is not necessary. Fluent in Vietnamese and English. Good pay. Working place is in Ho Chi Minh City. Please send us your resume with recent photo.

Att. Mr. Tetsuo Saito.
Aquatic Company LTD.
7130Nakazato BLDG. 6F.
2-28-3 Higashi Nihonbashi
Tokyo. Japan
TEL: 03-5820-3613- FAX: 03- 5820- 3633

Applying for the Post of Secretary

Truong Quoc Bao
35 Chu Van An Street
Hue City
28 August 2008

Mr. Tetsuo Saito.
Aquatic Company LTD.

7130Nakazato BLDG. 6F.
2-28-3 Higashi Nihonbashi
Tokyo. Japan

Dear Mr Saito,

I saw your advertisement in the Tuoi Tre, and I would like to apply for the job of a secretary.

I have the following qualifications:

- Ability to perform basic clerical duties.
- Ability to speak and write Vietnamese and English fluently.

Enclosed is my résumé giving more details about my qualifications.

I look forward to hearing from you.

Sincerely yours,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

*Công ty Thương mại Nhật Bản cần nam hoặc nữ **THƯ KÝ**. Tuổi từ 25-30. Không cần thiết phải có kinh nghiệm. Giỏi tiếng Việt và tiếng Anh. Lương cao. Làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh. Xin vui lòng gởi đến chúng tôi sơ yếu lý lịch và ảnh chụp gần đây của bạn.*

Att. Mr. Tetsuo Saito.
Aquatic Company LTD.
7130Nakazato BLDG. 6F.
2-28-3 Higashi Nihonbashi
Tokyo. Japan
TEL: 03-5820-3613- FAX: 03- 5820- 3633

Bài dịch

Xin làm thư ký

Trương Quốc Bảo
35 Chu Văn An
Thành phố Huế

Ông Tetsuo Saito.
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Aquatic
7130Nakazato BLDG. 6F.
2-28-3 Higashi Nihonbashi
Tokyo. Nhật Bản

Thưa Ông Saito,

Tôi đã đọc mẫu quảng cáo của Ông trên tờ Tuổi Trẻ và tôi xin được làm một chân thư ký.

Tôi có những khả năng sau:

- *Khả năng hoàn thành những nhiệm vụ căn bản của một thư ký.*
- *Khả năng viết nói tiếng Việt và tiếng Anh trôi chảy.*

Tôi kèm theo đây bản sơ yếu lý lịch các thông tin chi tiết về những khả năng của tôi.

Tôi rất mong sự hồi âm của Ông.

Kính thư,
Trương Quốc Bảo

Applying for the Post of an Administrative Clerk

Truong Quoc Bao
35 Chu Van An Street
Hue City
24 August 2008

Vietnam Brewery Limited
256 Nguyen Sinh Cung Street
Hue City, Vietnam

Dear Sir,

Referring to your advertisement in the Tuoi Tre newspaper on 22 August 2008, I would like the position of administrative clerk. I have the following qualifications:

1. Speaking, reading, writing English fairly well.
2. Abilities to operate office computers.
3. Writing Telex and Fax.
4. Good dealing with customers.
5. Enthusiastic to work hard.

I enclose hereby my résumé. I hope to receive your reply soon.

Yours faithfully,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

Xin làm nhân viên văn thư

Trương Quốc Bảo
35 Chu Văn An
Thành phố Huế

Nhà máy Bia Việt Nam
256 Nguyễn Sinh Cung
Thành phố Huế, Việt Nam

Kính thưa ông,

Tham khảo mục quảng cáo của ông đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 22 tháng 8 năm 2008, tôi xin giữ chức vụ nhân viên văn thư. Tôi có những khả năng sau đây:

1. *Nói, đọc, viết tiếng Anh khá giỏi.*
2. *Có khả năng sử dụng máy vi tính văn phòng.*
3. *Viết Telex và Fax.*
4. *Liên hệ tốt với khách hàng.*
5. *Nhiệt tình làm việc.*

Tôi kèm theo đây bản sơ yếu lý lịch. Tôi mong sớm nhận được phúc đáp của ông.

Trân trọng kính chào,
Trương Quốc Bảo

Applying for the Post of an Electronic Technician

December 5th,2007
Sound Corporation
178 Ly Chinh Thang Street
District 3, HCM City

Dear Sir/ Madam,

Do you want a hardworking and capable electronic technician? I am very interested in the position for electronic technician advertised in today's Viet Nam News.

I have just finished a specialized training program in electronic technology so I feel well-qualified for the position. Enclosed is my résumé giving more details about my education and experience. I would be available to start work immediately.

I enjoy working with other people. It is important to me to do job right and to finish it. If it is possible, I would like to make an appointment for a personal interview. Please call me at 054-3845608 or write me at the address below.

Thank you,
Le Minh
25 Nguyen Tat Thanh Street
District 4, HCM City

Bài dịch

Xin làm chuyên viên điện tử

Ngày 5 tháng 12 năm 2007

Công ty Sound

178 Lý Chính Thắng

Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Thưa Quý Ông/ Bà,

Quý Ông/ Bà cần một chuyên viên kỹ thuật điện tử năng nổ có khả năng? Tôi rất quan tâm đến mục cần việc dành cho một chuyên viên kỹ thuật điện tử đã đăng quảng cáo trên báo Viet Nam News.

Tôi vừa mới hoàn tất một chương trình đào tạo đặc biệt về kỹ thuật điện tử nên tôi cảm thấy mình có khả năng tốt cho công việc. Kèm theo đây là bản sơ yếu lý lịch với nhiều chi tiết hơn về học vấn và kinh nghiệm của tôi. Tôi sẽ sẵn sàng bắt đầu công việc ngay.

Tôi thích làm việc với nhiều người khác. Đối với tôi, làm đúng và hoàn thành công việc là điều quan trọng. Tôi mong có một buổi hẹn cho cuộc phỏng vấn cá nhân. Xin vui lòng gọi điện cho tôi, số 3521234, hoặc viết thư cho tôi theo địa chỉ dưới đây.

Cảm ơn Ông/ Bà,

Lê Minh

25 Nguyễn Tất Thành

Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Applying for the Post of a Receptionist

February 15, 2008
Mr. William R. Campbell
Personnel Manager
3657 Tran Hung Dao Street
HCM City

Dear Mr Campbell,

Regarding your recent advertisement in Saigon Times, I am confident you can use a person with the following qualifications:

- Cordial to visitors.
- Helpful and attentive.
- Neat appearance, pleasant voice and good disposition.
- Speaking English fairly well.
- Willingness to work hard and make a positive contribution.

My résumé is enclosed summarizing where these skills and abilities were developed. I would like to utilize them to increase efficiency and profit for your organization. I will call in a few days to arrange an interview.

Yours sincerely,

Truong Quoc Bao

Bài dịch

Xin làm công việc lễ tân

Mr. William R. Campbell
Giám đốc nhân sự
3657 Trần Hưng Đạo
Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa ông Campbell,

Liên hệ mục quảng cáo gần đây của ông trên tờ Saigon Times, tôi tin rằng ông có thể dùng người với những khả năng sau đây:

- *Thân mật với khách.*
- *Nhiệt tình giúp đỡ và chăm chỉ.*
- *Tác phong gọn gàng, giọng nói tươi vui, tính tình vui vẻ.*
- *Nói tiếng Anh khá.*
- *Có ý chí làm việc siêng năng và đóng góp tích cực.*

Tôi kèm theo đây bản sơ yếu lý lịch ghi tóm tắt những kỹ năng của tôi đã được phát huy như thế nào. Tôi mong được sử dụng những kỹ năng đó để gia tăng hiệu quả và lợi nhuận cho công ty của ông. Trong vài ngày tới tôi sẽ gọi điện đến ông để xin được sắp xếp phỏng vấn.

Trân trọng,
Trương Quốc Bảo

Applying for the Post of a Tour Guide

35 Chu Van An Street
Hue City
10 October, 2008

Hanoi Vinatour
250 Nguyen Du Street
Hanoi.

Dear Sir / Madam,

In reply to your advertisement in yesterday's Viet Nam News, I write to apply for the position of an English-speaking local tour guide to acconpany foreign visitors on trip throughout Vietnam.

I think I meet all of the qualifications that you specify. The fact of my having been a steward of Vietnam Airline for the last three years will, I hope, influence you in my favor. I finished high school and got the certificate four years ago. Previous to being the steward of Vietnam Airline, I worked as a receptionist in the travel agency in Hue for one year, where I was given a training course on tourism.

I speak English fluently. In addition, I am a sociable and confident person and can work hard for long hours. I shall be very happy to give you any further information you require, and to come and see you at any hour you may appoint.

I look forward to hearing from you soon.

Yours faithfully,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

Xin làm hướng dẫn viên du lịch

35 Chu Văn An
Thành phố Huế
Ngày 10 tháng 10 năm 2008

Công Ty Vinatour Hà Nội
250 Nguyễn Du
Hà Nội

Thưa Ông/ Bà

Để trả lời cho mục quảng cáo của ông đăng trên tờ Tin Tức Việt Nam hôm qua, tôi viết thư này để xin được làm một hướng dẫn viên du lịch tiếng Anh địa phương đi cùng du khách nước ngoài trong những chuyến du lịch xuyên. Tôi nghĩ tôi có đủ những khả năng do Ông/ Bà qui định. Việc tôi đã làm một tiếp viên hàng không cho hãng Hàng Không Việt Nam trong 3 năm qua sẽ gây ảnh hưởng có lợi cho tôi. Tôi tốt nghiệp phổ thông và nhận giấy chứng nhận cách đây 4 năm.

Trước khi làm tiếp viên ở hãng Hàng không Việt Nam, tôi đã làm lễ tân trong 1 năm ở công ty du lịch tại thành phố Huế nơi tôi đã được học một khoá huấn luyện về du lịch.

Tôi nói tiếng Anh khá trôi chảy. Ngoài ra, tôi còn là một người dễ hoà đồng và tự tin và tôi có thể làm việc tích cực trong suốt thời gian dài. Tôi vui lòng cung cấp cho Ông/ Bà bất cứ thông tin nào mà Ông/ Bà yêu cầu và đến gặp Ông/ Bà bất cứ lúc nào mà Ông/ Bà ấn định.

Tôi mong sớm nhận tin của Ông/ Bà.

Kính thư,

Trương Quốc Bảo

Another Letter of Application

35 Chu Van An Street
Hue City
10 October, 2008

Hanoi Vinatour
250 Nguyen Du Street
Hanoi.

Dear Sir,

I wish to apply for the post of an English tour guide as advertised in yesterday's Viet Nam News.

I am eighteen years old and live in Hue City. I completed my education at Hai Ba Trung Upper Secondary School. Since I left school, I have been doing a course in tourism. My English is fairly well.

Regarding my character and abilities, the principle of my school has kindly consented to act as my referee. I do not have any working experience but I am willing to work hard in the job.

I shall appreciate very much the opportunity of an interview at any time convenient to you.

Yours faithfully
Truong Quoc Bao

Bài dịch

Một bức thư xin việc khác

35 Chu Văn An
Thành phố Huế
Ngày 10 tháng 10 năm 2008

Công Ty Vinatour Hà Nội
250 Nguyễn Du
Hà Nội

Kính gởi Ông,

Tôi muốn xin làm một hướng dẫn viên du lịch tiếng Anh như đã được quảng cáo trên báo Viet Nam News.

Tôi mười tám tuổi và sống tại thành phố Huế. Tôi tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường Hai Bà Trưng. Khi rời trường, tôi đã theo học một khoá học về du lịch. Tiếng Anh của tôi khá tốt.

Khi xem xét tính cách và khả năng của tôi, thầy hiệu trưởng trường tôi đã đồng ý viết thư giới thiệu (giấy chứng nhận) cho tôi. Tôi chưa có kinh nghiệm làm việc nhưng luôn sẵn sàng làm việc tích cực.

Tôi sẽ cảm kích rất nhiều nếu có được cơ hội phỏng vấn bất cứ lúc nào Ông thấy thuận tiện.

Kính thư,
Trương Quốc Bảo

Applying for the Post of a Babysitter

1 Willow Road
Cambridge CB 32 YN
1 September 2008

Dear Mrs Phillips,

I have seen your advertisement on today's Cambridge News and I would like to apply for the job of looking after your two children in the mornings. At present, I am a student at the local Technical College where I study

English part-time. Although I am only twenty years old, I have lots of experience in caring for children. I have brothers and sisters younger than myself and last year I was working in London at the Mother's Help for ten months. During that time, I was responsible for a three-year-old boy while his mother was at work. If you think that I would be suitable, please ring me on 62386 in order that we can arrange a time to meet.

The best call would be at 6 p.m., as I am always at home by that time.

I look forward to talking to you then.

Yours sincerely,

Mary Butler

Bài dịch

Thư xin làm người giữ trẻ

Số 1 đường Willow
Cambridge CB 3 2 YN
Ngày 1 Tháng 9 năm 2008

Thưa bà Phillips,

Tôi đã đọc mẫu quảng cáo của bà đăng trên tờ Cambridge News và tôi muốn xin làm công việc chăm sóc hai con của bà vào các buổi sáng. Hiện tại tôi là sinh viên ở trường Cao Đẳng Kỹ Thuật tại địa phương nơi tôi đang học tiếng Anh nửa buổi. Mặc dầu tôi chỉ mới 20 tuổi, tôi có nhiều kinh nghiệm trong việc chăm trẻ con. Tôi có nhiều em gái và em trai và năm ngoái tôi đã làm việc cho hội Giúp Đỡ Bà Mẹ ở Luân Đôn trong 10 tháng. Lúc đó, tôi có trách nhiệm chăm sóc một cậu bé 3 tuổi khi mẹ cậu đi làm việc. Nếu bà nghĩ rằng tôi thích hợp với công việc này, xin hãy gọi cho tôi theo số điện thoại 62386 để chúng ta có thể sắp xếp thời gian gặp nhau.

Thời gian gọi tốt nhất là 6 giờ chiều vì tôi luôn có mặt ở nhà vào khoảng đó.

Tôi mong được nói chuyện với bà.

Trân trọng kính chào bà,

Mary Butler

8. LETTER OF MAKING A REQUEST FOR REFERENCE

(Thư yêu cầu được viết thư tiến cử)

OUTLINE

Introduction

- Give reasons for making the request and mention the position / scholarship applied for.

  Nói lý do viết thư yêu cầu và đề cập đến chỗ làm việc/ học bổng đang xin

Requests

- Request to give name as a reference or for a testimonial.

  Yêu cầu được lấy tên người mà bạn viết thư làm bằng chứng xác nhận hoặc giấy chứng nhận.

- Request for a letter of recommendation.

  Yêu cầu có được thư tiến cử.

- Write tactful suggestions for what the recommendation letter should stress.

  Viết lời đề nghị thật tế nhị về những gì bạn muốn người giới thiệu viết trong thư.

Conclusion

Express gratitude. *Bày tỏ sự biết ơn.*

Useful Language

- I would be most grateful if you could/ would …

  Tôi sẽ rất biết ơn nếu ông có thể…

- I'm writing to …

  Tôi viết để…

- I wonder if you could …

  Tôi không biết ông có thể…

- As I am applying for the post of… I wonder if you could kindly consent to act as one of my referees.

  Tôi đang nạp đơn xin làm… tôi không biết ông có thể bằng lòng viết thư chứng nhận cho tôi không.

- I should be most grateful if you would allow me to give your name as a referee.

  Em rất biết ơn nếu thầy cho phép em lấy tên thầy làm bằng chứng xác nhận.

- May I use your name for a reference when I apply for the post of …

  Tôi có được phép lấy tên ông làm bằng chứng xác nhận khi tôi nộp đơn xin….

- Could you please ...?

Ông có thể...

- Thank you very much for your time and your help.

Cảm ơn ông vì đã bỏ thời gian giúp đỡ tôi.

- My gratitude and sincere thanks to you.

Tôi chân thành cảm ơn ông.

Request for a Reference/ Recommendation

Dear Mr Simmons:

I am applying for a summer job at the Smalltown Historical Foundation. I would like to use your name as a reference.

Please let me know if that is OK with you, and let me know which telephone number you would like me to list on the reference form.

Thank you.

Sincerely yours,
Heather Diamond

Bài dịch

Thư yêu cầu được giới thiệu

Thưa thầy Simmons:

Em đang làm đơn xin việc làm trong kỳ nghỉ hè tại Quỹ tài trợ lịch sử Smalltown. Em muốn lấy tên thầy làm bằng chứng xác nhận.

Xin hãy cho em biết nếu thầy đồng ý, và cho em biết số điện thoại của thầy để em có thể ghi vào giấy chứng nhận.

Em xin cảm ơn thầy.

Kính thư,
Heather Diamond

Thanks for Job Reference

Dear Mr. Simmons:

Thank you for being a reference for me when I applied for a summer job at the Smalltown Historical Foundation. I was just offered the job and plan to start as soon as the school is over.

Sincerely yours,
Heather Diamond

Bài dịch

Thư cảm ơn về việc viết giấy chứng nhận

Thưa thầy Simmons:

Cảm ơn thầy đã làm bằng chứng xác nhận cho em khi em nộp đơn xin việc ở Quỹ tài trợ lịch sử. Em vừa mới nhận việc và bắt đầu làm khi năm học kết thúc.

Kính thư,

Heather Diamond

Request from Homeroom Teacher for a Reference

Dear Mr Hung,

I have just applied for the position of reporter, which is open at the television station in Hanoi. Would you therefore kindly give me a reference both as to character and ability? The work is just what I want.

I think you were always satisfied with my study while I was in your class at Hai Ba Trung High School.

I hope therefore you will say all you can in my favor.

My gratitude and sincere thanks to you.

Yours sincerely,

Bao

Bài dịch

Thư yêu cầu thầy giáo chủ nhiệm làm bằng chứng xác nhận

Kính gởi thầy Hùng,

Em vừa mới nộp đơn xin làm phóng viên vừa mới được thông báo trên đài truyền hình Hà Nội. Vậy thầy có thể làm bằng chứng xác nhận cho em về cả phẩm chất lẫn năng lực được không? Đó là công việc em muốn có.

Em nghĩ rằng thầy luôn hài lòng về việc học tập của em khi em còn là một học sinh trong lớp của thầy ở trường trung học phổ thông Hai Bà Trưng.

Vì thế, em hy vọng thầy sẽ có lời giới thiệu tốt về em.

Em xin chân thành cảm ơn thầy.

Kính thư,

Bảo

Formal Request for Reference

35 Chu Van An Street
Hue
10 October, 2008

Mr Vinh Uyen
Hai Ba Trung High School
14 Le Loi Street
Hue

Dear Mr Uyen,

I would like to ask you a very great favor. The scholarship of Cambridge University has just been advertised and I have decided to apply for it. I wonder if you would be kind enough to send me a short testimonial.

Although you have not been acquainted with my work since I left the school four years ago, it would be sufficient if you were able to speak about my time in your class at Hai Ba Trung High School. I should be most grateful if you could say a few words on my behalf.

I still remember with great pleasure those Thursday English lessons of yours which did so much to stimulate my interest in English language.

I look forward to hearing from you soon.

Yours sincerely,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

35 Chu Văn An
Thành phố Huế
Ngày 10, tháng 10, năm 2008

Thầy Vinh Uyen
Trung học phổ thông Hai Bà Trưng
14 Lê Lợi
Thành phố Huế

Kính thưa thầy,

Em muốn nhờ thầy giúp em một việc. Học bổng của trường Đại học Cambridge vừa mới được thông báo và em đã quyết định nộp đơn xin học bổng đó. Em không biết thầy có vui lòng gởi cho em giấy chứng ngắn gọn được không.

Mặc dù thầy không biết rõ công việc của em từ khi em rời trường cách đây 4 năm nhưng cũng đủ để thầy có thể nói về thời gian em học ở lớp thầy dạy. Em rất cảm kích nếu thầy có lời giới thiệu tốt về em.

Em vẫn thấy rất vui khi nhớ lại bài giảng tiếng Anh của thầy vào những sáng thứ 5, những bài học đó đã khơi dậy trong em sự yêu thích học ngôn ngữ tiếng Anh.

Em mong sớm nhận được tin của thầy.

Kính thư,

Trương Quốc Bảo

Request for Letter of Recommendation for College

Mr La Van Phu

Hai Ba Trung High School

14 Le Loi

Hue

Dear Mr Phu,

Believe it or not, I'm off to college in the fall. And I wanted you to be one of the first to know that I have decided to major in mathematics in preparation for a career in teaching.

Math has always been my favorite subject in high school, and your eleventh-grade trigonometry course was one of the most challenging (and enjoyable) classes I took. You motivated us to work especially hard... until trig became so very easy!

I have applied to Hue College of Education. I would be honored if you would write a letter of recommendation on my behalf. The deadline for my application materials is January 1.

Thanks again.

Sincerely yours,

Truong Quoc Bao

Bài dịch

Thư yêu cầu được giới thiệu vào trường Đại học

Thầy Phu
Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng
14 Lê Lợi
Thành phố Huế

Kính thưa thầy,

Thầy có tin hay không, em bắt đầu học đại học vào mùa thu này. Và em muốn thầy là người đầu tiên biết là em đã quyết định theo học ngành sư phạm toán.

Môn toán luôn là môn học yêu thích của em ở trường phổ thông, và những giờ lượng giác ở lớp 11 của thầy là môn học đầy thách thức. Thầy đã động viên chúng em học tập tích cực... tới lúc chúng em cảm thấy môn lượng giác thật là quá dễ!

Em đã nộp hồ sơ vào trường Đại Học Sư Phạm Huế. Em rất hân hạnh nếu được thầy viết thư giới thiệu tốt về em. Hạn cuối nộp hồ sơ xin vào trường là ngày 1 tháng 1.

Em xin được cảm ơn thầy một lần nữa.

Kính thư,
Trương Quốc Bảo

Thanks for Letter of Recommendation for College

Mr. La Văn Phú
Hai Ba Trung High School
14 Le Loi
Hue city

Dear Mr Phu,

Thank you so much for your wonderful letter of recommendation to Hue College of Education! I think it was exactly what I needed, because in today's mail I received my acceptance letter and an academic scholarship from SU Math Foundation.

I promise to name my first original math theorem in your honor!

Sincerely,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

Thư yêu cầu được giới thiệu vào trường Đại học

Thầy La Văn Phú
Trung học phổ thông Hai Bà Trưng
14 Lê Lợi
Thành phố Huế

Kính thưa thầy,

Cảm ơn thầy rất nhiều về bức thư với lời giới thiệu thật tuyệt vời về em gởi đến trường Đại học Sư phạm Huế. Đó là tất cả những gì em cần, bởi vì hôm nay em nhận được thư chấp thuận của trường đại học cùng với suất học bổng của Quỹ tài trợ toán học SU.

Em hứa là sẽ lấy tên thầy đặt tên cho những định lý toán học đầu tiên của em để tỏ lòng kính trọng thầy.

Học trò của thầy,
Trương Quốc Bảo

Thanks for a Recommendation

35 Chu Van An Street
Hue City
5th August, 2008

My dear Lan,

It was indeed very kind of you to recommend my name to your boss for the post of junior clerk in your office. I received this piece of news from Hoa who came to see me this morning. I have been looking for a job for some time and it will be a great help to me and my family indeed if I am appointed to the post you have in mind.

Please accept my appreciation for what you have done for me. I am sure I will get the job, as I know how much your boss respects your opinions, advice and recommendations.

Yours very sincerely,
Quoc Bao

Bài dịch

Thư cảm ơn về sự tiến cử

35 Chu Văn An
Thành phố Huế
Ngày 5 tháng 8 năm 2008

Lan thân mến,

Bạn thật tốt khi tiến cử mình với ông chủ của bạn về một chân thư ký cấp dưới ở cơ quan bạn. Hoa đến thăm mình sáng nay và mình biết tin này từ cô ấy. Mình đã tìm việc trong một thời gian và nếu mình được chấp nhận giữ chức vụ thư ký theo bạn nghĩ là hợp với mình, nó thật sự sẽ giúp ích mình và gia đình rất nhiều.

Mình xin cảm tạ về những gì bạn đã làm cho mình. Mình chắc mình sẽ có được công việc, vì mình biết ông chủ của bạn rất tôn trọng ý kến, lời khuyên và sự tiến cử của bạn.

Thân ái,
Bảo

9. LETTERS OF REQUEST (LETTERS OF SEEKING INFORMATION)

(Thư yêu cầu biết thông tin)

OUTLINE

Introduction (Giới thiệu)

- Say the reason for wanting the information. (for example, your interest in tertiary in England, mention the name of the progam/the university/...)

  Nói lý do muốn có thông tin. (ví dụ như mong muốn học đại học ở Anh, đề cập đến chương trình học, tên trường Đại học)

Request (Yêu cầu)

- The request for information

  Yêu cầu muốn biết thông tin

- An apology for causing trouble followed by a specifying of the request (state what information you would like them to provide)

  Nói lời xin lỗi đã làm phiền theo sau một yêu cầu rõ ràng (hãy trình bày thông tin mà bạn cần họ cung cấp)

- Say you would be happy to supply further information about yourself (your ability of English, record of secondary education…)

  Hãy bày tỏ sự vui vẻ khi cung cấp cho họ bất cứ thông tin nào về chính bạn (khả năng tiếng Anh, bảng ghi điểm ở trường phổ thông...)

Conclusion (*Kết thúc*)

- **End with a polite conclusion.** *Kết thúc thư một cách lịch sự.*

Useful language

- I am writing to you because I need…

  Tôi viết thư cho ông vì tôi cần...

- Would you be kind enough to let me know… ?

  Xin ông vui lòng cho tôi biết...?

- I wonder whether you could give me some information about …

  Tôi thắc mắc không biết ông có thể cho tôi biết một số thông tin về...?

- I should be very grateful if you would let me have the following information.

  Tôi rất biết ơn nếu ông có thể cho tôi biết những thông tin sau đây.

- I should be very much obliged if you could let me have full details of …

  Tôi rất biết ơn nếu ông có thể cho tôi biết chi tiết đầy đủ của...

- Would you be willing to supply… ?

  Xin ông vui lòng cung cấp...?

- I must apologize for bothering you with this but it would be so kind if you could…

  Tôi phải nói lời xin lỗi vì đã làm phiền ông điều này nhưng ông làm ơn cho biết...

Asking for the Information about the Admission Requirements to the University

Dear Sir/ Madam,

My name is Truong Quoc Bao. I have just graduated from a senior high school and I plan to continue my education at a University in England. I have always been interested in tertiary study in England, especially in the area of chemistry and environmental science at Cambridge University. Would you be willing to supply some information about the admission requirements. I would be very happy to give you any information about myself, for example, my English proficiency or record of secondary education study at high school…

I believe that my high school record shows me to be a dedicated and accomplished student.

I look forward to hearing from you.

Yours sincerely,
Truong Quoc Bao

Bài dịch

Thư hỏi thông tin về các thủ tục được nhận vào trường Đại học

Kính thưa Ông/ Bà,

Tôi tên là Trương Quốc Bảo. Tôi vừa mới tốt nghiệp trường trung học phổ thông và dự kiến sẽ tiếp tục học Đại học ở Anh Quốc. Tôi vẫn luôn mong muốn được theo học Đại học ở nước Anh, đặc biệt là ngành hoá và khoa học môi trường tại Đại học Cambridge. Xin Ông / Bà vui lòng cung cấp cho tôi một vài thông tin về các thủ tục được nhận vào học. Tôi rất vui lòng gởi cho Ông / Bà bất cứ thông tin nào về bản thân, ví dụ như trình độ thông thạo tiếng Anh, học bạ ở trường phổ thông...

Tôi tin rằng bảng điểm của tôi ở trường phổ thông sẽ chứng tỏ tôi là một học sinh chăm chỉ và hoàn hảo.

Tôi mong nhận được tin từ Ông/ Bà.

Kính thư,
Trương Quốc Bảo

Asking for the Information about the Summer Language Courses

Dear Sir/ Madam,

I am writing to request information about your summer language courses. I would be grateful if you could tell me the dates, facilities available, and how much they will cost. Thank you for your assistance.

I look forward to hearing from you.

Yours faithfully,

Bài dịch

Hỏi thông tin về khoá học ngoại ngữ trong hè

Thưa Ông / Bà,

Tôi viết thư này để hỏi một số thông tin về các khóa học ngoại ngữ mùa hè ở chỗ Ông/ Bà. Tôi rất biết ơn nếu Ông/ Bà có thể cho biết ngày giờ, những tiện nghi sẵn có và học phí các khoá học. Cảm ơn Ông/ Bà đã giúp đỡ.

Kính thư,

Request for College Scholarship Information

Office of Admission
Smalltown University
Smalltown, OH

Dear Sir/ Madam,

I am a graduating senior at Smalltown High School, interested in attending Smalltown University in the fall, majoring mathematics. Could you please send me information about scholarships available to incoming students?

Thank you.

Sincerely,
Heather Diamond

Bài dịch

Thư hỏi thông tin về học bổng ở trường Đại học

Phòng tuyển sinh
Đại học Smalltown
Smalltown, bang Ohio

Kính thưa Thầy/ Cô,

Em là học sinh lớp 12 sắp sửa tốt nghiệp ở trường Trung học Smalltown, em mong muốn được học Đại học, chuyên ngành toán tại trường Đại học Smalltown vào mùa thu này. Thầy / Cô có thể cho em biết một số thông tin về học bổng hiện có đối với sinh viên mới vào được không?

Xin cảm ơn Thầy / Cô.

Kính chào,
Heather Diamond

Request for College Admission Interview

Director of Admission
Smalltown University
Smalltown, OH

Dear Director:

I have recently applied for admission to the freshman class of 2008.

I am writing to request an interview to supplement my application. Smalltown University is my first choice for college, and I am confident that with a personal meeting I can communicate this and answer any questions the applications committee may have regarding my application.

I would appreciate a call to set an appointment.

Thank you.

Sincerely,
Heather Diamond

Bài dịch

Thư yêu cầu được phỏng vấn về việc nộp đơn vào trường Đại học

Trưởng phòng tuyển sinh
Trường Đại học Smalltown
Smalltown, bang Ohio

Kính thư ông,

Tôi vừa mới nộp đơn xin vào lớp học năm thứ nhất năm học 2008.

Tôi viết thư này xin thỉnh cầu được phỏng vấn để bổ sung thêm cho đơn xin vào học của tôi. Trường Đại học Smalltown là trường đầu tiên mà tôi lựa chọn, và tôi tin rằng thông qua cuộc gặp mặt cá nhân đó tôi có thể truyền đạt được điều này và trả lời bất cứ câu hỏi nào mà hội đồng xét duyệt đưa ra liên quan đến hồ sơ xin nhập học của tôi.

Tôi lấy làm cảm kích nếu ông có thể gọi điện cho tôi để ấn định cuộc hẹn.

Xin cảm ơn ông,

Heather Diamond

Request Travel Information for International Trip

L'Agence Touristique Départmentale d'Haute-Savoie
Albertville
France

Dear Sir/ Madam:

I will be in Albertville in May on a class trip, staying with a local family. Could you please send me maps and other information about Albertville so that we can plan our trip? We will also be visiting other areas in the Haute-Savoie region.

Can you also provide information about the availability of Internet cafés and telephone offices in the areas?

Thank you.

Heather Diamond

Bài dịch

Thư hỏi thông tin về các chuyến du lịch quốc tế

Công ty hướng dẫn du lịch Haute-Savoie
Thị trấn Albertville
Pháp

Kính gởi Ông/ Bà:

Tôi sẽ có mặt ở thị trấn Albertville vào tháng 5 trong chuyến du lịch cùng với các bạn trong lớp và sẽ ở lại với một gia đình tại địa phương. Xin Ông Bà vui lòng gởi cho tôi bản đồ và một số thông tin khác về Albertville để chúng tôi có thể dự kiến cho chuyến đi được không? Chúng tôi sẽ dự định đến thăm một số vùng khác ở Haute-Savoie.

Ông/Bà có thể cung cấp thêm vài thông tin về các quán cà phê Internet và dịch vụ điện thoại có sẵn ở vùng đó được chứ?

Xin cảm ơn Ông/Bà.

Heather Diamond

II. DESCRIBING PEOPLE *(Tả người)*

The description should include the following *(Bài mô tả bao gồm những phần sau)*:

Introduction *(Mở đầu)*

- who this person is/ his, her relationship to you

người này là ai / quan hệ của anh, chị ấy với bạn

- your impression / opinion about the person

ấn tượng/ ý kiến của bạn về người đó

Body *(Thân bài)*

- his / her physical appearance

mô tả hình dáng bên ngoài

- his/ her character, habits, likes and dislikes

mô tả tính cách, thói quen, điều thích và không thích

Conclusion *(Kết luận)*

- what you feel about this person

cảm tưởng của bạn về người đó

Some Adjectives Used to Describe Someone's Physical Appearance

(Một số tính từ mô tả ngoại hình)

Face shape *Khuôn mặt*

thin: *ốm,gầy*
long: *dài,*
angular: *tam giác*
round: *tròn*
oval: *trái xoan*
baby-faced: *(có khuôn mặt) trẻ con*

Nose *Mũi*

flat: *tẹt*
pointed: *nhọn*
turned-up: *hếch*
high: *cao*
snub: *hếch và ngắn*

crooked (= hooked): *khoằm*
broad: *to*
Cheeks *Má*
hollow: *hóp*
with high cheek bones: *có xương gò má cao*
Eyes *Mắt*
small: *nhỏ*
large: *to*
narrow: *ti hí*
round: *tròn*
blue: *xanh*
twinkle: *sáng*
deep-set: *sâu*
Chin *Cằm*
pointed: *nhọn*
cleft (=double): *chẻ*
Forehead *Trán*
high: *cao*
low: *thấp*
protruding: *vồ*
large: *rộng*
winkled: *có nếp nhăn*
Hair *Tóc*
fair: *sáng, bạch kim*
blonde: *vàng*
(light/dark) brown: *nâu (nhạt, đậm)*
ginger-haired: *vàng gừng*
auburn: *nâu đỏ*
black: *đen*
grey: *xám*
white: *bạc*
wavy: *uốn*
red-haired: *đỏ*
curly: *quăn, xoăn*

frizzy: *quăn tít*
straight: *thẳng*
long: *dài*
short: *ngắn*
bald: *hói*
shoulder–length: *dài ngang vai*
glossy: *bóng*
sleek: *mượt mà*

Complexion *Nước da*

dark: *đen*
fair: *trắng; sáng*
smooth: *láng, mịn*
rough: *thô ráp*
swarthy: *ngăm đen*
weather-beaten: *dạn dày sương gió*
healthy / rosy: *hồng hào*

Height *Chiều cao*

tall: *cao*
short: *thấp*
of medium/average height: *có chiều cao trung bình*
shortish / tallish: *hơi thấp / khá cao*

Build *Tầm vóc*

plump: *bụ bẫm, đầy đặn*
stout: *to khoẻ, mập mạp*
slim/ slander: *mảnh khảnh*
obese: *béo phì*
overweight: *quá nặng cân, béo phì*
skinny: *gầy giơ xương*
stocky: *thấp, khoẻ và chắc*
well-built: *lực lưỡng, cường tráng*
muscular: *có cơ bắp to khoẻ; rắn chắc*

Age *Tuổi tác*

young: *trẻ*
middle-aged: *trung niên*

elderly: *già*

old: *già*

in his/her early teens/twenties/ thirties/ mid-fifties

khoảng độ tuổi đầu mười mấy/hai mươi mấy/ba mươi mấy/giữa 50

in his/her late forties *khoảng độ tuổi cuối 40*

Clothes *Áo quần*

smartly dressed: *ăn mặc bảnh bao*

neattly dressed: *ăn mặc chỉnh tề*

untidily/sloppily dressed: *ăn mặc luộm thuộm*

She wore smart clothes / old clothes.

He was dressed in a T-shirt and jeans.

Expression *Vẻ mặt*

She looked shy/happy: *Cô ấy trông có vẻ rụt rè/vui vẻ(hạnh phúc).*

He appeared shy/He had a shy expression: *Anh ta trông có vẻ rụt rè.*

She has an air of timidity: *Cô ấy có vẻ rụt rè.*

Some Adjectives Used to Describe Someone's Character

(Một số tính từ mô tả tính cách)

jolly: *vui tính*

kind-hearted: *tốt bụng*

sweet: *dễ thương, đáng yêu*

reliable/ trustworthy: *đáng tin cậy*

gentle: *dịu dàng*

sociable/ outgoing: *dễ chan hoà, hoà đồng(= gregarious) >< shy: nhút nhát, rụt rè e thẹn (= unsociable)*

sentimental: *đa sầu, đa cảm*

passionate: *sôi nổi, nồng nhiệt*

methodical: *ngăn nắp*

sophisticated: *thạo đời, sành điệu*

sensitive: *nhạy cảm*

compassionate: *nhân từ*

tolerant: *bao dung, khoan dung*

open-minded: *thoáng* >< small-minded: *nhỏ mọn*
cheerful: *vui vẻ* >< moody: *cáu kỉnh, buồn rầu, ủ rủ*
friendly: *thân thiện* >< reserved: *dè dặt, kín đáo*
caring: *chu đáo*
modest: *khiêm tốn*
pleasant: *vui vẻ, dễ chịu*
punctual: *đúng giờ* >< unpunctual: *không đúng giờ*
understanding: *hiểu biết, cảm thông*
considerate: *ân cần, chu đáo, ý tứ*
even-tempered: *điềm đạm*
sweet-natured: *dịu hiền, dễ mến*
obedient: *vâng lời, phục tùng*
adventurous: *hay mạo hiểm, thích phiêu lưu*
introverted: *hướng nội* >< extroverted: *hướng ngoại*
money-hungry: *tham tiền*
power-hungry: *tham quyền*
argumentative: *hay tranh luận*
showy: *hay trình diễn, khoe khoang*
rebellious: *bất trị hay chống đối*
irritable: *khó chịu ; hay cáu (*= touchy, snappish, bad-tempered*)*
demanding: *hay đòi hỏi*
changeable: *hay thay đổi*
undisciplined: *vô kỷ luật*
clumsy: *vụng về*

A Friend of Mine

Last month I joined the evening class because I wanted to learn English. When I entered the classroom, I noticed one student who was very particular. We are now good friends and we often meet on evenings.

My neighbor's name is Huong. She's a tall and slim girl in her early twenties. When I first met her, I was impressed by her long hair, big brown eyes and friendly smile. Her cheerful face with dimples on her cheeks makes her more charming when she smiles. She's sociable, generous and straightforward each time and also has a good sense of humour. She is not only a hard-working student who always gets good grades at school but also an excellent dancer at the sports club.

I hope we will not lose touch with each other when the course finishes.

Bài dịch

Một người bạn của tôi

Tháng trước tôi tham gia lớp học ban đêm vì tôi muốn học môn tiếng Anh. Khi vào lớp, tôi đã để ý đến một học sinh rất đặc biệt. Chúng tôi bây giờ là bạn tốt của nhau và thường gặp nhau vào những buổi tối.

Người bạn ngồi bên cạnh tôi tên là Hương. Cô ấy cao, mảnh khảnh vào khoảng độ tuổi đầu hai mươi mấy. Lần đầu tiên gặp cô ấy, mái tóc dài, cặp mắt nâu to và nụ cười thân thiện của cô ấy đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với tôi. Khuôn mặt vui vẻ với hai lúm đồng tiền trên má làm cô ấy càng duyên dáng hơn khi mỉm cười. Cô ấy chan hoà, rộng lượng, thẳng thắn và có khiếu hài hước nữa. Cô ấy không những là một sinh viên chăm chỉ luôn đạt được điểm tốt ở trường mà còn là một người khiêu vũ giỏi ở câu lạc bộ thể thao.

Tôi hy vọng chúng tôi sẽ còn liên lạc với nhau khi khoá học kết thúc.

My Aunt Ngoc

Of all my relatives, Aunt Ngoc is the one I like best. She's my mother's younger sister.

She has never married, and she lives alone in a small village near Hue City. She's in her late fifties, but she's still quite young in spirit. She has a fair complexion, dark brown eyes and thick brown hair which she wears in a bun. She has a kind face, and when you meet her, the first thing you notice is her lovely, warm smile. Her face is a little winkled now, but I think she is still rather attractive. She is the sort of person you can always go to if you have a problem.

She likes reading and gardening, and she goes for long walks over the hill with her dog, Mino. She's a very active person. Either she's making something, or mending something, or doing something to help others. She does shopping for some of the old people in the village. She's extremely generous, but not very tolerant with people who don't agree with her.

I hope that I am as happy and contented as she is when I'm her age.

Bài dịch

Dì Ngọc của tôi

Trong số họ hàng của tôi, dì Ngọc là người tôi yêu mến nhất. Dì là em gái cuả mẹ tôi.

Dì không lập gia đình và sống một mình ở một ngôi làng nhỏ gần thành phố Huế. Dì vào khoảng độ tuổi cuối năm mươi mấy nhưng tâm hồn vẫn còn rất trẻ. Dì có nước da trắng, mắt nâu đen và mái tóc nâu dày luôn được búi lên. Dì có khuôn mặt phúc hậu và khi gặp dì ấy, điều đầu tiên làm bạn chú ý đó là nụ cười có duyên và nồng hậu. Dì là người mà bạn luôn có thể đến thăm mỗi khi gặp rắc rối.

Dì thích đọc sách và làm vườn, dì thường đi dạo quanh đồi với con chó Mino. Dì là một người rất tháo vát. Khi thì làm việc này, sửa chữa cái nọ hoặc giúp đỡ người khác. Dì thường đi mua sắm giúp cho những người già trong làng. Dì hết sức rộng lượng, nhưng cũng không khoan dung cho những ai không đồng ý với ý kiến của dì.

Tôi hy vọng được vui vẻ và toại nguyện như dì khi đến độ tuổi đó.

My Mother

Of all people in the world, I love my mother the most. Not only do I love her but I also admire her a great deal.

My mother is 60 years of age. Her hair is short and curly. Her bright and wide eyes are very expressive. You can read in them her most intimate feelings. She is simply dressed and never seems tired from work. She always wakes up before all the others and goes to bed last. In everything that she does to us, there is always a touch of love and responsibility. Despite the full responsibility for the whole family my mother has to assume, she is a good employee at the hospital. As a nurse, she takes good care of all her patients. She is a genial and sociable woman and always has quick and lively manners. That's why she earns much respect and love from her friends and colleagues.

I believe all her good and lofty characters can hardly be found in any other women. I always wish my mother good health so that she could live with us forever.

Bài dịch

Mẹ tôi

Trên thế gian này, người mà tôi yêu quý nhất đó là mẹ tôi. Tôi không chỉ yêu quý mà còn kính phục bà rất nhiều nữa.

Mẹ tôi năm nay tròn 60 tuổi. Tóc mẹ ngắn và uốn gợn sóng. Đôi mắt sáng và to của mẹ thật biểu cảm. Bạn có thể đọc được trong ánh mắt đó tình cảm thân thương nhất. Mẹ tôi ăn mặc giản dị và dường như chưa bao giờ biết mệt mỏi trong công việc. Mẹ luôn dậy sớm trước tất cả và là người đi ngủ sau cùng. Trong tất cả mọi việc mẹ làm cho chúng tôi luôn luôn có tình thương yêu và trách nhiệm. Mặc dù mẹ phải gánh chịu tất cả trách nhiệm đối với cả gia đình nhưng mẹ vẫn là một nhân viên rất tốt ở bệnh viện. Là y tá, mẹ chăm sóc rất chu đáo cho tất cả các bệnh nhân. Mẹ là người phụ nữ tốt bụng, dễ gần và luôn có phong cách nhanh nhẹn, hoạt bát. Chính vì vậy mà mẹ được bạn bè và đồng nghiệp yêu mến và kính trọng.

Tôi tin rằng tất cả những đức tính tốt đẹp và cao cả của mẹ khó có thể được tìm thấy ở bất cứ một người phụ nữ nào khác. Tôi mong ước mẹ luôn luôn mạnh khoẻ để sống mãi với chúng tôi.

III. GIVING INSTRUCTIONS *(Cho lời chỉ dẫn)*

The following words/ phrases are sometimes used when giving instructions.

(Những từ/cụm từ sau thường được sử dụng khi cho lời chỉ dẫn)

- First,…

Trước hết, ...

- Then/ Next,…

Kế tiếp ...(Tiếp theo ...)

- After that,…

Sau đó, ...

- Finally,…

Cuối cùng, ...

- Make sure you …

Bạn chắc chắn phải ...

- Remember to…

Hãy nhớ ...

- As soon as...... you should...

Ngay khi... bạn nên...

- Avoid (-ing)...

Tránh...

- Take care not to ...

Cẩn thận đừng để...

- Do not...

Không được ...

How to Treat a Scald

First, place the burnt area in cool water for at least ten minutes.

Then, quickly remove anything tight like rings, boots or belts before the parts start to swell.

When these have been removed, lay the casualty down.

Cover the burnt area with a clean, dry cloth or dressing.

Finally, if the scald is serious, arrange for the casualty to be taken to hospital.

Bài dịch

Làm thế nào để chữa vết bỏng

Trước hết, để phần bị bỏng vào trong nước mát tối thiểu trong 10 phút.

Tiếp theo, nhanh chóng tháo bỏ những vật khít chặt như nhẫn, gày ủng hoặc thắt lưng trước khi phần da bị bỏng sưng lên.

Khi những thứ này đã được tháo bỏ, đặt người bị nạn nằm xuống.

Đắp vải hoặc băng gạc khô và sạch lên vùng bị bỏng.

Cuối cùng, nếu vết bỏng nghiêm trọng, sắp xếp để đưa người bị nạn đến bệnh viện.

How to Make a Call

To make a call you will need 10p pieces. Make sure you know the dialing code for the town you are calling, unless it is a local call.

To operate the telephone:

First, lift the receiver and listen for the dialing tone.

Next, dial the number you require, beginning with the code for that area. You should hear a ring tone.

Wait until you hear rapid pips. This means your call has been answered.

Insert your money in the slot.

If the rapid pips are repeated before you have finished your call, insert more money.

Bài dịch

Làm thế nào để thực hiện một cuộc gọi

Để gọi điện thoại bạn cần có đồng tiền 10 xu. Bạn chắc chắn phải biết mã số của thành phố bạn muốn gọi đến trừ khi đó là cuộc gọi địa phương.

Để sử dụng điện thoại:

Trước hết, nhấc ống nghe lên và lắng nghe tiếng phát ra trong máy điện thoại (báo cho biết có thể quay số điện thoại bạn muốn gọi)

Kế tiếp, quay số bạn cần, bắt đầu bằng mã số vùng. Bạn sẽ nghe tiếng chuông đổ.

Hãy chờ cho đến khi bạn nghe thấy những tiếng píp píp nhanh. Điều này cónghĩa cuộc gọi của bạn có người trả lời.

Bỏ tiền vào trong khe.

Nếu những tiếng píp píp nhanh được lặp lại trước khi bạn hoàn tất cuộc gọi, hãy bỏ thêm tiền vào.

How to Operate a Washing Machine

First, sort the dirty washing into piles.

Next, load the clothes into the machine. Take care not to overload the machine.

After that, select the program required and fill the appropriate conpartment with the washing powder.

Make sure not to use too much powder!

Finally, close the door carefully and press the red button.

Don’t attempt to open the door until the program is completed.

As soon as the machine stops, remove the clothes to prevent creasing.

Bài dịch

Làm thế nào để sử dụng máy giặt

Trước hết, để riêng áo quần bẩn cần giặt.

Tiếp theo, bỏ quần áo vào máy giặt. Hãy thận trọng đừng chất quá nhiều quần áo vào máy.

Sau đó, chọn chương trình cần giặt và đổ bột giặt vào khoang thích hợp.

Hãy nhớ đừng sử dụng quá nhiều bột giặt!

Cuối cùng, đóng cửa cẩn thận và ấn nút đỏ.

Đừng mở cửa cho đến khi nào chương trình giặt hoàn thành.

Khi máy giặt ngưng hoạt động, lấy áo quần ra để tránh bị nhăn.

How to Use a Cassette Player

First, plug the machine into an electrical outlet. Next open the small door on the front by pushing the EJECT button. Then insert the tape and close the door. After doing that, press the PLAY button to start the tape. You can change the volume by turning the knob on the right.

Bài dịch

Làm thế nào để sử dụng máy cát-xét

Trước tiên, cắm phích máy cát-xét vào ổ cắm điện. Tiếp theo mở ô cửa nhỏ phía trước bằng cách ấn nút EJECT. Kế tiếp, bỏ băng cát-xét vào và đóng cửa lại. Sau đó, nhấn nút PLAY để chạy băng. Bạn có thể thay đổi âm lượng bằng cách vặn núm điều chỉnh bên phải.

How to Use the Electric Cooker

First, wash the rice with water. Then put the rice in the pot and cover it with water.

Next, plug in the unit. Continue, press the power button fully down, you will see the rice cook button flash. The rice is cooked for about 25 or 30 minutes.

After that, take care to the rice cook button. If it changes to warm button, the rice cooker is kept warm.

Finally, wait about 5 or 10 minutes and unplug the unit.

Bài dịch

Làm thế nào để sử dụng nồi cơm điện

Trước hết, vo gạo. Sau đó bỏ gạo vào nồi cơm và đổ nước vào.

Tiếp theo, cắm phích vào ổ cắm điện. Ấn nút khởi động, bạn sẽ thấy đèn 'nấu' bật sáng. Gạo sẽ được nấu trong khoảng 25 hoặc 30 phút.

Sau đó, hãy chú ý tới nút 'nấu'. Nếu nó chuyển đổi sang nút 'giữ ấm', nồi cơm điện sẽ được giữ ấm.

Cuối cùng, chờ 5 hoặc 10 phút rồi rút phích cắm ra .

IV. GIVING DIRECTIONS *(Chỉ đường)*

Useful Language

- Keep walking until you reach …

Tiếp tục đi bộ cho đến khi anh đến ...

- Go along … until you reach …

Đi dọc theo... cho đến khi bạn đến...

- Go as far as … and then …

Đi đến tận... và sau đó...

- Go straight to … (over /across / past) …

Đi thẳng đến ... (băng qua/ ngang qua) ...

- Keep straight on for 200 meters

Cứ đi thẳng 200 mét

- Walk past the … then look on your right/ left

Đi qua... sau đó nhìn qua phải/ qua trái

- Turn left / right at …

Rẽ trái / phải ở...

- Take the first/ second turning on (to)the left / right.

Rẽ vào đường thứ nhất/ thứ hai ở bên trái/ phải.

- Keep to the path.

Hãy theo đúng đường mòn.

- Bear left / right

Rẽ trái / phải

- When you get to the…, turn left.

Khi bạn đi đến ..., hãy rẽ trái.

- It's just around the corner.

Nó ở ngay gần đây.

- It's right behind the…

Nó ở ngay sau...

- It's opposite the … You can't miss it.

Nó đối diện với... Anh không thể không trông thấy nó.

- a crossing / pedestrian crossing / a zebra crossing: *lối đi trong hàng đinh, vạch qua đường*
- a footpath/ footway /pathway / path: *đường mòn, đường nhỏ*
- a one-way street: *đường một chiều*
- a roundabout/ traffic circle / rotary: *bùng binh*
- a T-junction: *chỗ nối chữ T (chỗ một con đường nối với một con đường khác nhưng không vượt qua do đó tạo thành chữ T)*
- traffic lights: *đèn giao thông*

It's Alice's birthday on Saturday and she and Susan are planning to have a party. Susan is writing some invitations.

17 Enfield Court,
Enfield Road,
Twickenham,
Middlesex
16th September 2007

Dear John,

I'm writing to invite you to a party we're having at the flat next Saturday, September 22nd. As you know, it's Alice's 19th birthday next week and my birthday next month, so we thought we'd celebrate together and have a joint party.

I can't remember if you've been round to the flat before, but anyway, if you follow the directions below, you shouldn't get lost.

Take the Number 15 bus from the station and get off at the Star Hotel. Walk down Cromwell Road, pass the Odeon Cinema, and then take the first turning on the right. That's Sandy Road. Turn left at the first junction, then go straight past the church as far as the next crossroads. Turn right and our block of flats is the second one on the right (see the map below).

Do try and come. It seems ages since we last had a chat. Of course you're welcome to bring someone with you if you want to.

Look forward to seeing you then!

Love,

Sue

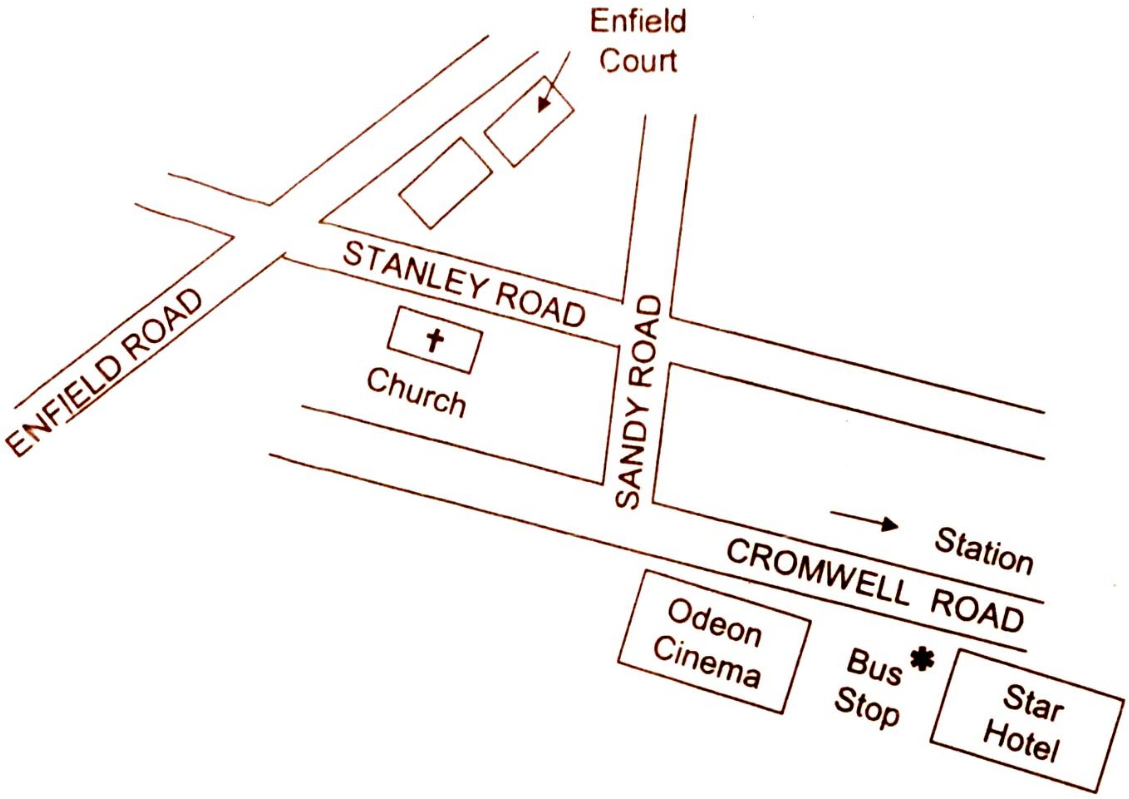
Enfield Court
STANLEY ROAD
ENFIELD ROAD
Church
SANDY ROAD
Station
CROMWELL ROAD
Odeon Cinema
Bus Stop
Star Hotel

Bài dịch

Thứ bảy là sinh nhật của Alice, cô ấy và Susan đang có kế hoạch tổ chức tiệc. Susan đang viết thư mời.

17 Enfield Court,
Đường Enfield,
Twickenham,
Middlesex

Ngày 16 tháng 9 năm 2007

John thân mến,

Mình viết để mời bạn đến dự buổi tiệc chúng mình sẽ tổ chức tại căn hộ vào thứ bảy tuần tới, ngày 22 tháng 9. Như bạn đã biết, tuần tới là lần sinh nhật thứ 19 của Alice và sinh nhật của mình là vào tháng sau. Vì thế chúng mình đã suy nghĩ là sẽ cùng nhau tổ chức tiệc.

Mình không nhớ bạn đã từng đến căn hộ của mình trước đây hay chưa, nhưng nếu bạn theo chỉ dẫn dưới đây, bạn sẽ không lạc đường.

Hãy bắt chuyến xe buýt số 15 tại trạm xe buýt và xuống xe tại khách sạn Star. Đi bộ xuống đường Cromwell, bỏ qua rạp chiếu phim Odeon và sau đó rẽ phải. Đó là đường Sandy. Hãy rẽ trái ở khúc cua đầu tiên, sau đó đi thẳng ngang qua nhà thờ đến ngã tư tiếp theo. Rẽ phải và khu chung cư của chúng tôi là khu thứ hai phía bên phải (xem bản đồ bên dưới).

Hãy cố gắng đến. dường như đã lâu lắm rồi chúng ta không hàn huyên tâm sự với nhau. Bạn cứ việc dẫn theo bất cứ người nào bạn muốn.

Rất mong gặp lại bạn.

Thương mến,

Sue

You are writing a letter, inviting a friend to your house. You enclose a map and directions on how to reach you.

20 Cypress Avenue,
Wenton,
Warickshire
18^{th} May 2008

Dear Maggie,

I'm writing to apologize for not writing sooner and ask if you like to come to dinner on Saturday. As you know we moved to our new house last week so we think we'd like to have a small house-warming party.

I enclose the little map of the area to help you. As you see, our house is very near the station. When you come out of the station, turn right and go straight ahead. Then take the first turning on the left. That's the Cypress Avenue. Our house is nearly the end of the road, just beside the new block of flats.

I hope you'll come. You have already known all the other guests so it should be a lovely evening.

Looking forward to hear of all your news!

Love,

Rebecca

Bài dịch

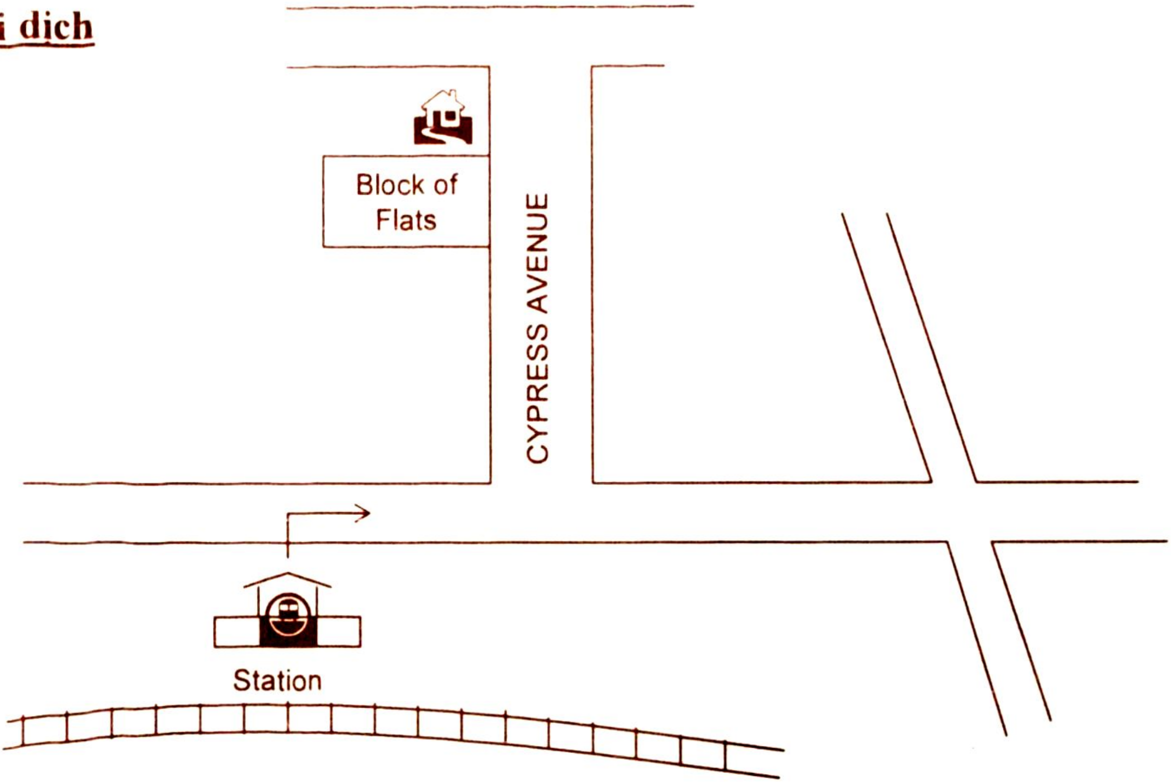

Bạn đang viết một bức thư mời một người bạn về nhà. Bạn đính kèm theo bản đồ và hướng dẫn để đến được nhà bạn.

20 Đại lộ Cypress
Wenton,
Warickshire
Ngày 18 tháng 5 năm 2008

Maggie thân mến,

Mình viết để xin lỗi bạn và đã không trả lời sớm hơn và để hỏi xem thử bạn có đến dùng cơm tối với mình vào ngày thứ bảy không. Bạn biết là mình đã chuyển đến nhà mới tuần vừa rồi vì thế chúng mình muốn tổ chức một buổi tiệc nhỏ mừng nhà mới.

Mình đính kèm theo đây tấm bản đồ nhỏ của vùng đó để giúp bạn tìm nhà. Như bạn thấy đó, nhà của chúng mình rất gần nhà ga xe lửa. Khi bạn ra khỏi nhà ga, rẽ phải rồi đi thẳng sau đó rẽ vào đường thứ nhất bên trái. Đó là Đại lộ Cypress. Nhà của chúng mình ở gần cuối đường, ngay bên cạnh khu chung cư mới.

Hy vọng bạn sẽ đến. Bạn đã quen hầu hết các vị khách khác vì thế buổi tối đó sẽ rất vui.

Mình mong được tin của bạn!

Thương yêu,
Rebecca

V. OUTLINING ADVANTAGES AND DISADVANTAGES

(Phác thảo những điểm thuận lợi và bất lợi)

Useful language

- For me

Đối với tôi

- As I see it,

Theo tôi,

- One of the biggest advantages / disadvantages of … is that …

Một trong những thuận lợi/ bất lợi của …… là ...

- Also, / Added to this, / What is more, / Furthermore,/ In addition, /Moreover, …

Hơn nữa(Ngoài ra), ...

- As a result/ Therefore …

Vì vậy...

- Finally, …

Cuối cùng

- On the whole, …

Nói chung,..

- All things considered, …

Sau khi cân nhắc kỹ,...

- To sum up then, I think …

Tóm tại, tôi nghĩ rằng...

- On the other hand, …

Trái lại,...

OUTLINE

Paragraph 1

General introduction: State if you have any personal experience of this subject. Say if you have heard or read any recent articles/ stories which are relevant to this subject.

Giới thiệu tổng quát: *Bày tỏ những kinh nghiệm cá nhân của bạn về vấn đề nếu có. Nói về việc bạn đã nghe hoặc đọc bất cứ bài báo hoặc câu chuyện nào có liên quan đến vấn đề.*

Paragraph 2

List two or three advantages(Remember to link your ideas together).

Liệt kê hai hoặc ba điểm thuận lợi (Phải nhớ liên kết các ý tưởng với nhau)

Paragraph 3

List two or three disadvantages.

Liệt kê hai hoặc ba điểm bất lợi.

Paragraph 4

Conclusion: State whether in your opinion the advantages outweigh the disadvantages or not.

Kết luận: *Bày tỏ ý kiến của bạn về sự thuận lợi có quan trọng hơn điều bất lợi hay không.*

Jane is thinking of applying for a job as an air-hostess. She has written to her aunt to ask how she finds the job and whether she would recommend it to others. This is her aunt's reply.

17 Enfield Court,
Enfield Road,
Twickenham
Middlesex MY 6 3P

7th March, 2009

Dear Jane,

I was delighted to get your letter, and to hear that you've passed all your exams. Congratulations! You must have worked very hard to get such results!

In your letter you ask if I would recommend flying as a career. Perhaps if I tell you one or two of the advantages and the disadvantages of the job, it might help you to make a decision.

For me, one of the biggest advantages is that you have the opportunity to travel all round the world and to visit places you would probably never see otherwise. Your colleagues are usually quite young and you can have great fun getting round and seeing the sights together. What's more, you can get very cheap travel for yourself and your family, which means that you can have some fantastic holidays at very low price.

There are some disadvantages, of course, as in all jobs. The work can be pretty hard physically, and you need to be fit and healthy and to have a good strong pair of feet! Also, while most passengers are extremely pleasant, you do sometimes get some difficult ones who are never satisfied with the service. If you've already got jet-lag and sore feet, they can really test your patience!

All things considered, though, I think the good points far outweigh the bad, and I have certainly enjoyed my two years flying. Anyway, if you do decide to apply, please don't hesitate to write to me again and let me know if I can help in any way.

Looking forward to hearing from you soon.

Love,

Anne

Bài dịch

Jane đang nghỉ về việc xin làm tiếp viên hàng không. Cô ấy đã viết thư cho dì của mình để hỏi xem dì ấy nghĩ gì về công việc này và cho lời khuyên. Đây là thư trả lời của dì cô ấy.

Jane yêu quý,

Cô rất vui khi nhận thư cháu và biết rằng cháu đã vượt qua các kỳ thi. Chúc mừng cháu! Ắt hẳn cháu đã học hành vất vả để có được kết quả như thế!

Trong thư cháu hỏi ý kiến cô có nên chọn nghề tiếp viên hàng không hay không. Có lẽ nếu cô đưa ra một, hai điều thuận lợi và bất lợi của công việc thì có thể giúp cháu có quyết định đúng đắn.

Đối với cô, một trong những thuận lợi lớn nhất là cháu có cơ hội đi khắp thế giới và ngoài ra có thể thăm được nhiều nơi mà cháu không bao giờ thấy được. Đồng nghiệp của cháu thường khá trẻ tuổi và cháu có thể vui vẻ cùng họ đi tham quan đây đó. Hơn nữa, cháu có thể có được những chuyến du lịch ít tốn kém hơn nhiều cho mình và gia đình, ý cô muốn nói là cháu có thể có được những kỳ nghỉ tuyệt vời với giá rẻ.

Dĩ nhiên, còn có một số bất lợi như những công việc khác. Công việc này khá mệt nhọc về thể xác, cháu cần phải có thể lực tốt và đôi chân khoẻ! Ngoài ra, trong số những hành khách dễ chịu thỉnh thoảng cháu cũng gặp vài người khách khó tính không hài lòng với sự phục vụ. Nếu cháu đã từng mệt mỏi sau những chuyến bay dài và bị đau chân, điều đó cũng chính là sự thử thách lòng kiên nhẫn của cháu!

Mặc dù vậy, sau khi cân nhắc kỹ, cô nghĩ có nhiều mặt lợi hơn hại và cô cũng rất hài lòng với 2 năm làm tiếp viên của mình. Dù sao, nếu cháu quyết định xin việc đó, đừng ngại viết thư nói cho cô biết để cô có thể giúp cháu phần nào.

Mong sớm nhận được tin của cháu.

Thương yêu,

Cô Anne

Some people say that the Internet provide us with a lot of valuable information. Others think access to so much information creates problems. Which view do you agree with? Use specific reasons and examples to support your opinion.

There is no doubt that the Internet is one of the greatest humankind's inventions of the last century. It has become an essential part in our modern society. It is fast and easy way to get a lot of valuable information. However, some people believe that the Internet creates many problems. From my point of view, I think the Internet brings us advantages as well as disadvantages.

First of all, the Internet brings us many benefits. No one knows for sure the exact number of Internet users today. But one thing everybody does know is that more and more people use the Internet for different purposes. Businesses use the Internet for advertising and commerce. Also, on-line news and abundant forms of entertainment are made available for access via the Internet. In addition, organizations use the Internet for teleconferencing, telecommuting, and of course for research and communication. Emailing is gaining in popularity as a means of communication. Even blogs have appeared recently as websites for commentary and news or simply as personal on-line diaries. The Internet has really transformed how we live and work.

On the other hand, many questions and difficulties arise with the appearance of the Internet. Children get the easy access to the information they are not supposed to read. People's security and privacy are often violated. Many banks have to increase their Internet security because of hacking.

I believe that the Internet gives us more advantages than disadvantages or problems. It makes our world smaller and closer.

Bài dịch

Một vài người nói rằng Internet cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin quý giá. Một số người khác nghĩ việc tiếp cận với quá nhiều thông tin gây ra nhiều vấn đề Bạn đồng ý với quan điểm nào? Hãy đưa ra lý do và ví dụ cụ thể để bổ sung cho ý kiến của bạn.

Internet là một trong những phát minh vĩ đại nhất của con người trong thế kỷ qua, không ai hoài nghi về điều đó. Nó đã trở thành một phần thiết yếu trong xã hội hiện đại của chúng ta. Nó là phương tiện nhanh, dễ dàng để lấy những thông tin có giá trị. Tuy nhiên, một số người tin rằng Internet gây ra nhiều vấn đề. Theo quan điểm của tôi, tôi nghĩ rằng Internet mang lại cho chúng ta những điều thuận lợi cũng như bất lợi.

Trước hết, Internet mang đến cho chúng ta nhiều lợi ích. Không ai biết con số chính xác là bao nhiêu người sử dụng Internet ngày nay. Nhưng có một điều mọi người biết chắc là càng ngày càng có nhiều người dùng Internet cho nhiều mục đích khác nhau. Các ngành kinh doanh sử dụng Internet để quảng cáo và kinh doanh. Hơn nữa, tin tức và nhiều hình thức giải trí trực tuyến luôn sẵn có khi truy cập Internet. Ngoài ra, các cơ quan sử dụng Internet để dự hội nghị qua điện thoại hoặc thu phát hình trực tiếp, làm việc tại nhà qua máy tính nối với cơ quan, và dĩ nhiên là để nghiên cứu và thông tin liên lạc. Việc viết thư điện tử như là một phương tiện giao tiếp đang giành được sự mến mộ. Ngay cả 'blog' vừa mới xuất hiện gần đây dưới hình thức như những trang Web cũng được dùng để bình luận và xem tin tức hoặc chỉ đơn giản được dùng như những trang nhật ký các nhân trực tuyến. Internet đã thực sự biến đổi cách sống và làm việc của chúng ta.

Nhưng trái lại, nhiều vấn đề và khó khăn nảy sinh cùng với sự xuất hiện của Internet. Trẻ con dễ dàng tiếp cận với những tin tức mà chúng không được phép đọc. Vấn đề an ninh và riêng tư của mọi người thường bị xâm phạm. Nhiều ngân hàng phải tăng cường an ninh mạng Internet do có sự đánh cắp thông tin.

Tôi tin rằng, Internet mang đến cho chúng ta nhiều thuận lợi hơn là bất lợi. Nó làm cho thế giới của chúng ta nhỏ lại và gần nhau hơn.

The advantages and disadvantages of television (1)

Watching TV is the most popular form of entertainment in the world today. It is also the main form of entertainment that is in homes.

Through TV we can come into contact with a lot of information. People can get update information rapidly and easily. It is also creative, because it shows both recreational and educational programs at the same time. People especially students can learn something from them. However, it is not without its disadvantages. Apparently TV does cause a lot of problems in the world.

Television affects us more on the negative way. People have seen a lot of movies about violence on television, and they have been affected by those types of shows without realizing it. Researchers have come up with the definite proof that watching violence makes children grow up to be violent adults.

Everything has two sides, advantage and disadvantage. Carefully picking programs for children and giving them and yourself correct ideas are important. Letting television be an informatively educational tool is what every single individual should know.

Bài dịch

Thuận lợi và bất lợi của truyền hình (1)

Ngày nay, xem truyền hình là hình thức giải trí phổ biến nhất trên thế giới. Nó cũng là hình thức giải trí chủ yếu trong mọi gia đình.

Thông qua truyền hình chúng ta có thể biết được nhiều thông tin. Mọi người có thể cập nhật thông tin nhanh chóng và dễ dàng. Truyền hình có tính sáng tạo vì nó phát cùng lúc các chương trình giải trí và giáo dục. Đặc biệt, sinh viên có thể học nhiều thứ từ những chương trình đó. Tuy nhiên, nó cũng có những điều hạn chế. Truyền hình dường như đang gây ra nhiều vấn đề trên thế giới.

Truyền hình tác động bất lợi đến chúng ta. Mọi người xem nhiều phim bạo lực và họ không nhận ra rằng họ đang bị tác động bởi thể loại phim này. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện bằng chứng xác thực rằng, trẻ con xem nhiều cảch bạo lực thường có những hành động bạo lực ở tuổi trưởng thành.

Mọi thứ đều có 2 mặt thuận lợi và bất lợi của chúng. Lựa chọn cẩn thận chương trình truyền hình cho con cái, hướng cho chúng và cho chính bạn những tư tưởng đúng đắn là rất quan trọng. Hãy để truyền hình trở thành công cụ có tác dụng nâng cao kiến thức giáo dục là những gì mà mỗi chúng ta nên biết.

The advantages and disadvantages of television (2)

Some people think that television is informative or providing knowledge. Others believe that it has negative effects such as promoting violence. In my opinion, there are many reasons for those two positions.

It's true that television is informative and recreational. There are many educational programs on television. Children learn a lot from these programs. In addition, television helps us to learn more about the world we live and to know and see many interesting things. Television is also a popular kind of entertainment throughout the world. Watching it is an enjoyable way to relax.

I also agree with the second position which says that television has negative effects, especially for children. Many movies shown on television contain violence, crime and other things like that which young children or certain people get influence from them. What is more, watching television makes us passive. We don't have to think so our brains become lazier. Watching too much TV is also bad for our eyes.

Despite some of the negative effects television may bring us, it is always in our home giving us the news day by day and entertainment after a hard day of work or study.

Bài dịch

Thuận lợi và bất lợi của truyền hình (2)

Một số người nghĩ rằng truyền hình cung cấp thông tin và kiến thức. Một số người khác lại tin rằng truyền hình có tác động tiêu cực chẳng hạn như thúc đẩy bạo lực. Theo tôi, có nhiều lý do để giải thích hai quan điểm này.

Thật đúng là truyền hình cung cấp tin tức và giải trí. Có nhiều chương trình giáo dục trên TV. Trẻ con học được rất nhiều từ những chương trình này. Ngoài ra, truyền hình giúp chúng ta biết được nhiều về thế giới chúng ta đang sống và xem được nhiều điều hay. Truyền hình cũng là một hình thức giải trí phổ biến trên toàn thế giới. Xem truyền hình là một hình thức thư giãn thú vị.

Tôi cũng đồng ý với quan điểm thứ hai nói rằng truyền hình có tác động tiêu cực, đặc biệt đối với trẻ con. Nhiều phim chiếu trên truyền hình đầy những cảnh bạo lực, tội ác và những thứ tương tự mà trẻ con hoặc một số người thường bị ảnh hưởng. Hơn nữa, xem truyền hình làm chúng ta trở nên thụ động. Bộ não của chúng ta trở nên lười nhác hơn vì chúng ta không phải suy nghĩ. Xem TV nhiều cũng có hại cho đôi mắt.

Mặc dù truyền hình mang lại cho chúng ta những tác động tiêu cực, nó vẫn luôn có mặt trong nhà chúng ta cung cấp tin tức và giải trí sau một ngay làm việc học tập mệt nhọc.

VI. GIVING OPINIONS *(Phát biểu ý kiến)*

Useful language for STARTING AN OPINION

- In my opinion,…

Theo ý kiến của tôi...

- As I see it, …

Theo tôi, ...

- To my mind, …

Theo tôi(Theo cách suy nghĩ của tôi)...

- Personally I believe that...

Về phần tôi, tôi tin rằng...

- I think that...

Tôi nghĩ rằng...

- From my point of view/ From my viewpoint, ...

Theo quan điểm của tôi...

- In my view I believe ...

Theo ý kiến của tôi, tôi tin...

- I feel that...

Tôi cảm thấy rằng...

- I doubt that...

Tôi không chắc là...

- It is my belief that..

Tôi tin rằng ...

OUTLINE

Paragraph 1

General introduction

What is the situation at the moment in your country? / in the world? Is it a satisfactory situation?

Trình trạng/ Tình hình hiện nay ở đất nước bạn/ trên thế giới là gì? Có thoả đáng không?

Paragraph 2

Give your opinions and list the reasons for it.

Trình bày ý kiến của bạn và nêu lý do.

Paragraph 3

Put the other side of the argument and then say why you agree /disagree.

Đề cập đến khía cạnh khác của vấn đề đưa ra tranh luận và nói bạn đồng ý hay không đồng ý.

Paragraph 4

Conclusion

Summarize your arguments and restate your opinion clearly.

Tóm tắt bài biện luận và trình bày lại rõ ràng lập trường của bạn.

Should Smoking Be Banned in Public Places?

Statistics show beyond doubt that cigarette smoking can damage the health, yet a surprisingly large number of people continue to smoke in spite of all warnings. By doing so they are not just shortening their own lives, they are also affecting the health of those around them. It is time that non-smokers fought back!

Personally, I think smoking should definitely be banned in public places. To begin with, it is very unpleasant to sit in a smoke-filled room, such as a restaurant or cinema, if you do not yourself smoke. Added to this, smoking can be a serious fire risk, especially in crowded places like disco. Finally, in my opinion, nobody should be asked to risk his health just because of another person's bad habits.

Smokers may protest that they should be free to do as they like. They say that we already have non-smoking areas in public places, and that this should be enough. To my mind, however, non- smokers should also be free- free to go anywhere they choose without risking their health.

Smoking is harmful not just to smokers but to non-smokers too. If some people are foolish enough to continue this dangerous habit, it seems to me that they should at least be prevented from doing so in public.

Bài dịch

Việc hút thuốc lá có nên bị cấm ở những nơi công cộng không?

Những thống kê cho thấy một cách chắc chắn rằng hút thuốc có hại cho sức khoẻ, tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên là nhiều người vẫn tiếp tục hút thuốc lá bất chấp những lời khuyến cáo. Làm như vậy họ không những rút ngắn cuộc sống của họ mà còn gây ảnh hưởng cho sức khoẻ của những người xung quanh. Đã đến lúc những người không hút thuốc phải chống trả!

Về phần tôi, tôi nghĩ rằng nên cấm dứt khoát việc hút thuốc ở những nơi công cộng. Trước hết, thật khó chịu nếu như bạn là người không hút thuốc lại ngồi trong một phòng đầy khói thuốc lá như nhà hàng hay rạp chiếu bóng. Ngoài ra, hút thuốc là nguy cơ gây cháy nghiêm trọng, đặc biệt ở những nơi đông người như câu lạc bộ khiêu vũ. Cuối cùng, theo tôi, không ai chịu mang lấy những rủi ro về sức khoẻ của mình chỉ vì thói quen xấu của người khác.

Những người hút thuốc có thể phản đối rằng họ nên được tự do làm điều họ muốn. Họ nói rằng chúng ta đã có những khu vực không hút thuốc ở những nơi công cộng và thư thế là được rồi. Tuy nhiên, theo suy nghĩ của tôi, những người không hút thuốc cũng nên được tự do – tự do đi bất cứ nơi đâu họ muốn mà không đánh liều sức khoẻ của mình.

Hút thuốc lá có hại không chỉ cho người hút mà còn hại cho người không hút nữa. Nếu một số người vẫn còn ngu ngốc nhiễm thói xấu nguy hiểm này, đối với tôi, ít nhất họ nên bị ngăn cấm không được hút nơi công cộng.

Computers have become increasingly important and popular in Vietnam nowadays. Could you describe some useful ways in which computers have so far contributed to our modern life?

Almost everyone with or without a computer is aware of its impact on our modern life. It is true that computers have become increasingly important and popular in Vietnam nowadays.

Computers have contributed a great deal to human life in many ways. In the first place, computers have helped save a lot of time in computation. A computer can do simple computations-add, subtract, multiply, and divide-with lightning speed and perfect accuracy. Computers can find the solution to a complex problem in 1 /1,000 second that would take an average person five minutes or more to do with pencil and paper.

Secondly, computers have a supernatural memory. They can store and analyze as much information as all that contained in a library. Innumerable data, even the whole dictionary or encyclopedia, can be stored in the computer's memory and can be displayed on the screen within a few seconds. Computers give us rapid access to any information we want.

Thirdly, computers have a means of communicating with the users. Connection to the Internet gives us direct access to an e-mail system and to a large number of sources of information. If we have access to the World Wide Web or Internet, we can exchange information with millions of computer users throughout the world.

A person can do everything a computer can do, but in many cases that person would be dead long before the job was finished. It is, therefore, no exaggeration to say that computers have helped lengthen our modern life.

Bài dịch

Vi tính ngày càng trở nên quan trọng và phổ biến ở Việt Nam ngày nay. Bạn có thể mô tả một vài lợi ích mà vi tính đã đóng góp cho cuộc sống hiện đại của chúng ta?

Hầu hết mọi người có hay không có vi tính đều ý thức được tác động của nó đối với cuộc sống hiện đại. Thật đúng là máy tính đã trở nên càng ngày càng quan trọng và phổ biến ở Việt Nam ngày nay.

Máy tính đã đóng góp rất nhiều cho đời sống con người về nhiều phương diện. Thứ nhất, máy tính giúp chúng ta tiết kiệm thời gian tính toán. Một máy tính có thể làm những phép tính đơn giản cộng, trừ, nhân, và chia – với tốc độ nhanh như chớp và độ chính xác hoàn hảo. Máy tính có thể tìm thấy lời giải cho một bài toán phức tạp chỉ trong 1/ 1000 giây mà một người bình thường có thể mất 5 phút hoặc nhiều hơn để tính toán bằng giấy bút.

Thứ hai, máy tính có một bộ nhớ siêu phàm. Chúng có thể lưu trữ và phân tích lượng lớn thông tin của cả một thư viện. Rất nhiều dữ kiện, ngay cả trọn một cuốn tự điển hoặc quyển bách khoa toàn thư, có thể được lưu trữ vào bộ nhớ của máy tính và có thể trình chiếu trên màn hình trong vòng vài giây. Máy tính giúp chúng ta tiếp cận nhanh với bất kỳ thông tin nào chúng ta cần.

Thứ ba, máy tính có phương tiện giao tiếp với người sử dụng. Việc nối mạng Internet giúp chúng ta tiếp cận trực tiếp với hệ thống thư điện tử và nhiều nguồn thông tin. Nếu chúng ta truy cập vào trang Web hoặc Internet, chúng ta có thể trao đổi thông tin với hàng triệu người sử dụng vi tính trên toàn thế giới.

Một người có thể làm mọi việc như máy tính làm, nhưng trong nhiều trường hợp trước khi công việc hoàn tất con người đã chết rất lâu rồi. Vì vậy, không một chút phóng đại nào khi nói rằng máy tính giúp kéo dài cuộc sống hiện đại của chúng ta.

VII. AGREE / DISAGREE *(Đồng ý / Không đồng ý)*

OUTLINE

Introduction

- Main opinion (Say you agree or disagree with the statement)

Ý chính (nói bạn đồng ý hay không đồng ý)

- Thesis statement *Câu luận đề*

Body

Paragraph 1

- Topic sentence *Câu chủ đề*
- Supporting details *Các chi tiết bổ sung*

Paragraph 2

- Topic sentence *Câu chủ đề*
- Supporting details *Các chi tiết bổ sung*

Conclusion

- Restatement *Câu phát biểu lại*

Language of Agreement / Disagreement

Những cách diễn đạt bày tỏ sự đồng ý / không đồng ý

- I quite agree with this because…

Tôi hoàn toàn đồng ý về điều này vì...

- I agree/ disagree with the view that …

Tôi đồng ý / không đồng ý với quan điểm rằng...

- There are several reasons why I think this is true.

Có nhiều lý do giải thích tại sao tôi nghĩ điều này là sự thật.

- I totally oppose the idea that…

Tôi hoàn toàn phản đối ý tưởng rằng...

- I am not in favor of …

Tôi không ủng hộ …

- There is no doubt in my mind that…

Tôi không chút hoài nghi nào về…

- I see your point …

Tôi hiểu quan điểm của bạn...

Using a computer every day can have more negative than positive effects on young children. Do you agree or disagree?

I tend to agree that young children can be negatively affected by too much time spent on the computer every day. This is partly because sitting in front of a screen for too long can be damaging to both the eyes and the physical posture of a young child, regardless of what they are using the computer for.

However, the main concern is about the type of computer activities that attract children. These are often electronic or on-line games that tend to be very intense and rather violent. The player is usually the 'hero' of the game and too much exposure can encourage children to be self-centered and insensitive to others. Even when children use a computer for other purposes, such as gathering information or emailing friends, it is no substitute for human interaction. Spending time with other children and sharing non-virtual experiences is an important part of a child's development, which cannot be provided by a computer.

In spite of this, the obvious benefits of computer skills for young children cannot be denied. Their adult world will be changing constantly in terms of technology and the Internet is the key to all knowledge and information available in the world today. Therefore it is important that children learn at an early stage to use the equipment enthusiastically with confidence as they need these skills throughout their studies and work.

I think the main point is to make sure that young children do not overuse computers. Parents must ensure that their children learn to enjoy other kinds of activity and not simply sitting at home, learning to live in a virtual world.

Bài dịch

Việc sử dụng vi tính hàng ngày có tác động tiêu cực đối với trẻ nhỏ hơn là tác động tích cực. Bạn đồng ý hay không đồng ý?

Tôi đồng ý rằng trẻ nhỏ có thể bị ảnh hưởng tiêu cực nếu sử dụng vi tính quá nhiều hằng ngày. Việc này một phần là do ngồi trước màn hình quá lâu có thể gây hại cho đôi mắt và tư thế ngồi tự nhiên của một đứa trẻ, bất kể là chúng sử dụng vi tính vào mục đích gì.

Tuy nhiên, mối quan tâm chính đó là các thể loại hoạt động trên máy tính lôi cuốn trẻ con. Đây là những trò chơi điện tử hoặc trò chơi trực tuyến gây căng thẳng và khá bạo lực. Người chơi thường là 'người hùng' của cuộc chơi và khi chơi nhiều quá sẽ khiến cho trẻ con trở nên ích kỷ và vô tình với người khác. Ngay cả những đứa trẻ sử dụng vi tính có mục đích, ví dụ như thu thập thông tin hoặc viết thư điện tử cho bạn, việc đó cũng không thể thay thế được cho sự tiếp xúc giữa con người với nhau. Chơi với những đứa trẻ khác và sẻ chia những kinh nghiệm thực tế là một phần quan trọng trong sự phát triển của trẻ, điều đó không thể thay thế bằng máy tính.

Mặc dầu vậy, lợi ích rõ ràng của máy tính đối với trẻ con là không thể phủ nhận. Thế giới thành niên của chúng sẽ luôn luôn thay đổi về kỹ thuật và Internet là chìa khoá để tiếp cận tri thức và thông tin trên thế giới ngày nay. Vì thế, việc trẻ con học sử dụng máy tính khi còn nhỏ là quan trọng với niềm tin rằng chúng cần những kỹ năng đó để phục vụ cho học tập và công việc.

Tôi nghĩ vấn đề chính ở đây là phải chắc rằng con cái của bạn không quá lạm dụng vi tính. Các bậc phụ huynh phải bảo đảm là con cái của họ còn biết yêu thích các hoạt động giải trí khác chứ không chỉ ngồi ở nhà để sống trong một thế giới do vi tính tạo ra.

Do you agree or disagree with the following statement? Watching television is a harmful influence on children. Use specific reasons and examples to support your answer.

If I had children, there would be no television in my home. These days children are too dependent on television, and I think this is a problem. Watching television encourages children to develop bad habits that are hard to break. There are several reasons why I believe children should not watch television.

Television stops creativity. There is no imagination required to watch television, because everything is plainly shown to the viewer. In contrast to books, which require a reader to imagine many things, television requires no such thought or effort. It is just passive entertainment. Children who watch a lot of television will become used to someone else filling in their imagination. Television makes children mentally lazy.

Television encourages inactivity. Watching TV limits children from talking to each other. This can create problems in the family. What's more, watching TV may discourage children from taking exercise or playing sports. Also, they often eat unhealthy snacks while watching TV. Sitting in front of the television set all day makes children become more addicted to it.

Of course, some programs may encourage children to think about or imagine different things. Overall, however, most television shows are mindless entertainment that provides no intellectual stimulation to children.

Bài dịch

Bạn đồng ý hay không đồng ý với câu nói sau ?

'Xem truyền hình gây ảnh hưởng xấu đối với trẻ con'. Hãy đưa ra lý do và ví dụ cụ thể để bổ sung cho câu trả lời của bạn.

Nếu tôi có con, sẽ không có truyền hình trong nhà. Ngày nay, trẻ con quá phụ thuộc vào truyền hình, và tôi nghĩ rằng đây là cả vấn đề. Xem truyền hình làm cho trẻ con hình thành thói quen xấu khó có thể bỏ được. Có vài lý do khiến tôi tin rằng trẻ con không nên xem truyền hình.

Truyền hình ngăn cản tính sáng tạo. Xem truyền hình không đòi hỏi phải có đầu óc tưởng tượng vì mọi thứ đều được trình chiếu một cách rõ ràng cho người xem. Trái với việc đọc sách, người đọc đòi hỏi phải tưởng tượng nhiều thứ, xem truyền hình không cần có những suy nghĩ và nỗ lực như vậy. Nó chỉ là một hình thức giải trí thụ động. Trẻ con xem nhiều truyền hình sẽ trở nên quen với việc có một ai khác lấp đầy óc tưởng tượng của chúng. Truyền hình làm cho trẻ con lười nhác về mặt tinh thần.

Truyền hình không khuyến khích hoạt động. Xem truyền hình ngăn cản trẻ con nói chuyện với nhau. Việc này gây ra nhiều vấn đề trong gia đình. Hơn nữa, xem truyền hình có thể làm cho trẻ con không luyện tập thể dục hay chơi thể thao. Ngoài ra chúng còn hay ăn quà vặt có hại cho sức khoẻ khi xem truyền hình. Ngồi trước ti-vi cả ngày làm cho trẻ con trở nên nghiện.

Dĩ nhiên, một vài chương trình truyền hình có thể khuyến khích trẻ con suy nghĩ hoặc tưởng tượng. Tuy nhiên, nói chung, hầu hết các chương trình nói chung đều là những trò tiêu khiển không cần động não, không kích thích sự phát triển trí tuệ của trẻ con.

VIII. DESCRIBING A PLACE *(Mô tả một địa danh)*

Useful language

- Situated in …, it is a place…

Toạ lạc ở (Nằm ở) ..., nó là một nơi ...

- It is a bustling city…

Đó là một thành phố náo nhiệt ...

- It is a popular tourist attraction for….

Nó là một điểm du lịch đang được ưa chuộng ...

- It is famous/ best-known for…

Nó nổi tiếng về…

- It is/ has been the home to …

Nó là quê hương của ...

- People know it best as a …

Mọi người biết rõ nó như là một ...

- It is well worth visiting.

Nơi đó đáng để tham quan.

OUTLINE

Paragraph 1

General introduction

- Name and location of the place / building / …

Tên và vị trí của địa danh / toà nhà…

- Why should visitors come to the place?

Tại sao du khách đến nơi đó?

- Where is it situated?

Nó nằm ở đâu?

Paragraph 2

- A general description of the place. Population? Surrounding attractions? Appearance?

Mô tả tổng quát nơi đó. Dân số? Điều hấp dẫn? Vẻ bề ngoài?

Paragraph 3

- Why is the place particular worth visiting? Is it famous for its buildings/ landscape / people?

Tại sao nơi đó đáng được tham quan? Nó có nổi tiếng về những toà nhà/ phong cảnh / con người không?

Paragraph 4

- What can visitor do in the evening? What sort of restaurants / clubs / entertainments can they find?

Du khách có thể làm gì vào buổi chiều tối? Du khách có thể tìm thấy các kiểu nhà hàng / câu lạc bộ / trò giải trí nào?

Paragraph 5

Conclusion

Feelings and final thoughts about the place… plus recommendation. (Write a few lines encouraging tourists to come to the place)

Cảm xúc và suy nghĩ về nơi đó… cộng thêm lời đề nghị.

(Viết vài dòng khuyến khích du khách đến tham quan nơi đó)

HUE CITY

No visitor to Vietnam should go home without spending some time in Hue. Situated in the central part of Vietnam, it is a city rich both in history and culture.

With the population of about 350,000, the ancient city has been one of Vietnam's main cultural, religious and educational centers. Not only was it the headquarters of Nguyen Dynasty, it was also the homeland of prominent poets. The beautiful and romantic Perfume River together with Ngu Binh Mountain may be the invaluable gift endowed by nature to Hue. The phrase

'The Perfume River, Ngu Binh Mount' has become familiar to every Vietnamese when mentioning this land.

Hue is best known for producing conical hats. The city's speciality is 'poem hats', which, when held up to the light, reveal shadowy scenes of daily life. Hue is also home too one of the largest and most beautiful selections of rice paper and silk paintings available in Vietnam.

Visitors to Hue will find no lack of evening entertainment. There are restaurants with local dishes to suit all tastes. Taking a boat trip on the Perfume River, enjoying the poetic scenery, listening to Hue songs in a windy and moonlit night is the ever lasting entertainment of visitors. Floating along the river, visitors can visit some attractions such as Hon Chen Temple, Minh Mang's Tomb and Linh Mu Pagoda. The Citadel, streets, houses, orchards, pagodas reflected in the blue and clear water make the Perfume River more poetical and dream- evoking.

Choose a holiday in Hue and you will never forget the experience! Book now to avoid disappointment!

Bài dịch

THÀNH PHỐ HUẾ

Không có du khách nào đến thăm Việt Nam mà lại không lưu lại một khoảng thời gian nào đó ở Huế. Nằm ở miền Trung Việt Nam, Huế là một thành phố giàu văn hoá và lịch sử.

Với dân số gần 350.000 người, thành phố cổ kính là một trong những trung tâm giáo dục, tôn giáo, và văn hoá chính của Việt Nam. Nó không chỉ là cơ quan đầu não của triều Nguyễn, mà còn là quê hương của những nhà thơ lỗi lạc. Sông Hương xinh đẹp và lãng mạn cùng với núi Ngự Bình là món quà vô giá mà thiên nhiên ban tặng cho Huế. Cụm từ 'sông Hương, núi Ngự' đã trở nên quen thuộc với mọi người dân Việt Nam khi nhắc đến mảnh đất này.

Huế rất nổi tiếng về nghề làm nón lá. Đặc sản của Huế là nón bài thơ, khi soi dưới ánh mặt trời chiếc nón hiện lên những hình ảnh mờ ảo của cuôc sống hàng ngày. Huế cũng là quê hương của những bộ sưu tập giấy gạo và tranh lụa đẹp nhất, lớn nhất ở Việt Nam.

Du khách đến Huế sẽ không thấy thiếu trò giải trí tiêu khiển vào buổi tối. Có nhiều nhà hàng với các món ăn đặc sản của địa phương thích hợp với mọi khẩu vị. Đi thuyền trên sông Hương, ngắm nhìn phong cảnh nên thơ, lắng nghe Ca Huế vào một buổi tối sáng trăng lộng gió là thú tiêu khiển muôn đời của du khách. Xuôi thuyền theo dòng sông, du khách có thể ghé thăm những điểm du lịch như điện Hòn Chén, lăng vua Minh Mạng và chùa Linh Mụ. Kinh thành, đường phố, nhà cửa, vườn cây ăn quả, chùa chiền... soi bóng dưới dòng nước trong xanh làm cho sông Hương càng thơ mộng hơn.

Hãy chọn kỳ nghỉ ở Huế và bạn sẽ không bao giờ quên trải nghiệm đó! Đặt trước vé ngay bây giờ để khỏi phải thất vọng!

SAPA

Nestled in the landscape touched with magnificent natural beauty, Sa Pa has been a tourist location since the beginning of 20th century. While Da Lat is the pride of Southern architecture, Sa Pa is considered the idyllic getaway of Northern Vietnam. Today, Sa Pa is one of the principal tourist destinations of Vietnam.

Situated 1,600 meters above the sea level, Sa Pa is about 376 km northwest of Hanoi. People naturally visit Sa Pa not only to enjoy its cool climate and observe its various ethnic tribes, but also to witness a unique and diverse architectural style. Here one may find, for example, the one hundred year-old luxurious villas standing between the traditional, wooden stilt houses of minority groups. Winter here has a gloomy beauty to it, as the fog mixes with heavy dew. Spring bursts with life in the form of peach blossoms and wild apricots. Summer's stepped (terraced) rice paddies are brilliantly golden. And Autumn is clear, whispering between the wooden houses that lies within mountain villages. Yet perhaps the part of Sa Pa that remains most firmly embedded in our minds are the smiles of its people.

Sa Pa would be of considerably less interest without the H'mong and Dzao people. Ta Phin is the village in the North of Sa Pa, where the ethnic groups of H'mong and Dzao live. The influx of tourists has given the local ethnic minorities a reliable source of income. Before they traded rice, cardamom or other products at the markets, but now they sell tourists keepsakes such as embroidered textile, bags and etched earrings. Fansipan Mountain, nine kilometers northwest of Sa Pa, also offers challenging hikes. Now recognized as a unique tourism area, Fansipan is the home to 2,024 floral varieties and 327 fauna species.

Sa Pa is a peaceful place to visit with something for everyone, and is recommended to anyone seeking quietness and adventure.

Bài dịch

SA PA

Được thiên nhiên ưu đãi, thị trấn Sa Pa đã hình thành như một điểm du lịch từ đầu thế kỷ 20. Nếu như Đà Lạt là niềm tự hào về kiến trúc phương Nam thì Sa Pa chính là thiên đường nhỏ của miền Bắc. Ngày nay, Sa Pa là một trong những điểm đến chính của du lịch Việt Nam.

Nằm ở độ cao 1.600m trên mực nước biển, Sa Pa cách Hà Nội khoảng 376 km về phía Tây Bắc. Người ta đến với Sa Pa không chỉ vì khí hậu mát mẻ, cộng đồng văn hoá đa sắc tộc mà còn vì phong cách kiến trúc đa dạng, độc đáo kết hợp giữa những ngôi biệt thự cũ đã ngót nghét trăm tuổi với những nếp nhà truyền thống của người dân tộc thiểu số. Mùa Đông ở đây có cái đẹp buồn, mờ ảo lẫn trong sương. Mùa Xuân bừng lên sức sống của những cành đào, cành mai rừng. Mùa Hạ vàng rực những thửa ruộng bậc thang. Còn mùa Thu trong vắt, nhấp nhô những nếp nhà gỗ dưới các làng bản. Nhưng có lẽ cái hồn của Sa Pa lại ẩn trong ánh mắt, nụ cười của người dân nơi đây.

Sa Pa sẽ kém phần hấp dẫn nếu như không có người dân tộc thiểu số H'mong và người Dzao đỏ. Tả Phìn, một bản phía bắc Sa Pa, nơi cả người H'mong và người Dao đỏ sinh sống. Dòng du lịch đã tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân tộc thiểu số ở địa phương. Trước kia họ trao đổi gạo, bạch đậu khấu hay sản vật khác ngoài chợ thì bây giờ họ bán đồ lưu niệm cho khách du lịch chẳng hạn như hàng thổ cẩm thêu, túi thổ cẩm, hoa tai chạm khắc. Đỉnh Fansipan cách Sa Pa 9km về phía Tây Bắc, là nơi người ta tổ chức các chuyến du lịch leo núi thú vị. Giờ đây nơi này đã được công nhận là khu du lịch sinh thái độc đáo với 2.024 giống thực vật và 372 loài động vật.

Sa Pa là một nơi bình yên cho mọi người đến thăm viếng và cho những ai muốn tìm kiếm sự yên tĩnh và phiêu lưu.

LONDON

Set in the heart of southern England, London is one of the biggest and busiest cities in Europe. A truly international city, London attracts millions of visitors every year from all over the world, yet never loses its own unique charm.

London has many impressive sights to see, ranging from the historical beauty of St. Paul´s Cathedral and Big Ben to Buckingham Palace and the Houses of Parliament. In this city of contrasts, you can be walking along one of the busiest streets, yet still be less than a mile from one of the many huge, peaceful parks. London is a great cultural centre, too; the National Gallery contains one of the finest collections of classical paintings in the world.

London is also well known for other things apart from its monuments and art galleries. Shoppers will enjoy visiting the department stores on Oxford Street or they could try Harrods, the most exclusive shop in London. For evening entertainment, the choice of theatres is enormous. From the famous Southbank Theatre complex to the smaller theatres on Covent

Garden, there is no end of plays to see. Soho and its pavement cafés are also worth visiting.

London is an exceptional place, a truly modern city that has managed to keep its traditional style and sense of history. You may get exhausted in London, but one thing is certain; you will never get bored, as Dr. Johnson once said, "When a man is tired of London, he is tired of life."

Bài dịch

LUÂN ĐÔN

Nằm giữa trung tâm miền Nam nước Anh, Luân Đôn là một trong những thành phố nhộn nhịp và lớn nhất ở châu Âu. Là một thành phố quốc tế thực sự, Luân Đôn thu hút hàng triệu khách du lịch hằng năm trên toàn thế giới, mà vẫn không đánh mất vẻ quyến rũ độc nhất vô nhị của nó.

Luân Đôn có nhiều cảnh đẹp gây ấn tượng, từ vẻ đẹp của nhà thờ Thánh Paul và tháp Big Ben cho đến cung điện Buckingham và Nhà Quốc Hội. Ở thành phố của sự tương phản này, bạn có thể đi tản bộ dọc theo một trong những đường phố đông đúc nhất, tuy nhiên chỉ cách một trong số những công viên lớn và yên tĩnh chưa đến một dặm. Luân Đôn cũng là một trung tâm văn hoá lớn; Phòng Triển Lãm Quốc Gia có một trong những bộ sưu tập các bức họa cổ điển đẹp nhất trên thế giới.

Luân Đôn còn nổi tiếng về những thứ khác ngoài đài tưởng niệm và phòng triển lãm nghệ thuật. Người đi mua sắm có thể đến thăm những cửa hàng tạp hoá ở đường Oxford hoặc thử vào Harrods, một cửa hiệu cao cấp nhất ở Luân Đôn. Có nhiều rạp hát cho du khách lựa chọn để giải trí vào buổi tối. Từ khu liên hợp rạp hát Southbank nổi tiếng cho đến những rạp hát nhỏ hơn ở Covent Garden, du khách có thể xem vô số vở kịch. Khu giải trí Soho và những quán cà phê vỉa hè ở đó cũng đáng để tham quan.

Luân Đôn là nơi khác thường, là thành phố thực sự hiện đại nhưng vẫn giữ được nét truyền thống và lịch sử của nó. Thăm Luân Đôn bạn có thể kiệt sức, nhưng chắc chắn bạn sẽ không bao giờ thấy chán, như Tiến sĩ Johnson đã từng nói: "Khi một người chán Luân Đôn, anh ta chán luôn cuộc đời".

IX. WRITING A REPORT ON A HOLIDAY TRIP OR VACATION

(Tường thuật về chuyến đi nghỉ hoặc kỳ nghỉ)

OUTLINE

A report should include the following things:

Bài tường thuật gồm có những phần sau:

- where and when you took the trip
  chuyến đi của bạn đến đâu và khi nào
- details of the activities you did and the places you visited
  chi tiết của những việc bạn đã làm và nơi bạn đến thăm
- your impressions or feelings about what you saw
  ấn tượng hoặc cảm xúc của bạn về những gì bạn thấy
- your impressions or feelings about the trip in general
  ấn tượng hoặc cảm xúc của bạn về chuyến đi nói chung

REPORT ON THE VISIT TO NHA TRANG

My first visit to Nha Trang, the coastal city, was three years ago. It was a pleasant and memorable trip.

Nha Trang, the capital of Khanh Hoa province, has one of the most popular municipal beaches in all of Vietnam. In Nha Trang, nature beauties are so tempting. Waves crashing onto the cliffs; the soft sigh of the sea breeze; clean white sands and turquoise waters; it all makes for a stunning landscapes. It's no accident that Nha Trang is often compared to a Mediterranean city. On my visit to Nha Trang, I used to get up early each morning to stroll along the beach – a chance to breathe in the fresh sea air and enjoy the sunrise across the water. One attraction that captivated me three years ago and still it does is the collection of small offshore islands. Hon Tre is the largest of the islands, and Monkey island is, as the name suggests, the home of hundreds of wild monkeys. Yen island is known for its swifts' nests. Tri Nguyen island is the site of an outdoor aquarium housing more than 400 species of fish, crustaceans and other marine life.

That trip, I spent the whole day roaming the Ponaga Cham towers. These ancient Hindu temples were built between the 7th and 12th centuries. Many of the sandstone statues from this time still remain among the red brick towers, typical of Cham architecture.

Nha Trang is the city in harmony: its fine weather, favorite position and friendly people bring it a certain balance. Nha Trang is a great holiday destination. As I left, I was reminded of one reason I like the place so much. I hope to have chance to come back.

Bài dịch

Tường thuật về chuyến đi thăm Nha Trang

Tôi đến thăm Nha Trang, thành phố biển, lần đầu cách đây 3 năm. Đó là một chuyến đi thú vị và đáng nhớ.

Nha Trang, thủ đô của tỉnh Khánh Hoà, có bãi biển đẹp nhất trong số các bãi tắm trong thành phố trên toàn Việt Nam. Ở Nha Trang, thiên nhiên thật quyến rũ. Sóng xô bờ đá; hơi thở nhẹ nhàng của gió biển, bãi cát trắng và nước biển trong xanh; tất cả đã tạo nên phong cảnh tuyệt vời. Không phải ngẫu nhiên khi Nha Trang thường được so sánh với thành phố Biển Địa Trung Hải. Trong dịp đi thăm Nha Trang hồi đó, tôi thường dậy sớm vào buổi sáng đi tản bộ dọc theo bờ biển– một dịp để hít thở không khí biển trong lành và thưởng thức cảnh bình minh trên biển. Một nơi hấp dẫn đã lôi cuốn tôi cách đây 3 năm và bây giờ vẫn thế là tập hợp những hòn đảo nhỏ xa bờ. Hòn Tre là một trong những đảo lớn nhất. Hòn Khỉ, như tên gọi của nó, là nơi cư ngụ của hàng trăm loài khỉ hoang dã. Đảo Yến nổi tiếng có nhiều tổ chim Yến. Đảo Trí Nguyên, hồ cá tự nhiên là nơi cư trú của hơn 400 loài cá, động vật giáp xác và các loài vật biển khác.

Trong chuyến đi đó, tôi đã lang thang trọn một ngày ở Tháp Chàm Ponaga. Những đền thờ Hindu cổ xưa này được xây dựng vào thời kỳ giữa thế kỷ 7 và 12. Nhiều bức tượng đá có từ thời đó vẫn còn lại trong các tháp được xây gạch đỏ, tiêu biểu cho kiến trúc Chàm.

Nha Trang là thành phố của sự hài hoà: thời tiết đẹp, vị trí thuận lợi và người dân thân thiện đem lại cho Nha Trang sự cân bằng vững chắc. Nha Trang là điểm dừng chân du lịch lý tưởng. Khi rời xa, tôi đã tự nhủ lòng mình sẽ nhớ nơi này nhiều lắm. Tôi hy vọng có cơ hội trở lại.

REPORT ON THE VISIT TO PONAGAR CHAM TOWERS

My visit to Nha Trang last year included a brief tour to Ponagar Cham Towers. This is a group of Cham Towers built on a granite hill near the coastal city of Nha Trang.

The whole cluster of Ponagar Towers was built from the 7th to 12th centuries. The most beautiful of them were built in 813 and 817. Of these towers, there remain only four, each worships one genie. One of the towers worships Siva (the Destroyer), the member of a trinity in later Hinduim. Another tower worships the god Ganessa, Siva's son, who had an elephant's head and a human body. The biggest tower is the Ponagar Tower, which is also called the Lady's Tower (or Uma). It is 23 meters high, worships the goddess Ponagar, Siva's wife. The Ponagar Tower is one of the most typical works of Cham architecture. Built with baked clay bricks, it is quadrilateral and has a pyramidal top. Above the tower's gate there is a picture of the god Siva with four hands, riding the Nandin bull. Inside the tower there is the stone altar on which rests the statue of Ponagar with ten hands, sitting with folded legs and wearing a lotus-shaped hat.

The tour to Ponagar Cham Towers lasted nearly a day. It was a tiring trip but enjoyable and memorable.

Bài dịch

Tường thuật về chuyến đi thăm Tháp Chàm PO-NA-GA

Chuyến đi thăm Nha Trang của tôi năm ngoái bao gồm cả chuyến du lịch ngắn ngủi đến tháp Chàm Po-na-ga. Nhóm tháp Chàm này được xây trên một quả đồi đá hoa cương gần thành phố Nha Trang.

Toàn bộ khu tháp Po-na-ga được xây dựng từ thế kỷ VII đến thế kỷ XII. Những tháp đẹp nhất được xây vào năm 813 và 817. Hiện nay chỉ còn lại 4 tháp thờ 4 vị thần. Một tháp thờ thần Xi-va, một trong 3 vị thần tối cao của Ấn Độ giáo. Một tháp thờ thần Ga–nê–xa mình người, đầu voi là con trai của thần Siva. Tháp lớn nhất là tháp Po-na-ga Còn gọi là Tháp Bà, cao 23 mét, thờ thần Po-na-ga – chính là nữ thần U-ma, vợ của Siva. Tháp Bà là một trong những ngọn tháp tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc Chàm. Được xây bằng gạch nung, tháp có hình tứ giác và trên có chóp hình kim tụ tháp. Trện cửa tháp có hình thần Xi-va bốn tay, cưỡi con bò Nau–din. Trong tháp có bàn thờ bằng đá trên đặt tượng Po-na-ga có 10 tay ngồi xếp bàn, đầu đội mũ hình bông sen.

Chuyến đi thăm Tháp Chàm Po-na-ga đã mất hết gần cả một ngày. Rất mệt nhưng đó là chuyến đi thú vị và đáng nhớ.

REPORT ON THE VISIT TO DALAT

Amidst the immense mountains and forests of Lam Dong province, Dalat, a beautiful town, captivates all those who have been there once. I am one of those.

With an altitude of 1,500m above the sea level, the climate in Dalat is that of a temperate region. The average temperature is 17°C, and does not exceed 19°C in the hottest month. Dalat is often called the City of Eternal Spring. Flowers of all colors, with many species, the most numerous of which are orchids. More than anywhere else in Vietnam, Dalat sees flowers vie with one another in blossoming in spring. Dalat has few rivers and canals but many picturesque waterfalls. The famous Cam Ly Falls is only 2 km from the heart of the city, as the crow flies. The Prenn Falls, 13 km south of Dalat, is the first place to be seen by tourists, the first render-vous between them and Dalat. Standing before the Prenn Falls, man blends with nature, and feels free from care and difficulties in daily life.

In the late afternoons, I often reserved for visits to the Valley of Love and Sigh Lake covered with quiet pine forests. Twilight on Dalat also brought many pictures and sensations. As a certain poet said, "Dalat is the city of honeymoon, the city of love"

I used to get up early in the morning on fine days to welcome dawn on the highlands. Opening the windows, I had a breath-taking view of nature, and enjoyed the fragrance of wild flowers carried by the clouds, I felt relieved in my heart.

After two weeks' rest in Dalat, my health improved a lot. I think in the very near future Dalat will be Switzerland in the South-East Asia. The wind rustling through the pine forests, the roar of waterfalls, the chirping of birds and the clatter of horse's hooves… all of these unforgettable memories always remain with me.

Bài dịch

Tường thuật về chuyến đi thăm Đà Lạt

Giữa rừng núi trùng điệp của tỉnh Lâm Đồng, Đà Lạt, thành phố xinh đẹp, quyến rũ tất cả những ai đã từng một lần đến nơi này. Tôi là một trong số đó.

Ở độ cao 1500m so với mực nước biển, khí hậu Đà Lạt quanh năm giống như khí hậu miền ôn đới. Nhiệt độ trung bình cả năm là 17°C. Tháng nóng nhất không quá 19°C. Đà Lạt được mệnh danh là thành phố của mùa xuân vĩnh cửu. Hoa đủ màu sắc, hoa nhiều chủng loại và nhiều nhất là phong lan.

Hơn bất cứ nơi đâu ở Việt Nam, Đà Lạt bốn mùa hoa thi nhau nở, nở rộ nhất là vào mùa xuân.

Đà Lạt có ít sông ngòi nhưng nhiều thác đẹp. Thác Cam Ly đẹp nổi tiếng chỉ cách trung tâm thành phố 2km theo đường chim bay. Thác Prenn, cách Đà Lạt khoảng 10km về phía Nam, là nơi mở đầu cho những địa điểm tham quan, nơi gặp gỡ đầu tiên giữa du khách với Đà Lạt. Đến thác Prenn, con người tự nhiên hoà mình vào với thiên nhiên, cảm thấy thoát khỏi sự lo âu và nỗi vất vả của ngày thường.

Vào những buổi chiều tà, tôi thường dành thời gian cho thung lũng Tình Yêu và hồ Than Thở chìm sâu trong sườn đồi của rừng thông tĩnh mịch. Hoàng hôn Đà Lạt mang đến nhiều vẻ và cảm giác. Nói theo một nhà thơ nào đó, 'Đà Lạt là thành phố của tuần trăng mật, thành phố của tình yêu'.

Những ngày đẹp trời, tôi thường dậy sớm để đón bình minh trên cao nguyên. Mở cửa sổ phòng ra, ngắm nhìn bức tranh thiên nhiên ngoạn mục và hít thở mùi hương của những bông hoa rừng do mây chở đến, tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng.

Sau hai tuần nghỉ ở Đà Lạt, sức khoẻ tôi tăng lên rõ rệt. Tôi nghĩ trong tương lai không xa, Đà Lạt sẽ là một Thuỵ Sĩ của vùng Đông Nam châu Á. Tiếng thông reo vi vút, tiếng thác nước, tiếng chim ca, tiếng vó ngựa gõ nhịp đều đều... tất cả để lại trong tôi những kỷ niệm khó quên.

X. DESCRIBING A BOOK OR A FILM

(*Mô tả một cuốn sách hoặc bộ phim*)

OUTLINE OF A BOOK REPORT

1. General introduction - *Giới thiệu chung*

What is the title of the book?/ Who is the author? /What type of the book is it?/Why did you choose that particular book?

Đầu đề của quyển sách là gì?/ Tác giả là ai? /Quyển sách thuộc thể loại gì?/ Tại sao bạn chọn quyển sách đặc biệt đó?

2. Summary of the book's content - *Tóm lược nội dung quyển sách*

Where is the book set?/What is the main theme of the story?/Who are the main characters?/What is the plot of the story?

Quyển sách được lấy bối cảnh ở đâu?/ Chủ đề chính của câu chuyện là gì? / Ai là nhân vật chính? Cốt chuyện như thế nào?

3. Conclusion - *Kết luận*

What is your opinion of the book?/Would you recommend it to others?

Ý kiến của bạn về quyển sách?/ Bạn có giới thiệu nó cho người khác đọc không?

OUTLINE OF A FILM REPORT

Paragraph 1

General introduction

When did you see the film? Where? Who with? Why did you choose that particular film ? What type of film is it?

Bạn xem bộ phim đó khi nào? Ở đâu? Với ai? Tại sao bạn chọn bộ phim đó? Thể loại phim là gì?

Paragraph 2

Where is the film set? What is it about? Who are the main characters and what happens to them?

Bộ phim lấy bối cảnh ở đâu? Bộ phim nói về gì? Nhân vật chính là ai và việc gì xảy ra với họ?

Paragraph 3

Conclusion

Does the film have a happy or sad ending?

Your feelings or impression about the film

Bộ phim kết thúc có hậu hay không có hậu?

Cảm tưởng hoặc ấn tượng của bạn về bộ phim

Useful Language

- The film/ story is set in…

Bộ phim / câu chuyện lấy bối cảnh …

- It is a love story / a thriller /science-fiction …

Đó là câu chuyện tình / phim (truyện) giật gân / phim (truyện) khoa học viễn tưởng

- It tells the story of …

Câu chuyện đó kể về…

- It is about …

Câu chuyện đó nói về…

- I greatly enjoyed …

Tôi rất thích …

- I was rather disappointed with …

Tôi hơi thất vọng về…

- It was well acted / directed / written.

Nó có dàn diễn viên đóng hay / đạo diễn hay / được viết hay

- It was rather long / confusing /unbelievable.

Nó khá dài / rối rắm / không thể tin được

- It is a classic / masterpiece of its kind.

Nó là một tác phẩm kinh điển / kiệt tác.

- I can / can't really recommend it.

Tôi thực sự muốn / không muốn giới thiệu phim (quyển sách) đó.

- It is well worth seeing / reading.

Nó đáng được xem / đọc.

- The film stars Marilyn Monroe.

Bộ phim có Marilyn Monroe đóng vai chính.

- It is a (an) love story *(chuyện tình)*

western *(phim cao bồi)*
horror film *(phim kinh dị)*
war film *(phim chiến tranh)*
comedy *(phim hài)*
disaster film *(phim thảm hoạ)*
adventure story *(chuyện phiêu lưu)*
detective story *(chuyện trinh thám)*
fairy story *(chuyện thần tiên)*
bedtime story *(chuyện đọc trước giờ đi ngủ)*
ghost story *(chuyện ma)*

- I've never read a more stirring story. *Tôi chưa bao giờ đọc một câu chuyện hấp dẫn hơn thế*

exciting *(hứng thú/ hồi hộp)*
stimulating *(lý thú/ hào hứng)*
thrilling *(hồi hộp/ ly kỳ)*
fascinating *(hấp dẫn)*
amusing *(vui nhộn)*
moving *(cảm động)*
memorable *(đáng nhớ)*

- I like the film for its scenic effects. *Tôi thích bộ phim vì ấn tượng phong cảnh của nó.*

its sound effects *(ấn tượng âm thanh)*
its theme song *(bài hát trong phim)*
its scripts *(kịch bản)*
the superb photography about arctic wildlife. *(nghệ thuật chụp ảnh về cuộc sống hoang dã ở Bắc cực thật tuyệt vời)*

ROBINSON CRUSOE

The book I have just read is 'Robinson Crusoe', written in 1719 by Daniel Defoe, an English writer. It's based on the true story of a sailor called Alexander Selkirk, who was left by pirates on a small island in the Pacific Ocean. He lived there alone for four years, and was rescued by a ship in 1709.

Robinson Crusoe, the main character of the book, was bored with his quiet life at home in England. He decided to be a sailor, and to travel the seas of the world. He had many exciting adventures, and in 1659, when he was in a trip sailing from Brazil to Africa, one day there was a terrible storm. The ship began to break up and soon Crusoe and his friends were fighting for their lives in an angry sea. All his friends died but Crusoe lived and reached land. He found himself in a strange, wild country – alive but alone on a small island, with no food, no boat, no way to escape. After fifteens years alone, he suddenly learned that there was another person on the island. He discovered the native cannibals who occasionally visited the island to kill and eat prisoners; when a prisoner managed to escape, Crusoe helped him, naming his new companion "Friday". Crusoe then taught him English and converted him to Christianity. Friday became a good and true friend to him.

On 19th, December 1686, after 26 years, Crusoe said good-bye to his island and sailed home to England. The story of Crusoe on his island is still enjoyed today by both children and adults all over the world.

Bài dịch

ROBINSON CRUSOE

Quyển sách tôi vừa mới đọc là 'Robinson Crusoe', được nhà văn người Anh, Daniel Defoe viết vào năm 1719. Quyển sách dựa trên một câu chuyện có thật về một thủy thủ tên là Alexander Selkirk, người đã bị bọn cướp biển bỏ rơi trên một hòn đảo nhỏ ở bờ biển Thái Bình Dương. Ông ấy đã sống 4 năm một mình trên đảo, và được một con tàu cứu năm 1709.

Robinson Crusoe, nhân vật chính của quyển sách, chán với cuộc sống êm ả ở quê hương nước Anh của mình. Anh quyết định trở thành thủy thủ và du lịch vòng quanh đại dương trên thế giới. Anh đã có nhiều chuyến phiêu lưu lý thú, và vào năm 1659 khi anh ấy giương buồm đi từ Brazil đến châu Phi, một ngày nọ cơn bão lớn xảy ra. Con tàu bắt đầu vỡ Crusoe và bạn của anh đấu tranh để sống sót trên vùng biển giông tố. Tất cả bạn anh đều đã chết trừ Crusoe sống sót và đến được đất liền. Anh nhận thấy mình đang ở một xứ sở xa lạ, hoang dã – vẫn còn sống nhưng một mình trên đảo nhỏ, không lương thực, không tàu thuyền, không có lối thoát. Sau 15 năm sống một *mình, anh chợt nhận ra rằng còn có một người khác nữa sống trên đảo. Anh ấy phát hiện có một bộ lạc ăn thịt người thường đến đảo để giết và ăn thịt tù nhân của họ; khi một người tù chạy trốn, Crusoe đã giúp anh ta chạy thoát, đặt tên người bạn mới này là 'thứ Sáu'. Sau đó Crusoe dạy anh ta tiếng Anh và cải đạo anh ta sang Cơ Đốc giáo. Thứ Sáu trở thành người bạn tốt và trung thành của anh.*

Vào ngày 19 tháng 2 năm 1686, sau 26 năm, Crusoe chào tạm biệt hòn đảo và giương buồm trở về quê hương Anh Quốc của mình. Câu chuyện Crusoe trên hoang đảo bây giờ vẫn được trẻ con và người lớn trên toàn thế giới yêu thích.

TITANIC

Of all the films I have seen, *Titanic* is the one I like best. Nothing on earth can rival the epic spectacle and breathtaking grandeur of *Titanic*, the sweeping love story that sails into the hearts of movie-goers around the world.

Leonardo Dicaprio and Oscar-nominee Kate Winslet light up the screen as Jack and Rose, the young lovers who find each other on the maiden voyage of the 'unsinkable' Titanic. After winning a trip on the RMS *Titanic* during a dockside card game, American Jack Dawson spots a society girl Rose DeWitt Bukater, who is on her way to Philadelphia to marry her rich snob fiancé Cal Hockley. Rose feels helplessly trapped by her situation and makes her way to the aft deck and thinks of suicide until she is rescued by Jack and they fall in love with each other. But when the luxury liner collides with an iceberg in the frigid North Atlantic and goes down deep into the ocean, their passionate love affair becomes a thrilling race for survival. Rose and Jack stick together and wait with the hundreds of other passengers thrashing helplessly in the water, shouting desperately for those in lifeboats to row back and rescue them. By the time one of the officers decides to row back and help those in need, almost all of the passengers have died of hypothermia in the freezing Atlantic. Rose is heartbroken to realize that Jack has succumbed, as well. She bids him goodbye, then manages to get the lifeboat's attention to come back and rescue her. 1500 people die in the disaster. Six are saved from the water, Rose included.

In spite of the fact that the film is now more than ten years old, it is just as powerful as ever. Not only is it marvelously well acted but it is superbly directed too. I have moved to tears to see thousands of people go into the sea when *Titanic* is sinking.

Bài dịch

Phim TITANIC

Trong tất cả các bộ phim tôi đã xem, Titanic là phim tôi thích nhất. Không gì có thể so sánh với những cảnh tượng hoành tráng và hùng vĩ của bộ phim Titanic, một chuyện tình cảm động đi vào lòng người xem phim trên khắp thế giới.

Leonardo Dicaprio và nữ diễn viên đạt giải Oscar Kate Winslet ngời sáng trong phim với vai diễn Jack và Rose, hai người gặp gỡ và yêu nhau trong chuyến đi đầu tiên của con tàu Titanic 'không thể chìm'. Sau khi giành được chuyến đi trên tàu Titanic RMS trong một trò chơi bài ở bến tàu, anh chàng người Mỹ Jack Dawson bắt gặp một cô gái thuộc tầng lớp thượng lưu, Rose DeWitt Bukater, đang trên chuyến tàu đến Philadelphia để kết hôn với vị hôn phu giàu có hơn mình của cô là Cal Hockley. Rose cảm thấy vô vọng bị mắc kẹt vào tình thế và đi ra phía đuôi tàu có ý định tự tử mãi cho đến khi cô được Jack cứu và họ đã yêu nhau. Nhưng khi con tàu thuỷ sang trọng đâm phải một tảng băng ở vùng biển Đại Tây Dương băng giá, mối tình say đắm của họ trở thành cuộc chạy đua gay cấn cho sự sống còn. Rose và Jack luôn ở bên nhau và chờ đợi cùng với hàng trăm hành khách khác vùng vẫy bất lực dưới nước, kêu gào tuyệt vọng để những chiếc thuyền cứu đắm quay trở lại cứu họ. Vào lúc một trong những sĩ quan hải quân quyết định chèo thuyền trở lại để cứu người, hầu hết hành khách đã bị chết vì lạnh ở Đại Tây Dương băng giá. Rose đau khổ khi nhận ra rằng Jack cũng đã chết. Cô tạm biệt Jack và cố gắng gọi chiếc thuyền cứu đắm quay trở lại để cứu cô. Có 1500 người chết trong thảm họa đó, 6 người được cứu lên từ dưới biển kể cả Rose.

Mặc dầu bộ phim đã được chiếu cách đây 10 năm rồi, nó vẫn là bộ phim được ưa chuộng như thuở nào. Bộ phim không chỉ có dàn diễn viên đóng hay mà còn đạo diễn tuyệt vời nữa. Tôi cảm động đến rơi nước mắt khi xem hàng ngàn người rớt xuống biển khi con tàu Titanic bị chìm.

DIRTY HARRY

This is a thriller set in San Francisco and stars Clint Eastwood as inspector Harry Callahan. He is known as Dirty Harry because he gets all the tough cases and uses his own special methods.

The film opens with a young woman swimming in the pool on the top of a tall building. A gunman shoots and kills her from a nearby skyscraper. Dirty Harry is given the case and finds a note from a killer, demanding $100,000. The killer, who calls himself Scorpio, threatens to kill again unless he receives the money. The mayor wants to pay the money but

Callahan disagrees. As the money is not paid, Scorpio kills a young black boy. He escapes a trap set by Callahan and kidnaps a little girl. This time, he asks for $ 200,000. Callahan almost manages to trap Scorpio and wounds him with a knife. Later on, he tracks him to a football stadium and forces Scorpio to tell him where the girl is. The girl is found but she is dead. However, Scorpio is released because of the way Callahan got his confession.

Even though the case is closed, Callahan tracks Scorpio waiting for his next move. Scorpio then hijacks a school bus full of young children. After an exciting battle, the inspector kills the criminal. It is an exciting film and sometimes violent film.

Bài dịch

Phim Dirty Harry

Đây là bộ phim ly kỳ lấy bối cảnh ở San Francisco có Clint Eastwood đóng vai chính là thanh tra Harry Callahan. Ông được biết đến với cái tên Dirty Harry vì ông luôn nhận những vụ án khó và chỉ sử dụng phương pháp đặc biệt riêng của ông.

Bộ phim mở đầu với cảnh một người phụ nữ trẻ đang bơi ở hồ tắm trên tầng thượng của một toà nhà cao tầng. Một tên găng-xtơ từ toà nhà chọc trời gần đó bắn chết cô ấy. Dirty Harry được giao vụ án và ông tìm thấy một bức thư ngắn của tên giết người đòi 100,000 đô la. Kẻ giết người, tự xưng tên là Scorpio, đe dọa sẽ giết thêm nhiều người trừ khi hắn nhận được số tiền. Ông thị trưởng muốn trả tiền nhưng thanh tra Callahan không đồng ý. Vì không nhận được tiền, Scorpio đã giết chết một cậu bé da đen. Hắn trốn thoát bẫy của Callahan và bắt cóc một cô bé. Lần này, hắn đòi số tiền là 200,000 đô la. Callahan hầu như tìm mọi cách để bắt được Scorpio và ông đã bị thương bởi một con dao. Về sau, ông lần theo dấu vết của hắn đến một sân bóng đá và buộc Scorpio phải nói nơi giấu cô bé. Cô bé đã chết khi được tìm thấy. Tuy nhiên, Scorpio được thả vì hắn đã thú tội trước thanh tra Callahan.

Mặc dù vụ án kết thúc, Callahan vẫn theo dõi Scorpio chờ hành động tiếp theo của hắn. Sau đó Scorpio cướp một chiếc xe buýt chở các em học sinh. Sau một trận chiến ngoạn mục, Callahan giết chết tên tội phạm. Đây là một bộ phim hào hứng nhưng đôi lúc còn có tình tiết bạo lực.

XI. DESCRIBING FESTIVALS AND CEREMONIES

(Tả lễ hội và lễ kỷ niệm)

OUTLINE

Paragraph 1

General introduction

What is the name of the festival?

Where /When / Why is it celebrated?

Tên của lễ hội là gì?

Ở đâu/ khi nào/ tại sao nó được tổ chức?

Paragraph 2

What preparations are made before the festival?

Mọi người chuẩn những gì trước lễ hội?

Paragraph 3

What happens on the first day of the festival? Are any special meals cooked? What sorts of ceremonies / celebrations take place?

Ngày đầu tiên của lễ hội diễn ra những gì ? Người ta có nấu nhiều món ăn đặc biệt không? Các hình thức nghi lễ nào xảy ra?

Paragraph 4

Conclusion

How do people feel by the end of the day? Is the festival still popular these days? Why / Why not?

Mọi người cảm thấy thế nào khi ngày hội kết thúc? Lễ hội đó đến nay có còn phổ biến không? Tại sao có? Tại sao không?

NOTTING HILL CARNIVAL

Notting Hill Carnival is held in London each August Bank Holiday, and is the largest and most colourful street event in Britain. The festival celebrates the traditions of the British black community who emigrated to Great Britain from the West Indies in the 1950s. They brought with them the Caribbean idea of ‘carnival’, with processions. Colourful costumes, steel bands and street dancing.

Preparations for the carnival begin many months beforehand. Costumes have to be made, and floats built, ready for the street procession. Steel bands practise traditional Caribbean music on instruments made from old oil drums. Shortly before the festival, the streets are decorated with red, green and yellow streamers, and amplifiers are set in place, to carry the rhythmic sounds over the roar of the London traffic.

The carnival lasts for three days, and is full of music and colour. Processions of floats, steel and brass bands, and dancers in exotic costumes make their way through the narrow London streets, watched by thousands of people. The streets are lined with stalls selling tropical fruits such as fresh pineapples, water melons, and mangos. Everybody dances - black and white, young and old – even the policemen on duty take part in the fun.

Bài dịch *Lễ hội Notting Hill*

Lễ hội Notting Hill được tổ chức ở Luân Đôn vào ngày lễ chung vào tháng 8 và đó là sự kiện lớn nhất diễn ra trên đường phố đủ sắc màu ở Anh. Ngày lễ kỷ niệm các truyền thống của người da đen đã di cư sang Great Britain từ vùng West Indies vào những năm 1950. Họ mang theo cả phong tục 'lễ hội' của người Ca-ri-bê với các cuộc diễu hành, trang phục sặc sỡ, ban nhạc vùng Atilles và khiêu vũ trên đường phố.

Người ta chuẩn bị cho lễ hội bắt đầu từ nhiều tháng trước. Trang phục được may và xe rước được trang hoàng để chuẩn bị cho lễ diễu hành trên đường phố. Các ban nhạc vùng Atilles tập dượt những bản nhạc Ca-ri-bê truyền thống bằng những nhạc cụ được làm từ những thùng dầu cũ. Ngay trước lễ hội, đường phố được trang hoàng với những băng giấy màu đỏ, xanh, vàng và hệ thống khuyếch đại được đặt vào nơi quy định để truyền những âm thanh nhịp nhàng làm át tiếng ầm ầm của giao thông ở Luân Đôn.

Lễ hội kéo dài trong 3 ngày tràn đầy âm nhạc và màu sắc. Hàng ngàn người theo dõi cuộc diễu hành của xe rước, ban nhạc vùng Atilles, ban nhạc chơi nhạc khí bằng đồng và bộ gõ và diễn viên múa trong trang phục hấp dẫn đầy màu sắc đi qua những con phố nhỏ hẹp của Luân Đôn. Dọc theo đường phố là những quầy bán trái cây tươi vùng nhiệt đới như thơm, dưa hấu và xoài. Mọi người đều khiêu vũ, cả người da đen và da trắng, già lẫn trẻ, ngay cả những cảnh sát đang làm nhiệm vụ cũng gia nhập vào cuộc vui.

Ghi chú:

Bank holiday = *ngày (không phải là thứ bảy hoặc chủ nhật) mà ngân hàng chính thức đóng cửa, thường là ngày lễ chung, thí dụ lễ phục sinh, lễ giáng sinh.*

NEW YEAR'S FESTIVAL

Tet is the age-old tradition in Vietnam. It's connected with many beautiful and interesting practices. It's the time when families reunite in the hope of good fortune for the coming year.

In the weeks leading to Tet, the streets of cities are ablaze with color. People buy flowers and potted trees, busily tidy their homes. As the big day draws near, people rush off to get a haircut, buy new clothes, decorate their ancestral altar and prepare massive quantities of special foods. The whole family gathers in the kitchen to boil sticky rice cakes that are a Tet staple.

To give thanks to Heaven's departing officials and to welcome the newcomers, it becomes customary for families to place offerings of steamed sticky rice, boiled chicken, cakes, fruits out of doors on New Year's Eve. The most crucial time during the festivities is New Year's morning, when the first person (known as first-footer) to step across the threshold is thought to set the tone for the family in the coming year. On the New Year's Day, good wishes and greetings like "New Year New Successes" or "Happy New Year" can be heard everywhere. Children are often given "lucky money" in small red envelopes as a wish to their growth. People go out in their finest clothes, paying visits to friends and relatives, especially those they were too busy to visit during the old year, wishing each other good luck, good health, prosperity and happiness. Everybody tries their best to avoid depressing topics in the New Year.

The Lunar New Year is celebrated very one year. It's the most important time in the Vietnamese festival calendar.

Bài dịch

Tết Nguyên Đán

Tết là truyền thống lâu đời ở Việt Nam. Nó gắn kết với nhiều phong tục tốt đẹp. Đó là lúc những thành viên trong gia đình sum họp với hy vọng gặp nhiều may mắn trong năm sắp đến.

Vào những tuần trước Tết, phố phường lấp lánh muôn màu. Mọi người mua hoa, và chậu cây cảnh, bận rộn dọn dẹp nhà cửa. Khi ngày trọng đại đến gần, mọi người hối hả đi cắt tóc, mua sắm quần áo mới, trang hoàng bàn thờ tổ tiên và chuẩn bị nhiều món ăn đặc biệt. Cả gia đình tụ họp trong gian bếp đun sôi nồi bánh chưng, thức ăn chủ yếu trong ngày Tết.

Theo thông lệ, các gia đình bày vật lễ như bánh chưng, gà luộc, bánh, trái cây ngoài trời vào đêm Giao thừa để tạ ơn các vị thần về chầu trời và đón chào các vị thần mới. Thời khắc quan trọng nhất vào dịp lễ là buổi sáng đầu năm mới khi người đầu tiên ('người đạp đất') bước qua ngưỡng cửa vào nhà là người tạo không khí cho gia đình trong năm sắp đến. Vào ngày của năm mới, những câu chúc và lời chào hỏi tốt đẹp như "Năm Mới, Thắng Lợi Mới" hoặc "Chúc Mừng Năm Mới" được nghe khắp nơi. Trẻ con thường được tặng bao đỏ lì xì với lời chúc chóng lớn. Mọi người ra đường mặc áo quần đẹp, thăm viếng bà con, bạn bè, đặc biệt những người họ không đến thăm được trong năm cũ vì quá bận rộn, chúc nhau được may mắn, sức khoẻ, thịnh vượng và hạnh phúc. Mọi người cố tránh nói đến chuyện buồn trong năm mới.

Tết âm lịch được tổ chức mỗi năm một lần. Đó là thời gian quan trọng nhất trong lịch lễ hội của người Việt Nam.

Mid-Autumn Festival

The Mid-Autumn Festival is the second most important festival of the year in Vietnam, after the Lunar New Year.

Focused on children, the festival takes place on the night of the full moon. In the weeks leading up to the event, cakes, candies and toys are on sale on the streets. After offerings are made to the ancestors, the full moon is celebrated with banquets featuring traditional treats like *banh deo* (sticky-rice dumplings) and *banh nuong* (baked cakes) in the shape of the moon or fish. Kids receive toys and lanterns. Neighborhoods also organize games and entertainments like hide-and-seek, lantern processions and lion dances. A man in a huge lion or unicorn mask is followed by a train of excited kids wielding gongs and drums.

As well as being exciting, this festival is educational. Kids learn legends and how to decorate the table. Decorations typically include a "scholar" made of paper or dough, who serves to remind youngsters to study hard.

Celebrated by the whole family, the Mid-Autumn Festival is one of the most sacred and memorable nights of the year in Vietnam.

Bài dịch

Tết Trung Thu

Lễ hội trăng rằm (Tết Trung Thu) là dịp quan trọng thứ hai trong năm ở Việt Nam sau Tết Nguyên Đán.

Lễ hội được tiến hành vào đêm trăng tròn dành riêng cho trẻ con. Vào các tuần trước lễ hội, bánh, kẹo và đồ chơi được bày bán trên đường phố. Sau khi các lễ vật được dâng cúng tổ tiên, lễ trăng rằm được tổ chức với buổi tiệc đặc trưng các món bánh truyền thống như 'bánh dẻo' và 'bánh nướng' có hình mặt trăng hoặc hình con cá. Trẻ con nhận được nhiều quà và lồng đèn. Các vùng lân cận cũng tổ chức trò chơi và trò giải trí như chơi trốn tìm, lễ rước đèn hoặc múa lân. Một người cầm đầu lân to đi đầu, theo sau là đoàn con nít đánh cồng và trống.

Lễ hội trăng rằm vừa vui nhộn cũng vừa có tính giáo dục. Trẻ con hiểu được các truyền thuyết và biết trang hoàng bàn cỗ như thế nào. Vật trang trí tiêu biểu là một 'học giả' được làm bằng giấy hoặc bột nhào dùng để nhắc nhở trẻ em học hành chăm chỉ.

Thường được tổ chức trong gia đình, lễ hội trăng rằm là những đêm đáng nhớ và thiêng liêng nhất trong năm ở Việt Nam.

MID-AUTUMN FESTIVAL

For a long time, Vietnam and some other Asian countries which follow the rite of worshipping the Moon Genie, welcome the Mid-Autumn Festival on the 15th day of the 8th lunar month

This is the time when the moon is full, the farm work is at rest, and the weather is cool and fresh. Apart from the Lunar New Year, the Mid-Autumn Festival is the most impressive event for the Vietnamese, particularly the children. There is no other event in the year other than this festival that provides them with as much entertainment, toys, cakes, candies, and fruit.

About half a month before the event, various kinds of colourful items, mostly cakes, candies and toys, are displayed for sale along the streets, in the shops and at the markets. Everyone, both domestic and foreign, is eager to go either shopping or sight-seeing. On the festive day, some families cook outstanding food to offer their ancestors during the daytime. In the evening, the mid-autumn festive party is prepared with cakes, candies and fruits. Cakes are various, but a "must" is the *banh deo* (glutinous-rice dumplings) and *banh nuong* (cakes) in the shape of the moon and fish. Fruits, including longans, persimmons, bananas, grapefruits, etc., are also abundant and diverse. Parents buy lanterns for their children so that they can participate in a candlelit lantern procession at dawn. Children parade on the streets, while singing and carrying colorful lanterns of different sizes. There is a variety of lanterns, but the most popular children's lantern is the star lantern.

Unicorn dances are also very popular in Trung-Thu festivities. Children also perform traditional Vietnamese dances and participate in contests for

prizes and scholarships. Like the Chinese, Vietnamese parents tell their children fairy tales and serve mooncakes and other special treats under the silvery moon. A favorite folklore is about a carp that wanted to become a dragon. The carp worked and worked and eventually transformed itself into the dragon. This is the story behind the mythical symbol, Cá Hóa Rồng. Parents use this story to encourage their children to work hard so that they can become whatever they want to be.

Bài dịch ***Lễ hội trăng rằm***

Từ lâu, Việt Nam và vài nước châu Á theo nghi lễ thờ thần mặt trăng Genie, chào đón lễ hội trăng rằm vào ngày 15 tháng 8 âm lịch.

Đây là lúc mặt trăng tròn, việc đồng áng tạm dừng và thời tiết mát mẻ. Ngoài Tết âm lịch ra, lễ hội trăng rằm là sự kiện gây ấn tượng nhất đối với người Việt Nam, đặc biệt là trẻ con. Không có sự kiện nào trong năm đem đến cho trẻ con nhiều trò vui, đồ chơi, bánh, kẹo và trái cây nhiều như lễ hội này.

Khoảng một tháng trước sự kiện này, nhiều thứ đẹp mắt như bánh, kẹo và đồ chơi được bày bán dọc theo đường phố, trong các cửa hiệu hoặc ở chợ. Mọi người, trong nước và nước ngoài, háo hức đi mua sắm hoặc đi tham quan. Vào ngày lễ hội, vài gia đình nấu món ăn ngon dâng cúng tổ tiên vào ban ngày. Tối đến, họ chuẩn bị bánh, kẹo và trái cây cho buổi tiệc Trung Thu. Có nhiều loại bánh, nhưng "loại cần phải có" là bánh dẻo và bánh nướng có hình mặt trăng và con cá. Trái cây gồm có nhãn, hồng, chuối, dưa hấu... luôn phong phú và đa dạng. Những ông bố, bà mẹ thường mua đèn lồng cho con cái của mình để chúng có thể tham gia lễ hội rước đèn lúc rạng sáng. Trẻ con diễu hành trên đường phố, hát và cầm những chiếc đèn lồng đủ kích cỡ nhiều màu sắc. Có nhiều loại đèn lồng, nhưng được trẻ con ưa chuộng nhất vẫn là đèn ông sao.

Múa lân cũng rất phổ biến trong dịp lễ. Trẻ con biểu diễn múa lân truyền thống của người Việt Nam và tham gia vào những cuộc thi tranh giải hoặc học bổng. Cũng như người Trung Quốc, cha mẹ ở Việt Nam kể cho con cái của họ những câu chuyện cổ tích, dọn bánh Trung Thu và các món đặc biệt khác dưới ánh trăng bạc. Có một câu chuyện dân gian được truyền miệng về một con cá chép muốn trở thành rồng. Cá chép mải chăm làm việc và cuối cùng tự mình hoá rồng. Đây là câu chuyện 'Cá Hóa Rồng', con vật tượng trưng có tính chất hư cấu. Cha mẹ dùng chuyện này để khích lệ con cái làm việc chăm chỉ để sau này chúng có thể đạt được như ý nguyện của chúng.

XII. WRITING ABOUT A HOBBY

(Viết về sở thích)

OUTLINE

The paragraph should include the following things:

Đoạn văn bao gồm những phần sau:

- Your hobby *(Nêu sở thích của bạn*)
- When your hobby started *(Sở thích đó có từ khi nào)*
- How your hobby has been built up *(Bạn phát triển sở thích đó như thế nào)*
- Why you had this hobby (*Tại sao bạn có sở thích này)*
- Your feelings about the hobby *(Cảm xúc của bạn về sở thích đó)*

My hobby is **collecting stamps**. When I was still only a baby, my mother began to collect for me. I remember it was my fifteenth birthday that she first put them into my hands. They were in three fat books, but since that time I have added three more, so that now I have a bigger collection than any of my friends.

How do I get my stamps? I have never bought a single one from a shop, so my collection has really cost me nothing. My father, who works in a big office, sometimes brings me home stamps from many countries of the world. To add more stamps to my collection, I exchange with some friends who live here and in other countries. My friends send me stamps in return for the ones I send to them.

Now that I am working for my living, I do not have as much time as before to spend on my stamps. But in the evenings, nothing could please me more than to sit down at the table with my precious books, arranging new stamps in them, writing in the names of countries, or, if I am too tired, I just look through the stamps already in the books. Each stamp has a story to tell me of far countries and strange peoples. I see pictures of men and women, birds and animals that I have never seen. Kings and presidents pass before my eyes, and I can follow the history of nations in the world.

But my stamp collection does not make me think only of the past. Just as my mother collected for me, so I am also collecting for my future child. If I can pass my hobby onto him, he will bless me for it as I have blessed my mother for her wise action.

Bài dịch

Sở thích của tôi là sưu tầm tem. Khi còn bé, mẹ tôi đã bắt đầu sưu tập tem cho tôi. Tôi nhớ vào chính lần sinh nhật thứ 15 của tôi mẹ đã đặt bộ sưu tập tem vào tay tôi. Đó là 3 tập sách dày, nhưng từ lúc đó tôi đã sưu tập thêm 3 bộ nữa, vì vậy bây giờ tôi có bộ sưu tập lớn hơn bất kỳ đứa bạn nào khác.

Làm thế nào tôi có được những con tem? Tôi không bao giờ mua một con tem nào ở cửa hiệu vì thế tôi không tốn một xu nào cho bộ sưu tập. Ba tôi làm việc ở một văn phòng lớn thường đem về nhà những con tem từ nhiều nước trên thế giới. Để thêm vào bộ sưu tập của mình, tôi đã trao đổi tem với bạn sống trong và ngoài nước. Bạn tôi gởi tem cho tôi để đổi lại số tem tôi đã gởi cho họ.

Bây giờ tôi đang làm việc để kiếm sống, tôi không có nhiều thời gian dành cho việc sưu tầm tem như trước đây. Nhưng vào buổi tối, không có gì làm tôi vui khi được ngồi với bộ sưu tập quý giá trên bàn, sắp xếp những con tem mới, viết tên nước vào đó, hoặc những lúc mệt mỏi tôi chỉ xem lướt qua những con tem sẵn có trong bộ sưu tập. Mỗi một con tem kể cho tôi một câu chuyện về nhiều đất nước xa xôi và những con người kỳ lạ. Tôi thấy được hình ảnh con người, chim chóc, động vật mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy tận mắt. Các vị vua, tổng thống như đi qua trước mắt tôi, và tôi có thể dõi theo lịch sử của các quốc gia trên thế giới.

Bộ sưu tập tem không chỉ nhắc nhở tôi nhớ đến quá khứ. Cũng như mẹ tôi đã sưu tập cho tôi, vì thế tôi sẽ sưu tập cho đứa con tương lai của tôi. Nếu như tôi có thể truyền lại sở thích này cho nó, nó sẽ cảm ơn tôi về việc đó giống như tôi đã cảm ơn mẹ tôi về hành động khôn ngoan của bà.

- My hobby is **collecting books**. My book collection started when I was 7 years old. At that time, my father used to tell me bedtime stories every night, which were very interesting. I really loved listening to those stories. Since then, I have collected story books as a hobby. My father knew that and he helped me a lot. Now, I have over 200 books of different kinds. To increase the size of my collection, I sometimes exchange books with those who share the same hobby with me. Each time I read the books, I have a feeling of living in the past. Kings, Queens appear before my eyes. What a pleasant thing to look at my favorite books!

Bài dịch

Sở thích của tôi là sưu tầm sách. Tôi bắt đầu sưu tập sách khi tôi lên 7 . Vào lúc đó, ba tôi thường đọc cho tôi nghe những mẩu chuyện rất hay trước

giờ đi ngủ. Tôi thực sự thích những mẩu chuyện đó. Từ đó tôi có sở thích sưu tập sách truyện. Ba tôi biết và ông đã giúp tôi rất nhiều. Bây giờ tôi có hơn 200 quyển sách đủ các thể loại. Để phát triển bộ sưu tập sách, thỉnh thoảng tôi trao đổi sách với những người bạn có cùng sở thích với tôi. Mỗi lúc tôi đọc sách, các vị vua, nữ hoàng như hiện ra trước mắt. Thật thích khi ngắm nhìn những cuốn sách yêu thích của tôi!

XIII. WRITING A BIOGRAPHY *(Viết tiểu sử)*

OUTLINE

1. Name, date, and place of birth

   Tên, ngày tháng năm và nơi sinh

   The person's family /social / cultural / educational background

   Lai lịch gia đình / xã hội / văn hoá / học vấn của người đó

2. Life / career

   Cuộc sống / nghề nghiệp

   Some highlights of the person's life / career

   Vài điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của người đó

   How this person influences others

   Người này gây ảnh hưởng cho những người khác như thế nào

3. (Date and place of death)

   (Ngày và nơi mất)

   Present life

   Cuộc sống hiện tại

Charlie Chaplin (The greatest comedian of the world)

The person I am going to write about is Charlie Chaplin. He has always been one of my favorite actors and I really admire his films.

Charlie was born in London in 1889. Both his parents were music hall performers. His father was a drunkard and his mother later went mad. His life was hard. Charlie and his half-brother, Sidney, were sent to an orphanage for a time.

He first appeared on the stage when he was seven and by the time he was ten was a regular performer. When he was 17, he went on a tour of the USA where he was spotted and given a part in a Hollywood film.

His early films were not particularly successful but in 1915 he made his masterpiece, "The Tramp", in which he first appeared in the baggy trousers and with the hat and cane. Soon he had his own studio built and was making his own films which included "The Gold Rush", "Modern Times" and "The Great Dictator".

In the 1940 his reputation in the USA started to decline. Silent films were no longer so popular. Chaplin went to Europe but was not allowed to return to the USA because he was suspected of being a communist. The authorities finally let him back in 1972 and he was awarded an Oscar, but by this time he made Switzerland his home.

Chaplin did not have a very happy personal life and was married four times. He only found happiness with his fourth marriage in 1943. When he died on Christmas Day 1977, the world had lost one of the greatest ever comedians.

Bài dịch

Charlie Chaplin (Nhà hài kịch vĩ đại nhất thế giới)

Người mà tôi sắp sửa viết về đó là Charlie Chaplin. Ông ấy luôn là một trong những diễn viên yêu thích của tôi và tôi thật sự thích những phim của ông ấy.

Charlie sinh ở London vào năm 1889. Cha mẹ của ông đều là diễn viên ở rạp hát. Cha ông là người nghiện rượu và mẹ ông về sau trở nên điên loạn. Cuộc sống của ông ấy thật vất vả. Charlie và anh trai cùng cha khác mẹ với ông, Sidney, được gởi đến cô nhi viện trong một thời gian.

Lần đầu tiên ông xuất hiện trên sân khấu khi ông mới 7 tuổi và là một diễn viên thực thụ lúc ông chưa đến 10 tuổi. Lúc 17 tuổi, ông đã đi du lịch khắp nước Mỹ nơi mà ông ấy được công nhận là có khả năng và được giao một vai diễn trong một bộ phim ở Hollywood.

Những phim đầu tiên của ông không thành công lắm nhưng vào năm 1915 ông đã làm nên một kiệt tác, "Kẻ lang thang", trong phim đó lần đầu tiên ông xuất hiện với chiếc quần rộng lùng thùng, chiếc mũ và cây gậy. Chẳng bao lâu, ông đã có xưởng phim của riêng mình và làm những bộ phim riêng của ông bao gồm "Cuộc đổ xô đi tìm vàng", "Thời đại tân kỳ", và "Kẻ độc tài vĩ đại".

Vào những năm 40 danh tiếng của ông ở Mỹ bắt đầu giảm sút. Phim câm không còn được ưa chuộng. Charlie đến châu Âu nhưng đã không được phép trở lại Mỹ vì ông ấy bị tình nghi là đảng viên cộng sản. Các nhà chức trách *cuối cùng cũng để ông trở về vào năm 1972 và ông ấy được trao giải Oscar, nhưng vào lúc đó ông đã xem Thụy Sĩ như quê hương của mình.*

Đời tư của Charlie không mấy hạnh phúc, ông đã kết hôn 4 lần. Ông chỉ tìm thấy hạnh phúc trong lần kết hôn thứ tư vào năm 1943. Khi ông mất vào ngày lễ Giáng sinh năm 1977, cả thế giới đã mất một trong những nghệ sĩ hài vĩ đại nhất.

Mother Teresa (Nobel Peace Prize winner)

Mother Teresa was born in Skopje, Yugoslavia, on August 27th 1910. She grew up with her brother and sister in a very happy family, and attended the government school near her home until she was eighteen. At that time, some missionaries from Yugoslavia were working in Calcutta, and they often wrote to the school about their work. She decided to join them.

When she finished school, she went first to Ireland and after that to India, where she began to train for the religious life. After training, she was sent to Calcutta, where she taught geography at a high school and eventually became principal.

However, although she loved teaching, in 1946 Mother Teresa left school and went to work in the slums of Calcutta. She did some nursing training in Patna, and then began her work helping the poor and comforting the dying in the streets of the city. Gradually, others came to help her and her work spread to other parts of India.

Mother Teresa was a well-known figure. Dressed in her white and blue sari, she had been photographed all over the world as she traveled to open new schools and hospitals in poor countries. In 1979, she was awarded the Nobel Peace Prize - a small tribute to the lifetime of love and service she had given to the poor. She suffered a heart attack and died in 1997.

Bài dịch

Mẹ Teresa (Người đoạt giải Nobel Hoà bình)

Mẹ Teresa sinh ở Skopje, Nam Tư, vào ngày 27 tháng 9 năm 1910. Bà cùng lớn lên với anh trai và chị gái trong một gia đình rất hạnh phúc, và học trường chính phủ gần nhà cho đến lúc 18 tuổi. Vào thời gian đó, có vài nhà truyền giáo từ Nam Tư đang làm việc tại Calcutta, và họ thường viết thư cho trường kể về công việc của họ. Mẹ Teresa quyết định gia nhập hội truyền giáo đó.

Khi bà học xong phổ thông, nước đầu tiên bà đến là Ái Nhĩ Lan, kế tiếp là Ấn Độ nơi bà bắt đầu được rèn luyện về cuộc sống tu hành. Sau khoá

huấn luyện, bà được gởi đến Calcutta, nơi đó bà dạy địa lý ở một trường trung học và cuối cùng trở thành hiệu trưởng.

Tuy nhiên, mặc dầu Mẹ Teresa thích nghề dạy học, bà đã rời trường vào năm 1946 và đến làm việc tại khu nhà ổ chuột ở Calcutta. Bà đã học khoá đào tạo về điều dưỡng ở Patna, và sau đó bắt đầu công việc của mình giúp đỡ người nghèo, an ủi những người hấp hối trên khắp thành phố. Dần dần, nhiều người khác đến xin được giúp đỡ bà và công việc của bà lan rộng đến nhiều vùng khác ở Ấn Độ.

Mẹ Teresa là nhân vật nổi tiếng. Mặc bộ sari màu trắng xanh, bà được lên ảnh trên toàn thế giới khi bà đến khai trương trường học và bệnh viện mới ở những quốc gia nghèo. Vào năm 1979, bà nhận giải thưởng Nobel Hoà bình – món quà nhỏ dâng tặng cho cuộc đời đầy tình thương và phục vụ của bà đối với người nghèo. Bà bị cơn suy tim và mất năm 1997.

Clare Francis (Britain's most well-known sportswoman to sail across the Atlantic single-handed)

Clare Francis was born in Surrey on April 17th, 1946. She attended Royal School of Ballet and then won a place at the University of London, where she studied Economics.

After leaving the university, she began her career of marketing but she soon became bored with city life. She loved sailing, and when her uncle died and left her his money, she decided to buy her own boat. Then, in 1973, she set out sailing across the Atlantic to America, single-handed.

Since then, Clare Francis has become a popular figure on radio and television and has taken part in many single-handed races. In 1977 she married a Frenchman, Jaques Redon, and they had one son.

In her free time she enjoys reading, gardening and music and she has recently published her first novel, "Night Sky". She now lives in Lymington, a popular yachting resort in the South coast of England.

Bài dịch

Clare Francis (Người ham mê thể thao nổi tiếng nhất ở Anh vượt biển Đại Tây Dương một mình)

Clare Francis sinh ở Surrey vào ngày 17 tháng 4 năm 1946. Bà đã học trường múa Ba Lê Hoàng Gia và sau đó được vào học trường Đại học Luân Đôn nơi bà theo học ngành kinh tế.

Sau khi rời trường đại học, bà bắt đầu sự nghiệp quảng cáo của mình nhưng sớm chán cuộc sống thành phố. Bà thích đi thuyền và khi chú của bà *mất để lại cho bà tất cả tiền bạc, bà quyết định mua một chiếc thuyền riêng cho mình. Sau đó, vào năm 1973, bà đơn thương độc mã bắt đầu vượt biển Đại Tây Dương đến Mỹ.*

Từ đó, Clare Francis trở thành nhân vật được ái mộ trên đài phát thanh và truyền hình và đã tham gia nhiều cuộc đua thuyền một mình. Bà kết hôn với một người Pháp, Jaques Redon, vào năm 1977 và họ có một con trai.

Những lúc rảnh rỗi bà thích đọc sách, làm vườn, nghe nhạc và gần đây bà đã xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình, "Bầu trời đêm". Bây giờ bà đang sống ở Lymington, nơi nghỉ dành cho thuyền buồm được ưu chuộng ở bờ biển phía Nam nước Anh.

John Lennon (A pop star)

John Lennon was born in Liverpool in 1940. He was always keen on music and played in a pop group at school and Art College.

John got married to Cynthia in 1962 and they had a son whose named was Julian. At that time, John was a member of a group called "The Beatles". Many beautiful songs were written by John and wherever the group went, crowds of fans gathered to see them.

Having achieved world-wide success, John started to make records on his own in 1968, and it was the same year when his marriage to Cynthia came to an end. He had met Yoko Ono whom he married the following year. John lost weight and grew his hair long, as can be seen on the covers of the records that he made with Yoko. He set up home in the United States and had a son called Sean.

Many people considered John Lennon to be the most talented of all "The Beatles". He sang about peace and love and so when he was murdered by one of his fans outside his New York apartment, the whole world was shocked. More than 50,000 fans turned up to a ceremony in his memory. He was only forty when he died.

Bài dịch

John Lennon (Ngôi sao nhạc nhẹ)

John Lennon sinh ở Liverpool vào năm 1940. Anh luôn say mê âm nhạc và chơi cho ban nhạc nhẹ của trường và trường đại học nghệ thuật.

John kết hôn với Cynthia vào năm 1962 và họ có một con trai tên là Julian. Vào lúc đó, John là thành viên của ban nhạc có tên gọi "The Beatles". John đã sáng tác nhiều bài hát hay và bất cứ ban nhạc đi đâu, họ đều có những đám đông người hâm mộ vây quanh.

Sau khi có được thành công rộng khắp thế giới, John bắt đầu thực hiện đĩa nhạc riêng của mình vào năm 1968, cũng chính vào năm này hôn nhân của anh với Cynthia chấm dứt. Anh đã gặp Yoko Ono và kết hôn một năm sau đó. John giảm cân và để tóc dài, như chúng ta đã thấy trên tờ bìa của đĩa hát anh đã thực hiện với Yoko. Anh định cư ở Mỹ và có một con trai tên là Sean.

Nhiều người xem John Lennon là ca sĩ tài năng nhất của ban nhạc "The Beatles". Anh hát về hoà bình, về tình thương yêu và vì thế khi anh bị giết ngoài căn hộ của mình ở New York bởi một trong những người hâm mộ anh, cả thế giới bàng hoàng. Hơn 50.000 người hâm mộ đến dự nghi lễ tưởng nhớ anh. Anh mất khi chỉ mới 40 tuổi.

IVX. DESCRIBING GRAPHS *(Mô tả biểu đồ)*

OUTLINE

. A general statement (title, what the graph is about)

Trình bày tổng quát (đầu đề, biểu đồ chỉ ra điều gì)

. Overall trend

Xu hướng tổng quát

. Trends at different times or significant points of change

Xu hướng ở các thời điểm khác nhau hoặc những mốc thời gian thay đổi đáng kể

. A comparison of different sets of information

So sánh các thông tin với nhau

Useful Language / Verbs and Nouns for Describing Trends and Movements in Graphs

Những cách diễn đạt / động từ và danh từ dùng để mô tả xu hướng và hướng đi trên biểu đồ.

1. Useful language

- The graph shows / describes / illustrates /represents / presents / indicates / reveals that …

Biểu đồ chỉ ra / mô tả /mimh hoạ / chỉ ra /…………… rằng…

- According to the graph, …

Theo biểu đồ, …

- From the graph, it can be seen that…

Từ biểu đồ, chúng ta có thể thấy rằng...

- As can be seen from the data in the graph…

Như chúng thấy từ những dữ liệu ở biểu đồ,...

- Compared with … / in comparison with …

So với ...

- The steel production increased by 5 million tons, from 20 to 25 million tons.

Sản lượng thép tăng 5 triệu tấn, từ 20 lên đến 25 triệu tấn.

- To fall / decrease by 20%, from 55% to 35%

Giảm 20%, từ 55% xuống còn 35%

- To rise/ increase from … to…

Tăng từ ... đến ...

- To increase by 30%, from 60% to 90%

Tăng 30%, từ 60% lên đến 90%

- The percentage of personal income in Italy, Japan and France reached 29.5%, 17.6% and 18.7% **respectively.**

Tỷ lệ phần trăm thu nhập cá nhân ở Ý, Nhật và Pháp đạt đến 29,5%, 17,6% và 18,7% ***lần lượt theo thứ tự vừa đề cập*** *(theo thứ tự tương ứng).*

- In (During) the ten year period (from…to…), there was a dramatic increase in…

Trong suốt thời gian 10 năm (từ ... cho đến...), đã có sự tăng nhanh về ...

- In the 1990's there was a dramatic increase in…

Trong thập niên những năm 90 đã có sự tăng đột ngột về...

- During the 1990's there was a dramatic increase in…
- Since 2000, there has been a slight increase in …

Từ năm 2000 đã có sự tăng nhẹ về...

- From 2000 onwards, there has been a slight increase in……

Từ năm 2000 trở đi đã có sự tăng nhẹ về ...

- For the last five years, there has been a slight increase in……

Trong 5 năm vừa qua đã có sự tăng nhẹ về...

- To fluctuate between1990 and 1995/to experience some fluctuations between 1990 and 1995

Dao động từ năm 1990 đến năm 1995

Ghi chú:

- *Các động từ **rise, grow, increase** (v.v) không dùng với giới từ **up**.*
- *Các động từ **fall, drop, decrease** không dùng với giới từ **down**.*

2. Verbs and Nouns used to express change

A. To go up (Tăng)

Nouns

an increase
a rise
a growth
an upturn

sự gia tăng

an upward trend: *xu thế tăng lên*

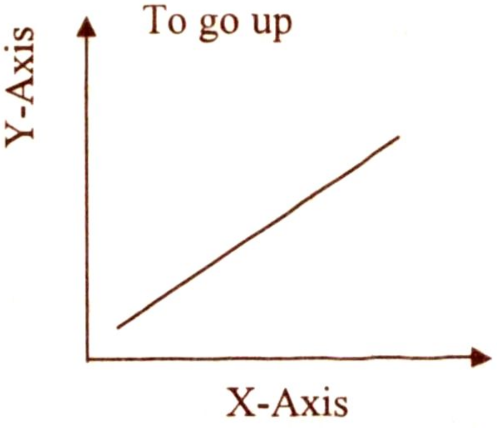

Verbs

to increase
to rise
to grow
to go up

tăng lên

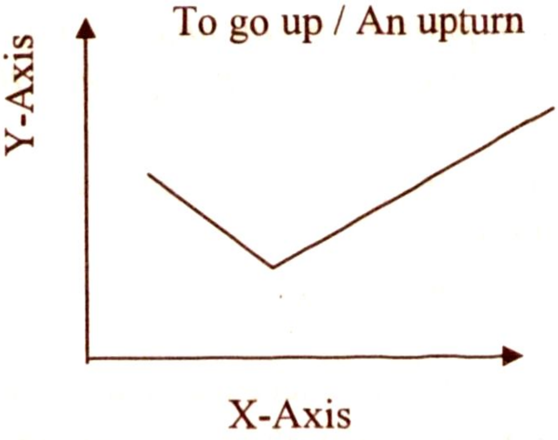

B. To go down *(Giảm)*

Nouns

a decrease
a fall
a drop
a decline
a downturn

sự giảm xuống

a downward trend: *xu thế giảm*

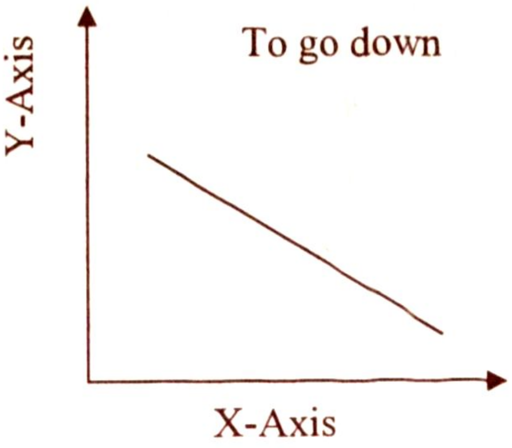

Verbs

to decrease
to fall (off)
to drop
to decline
to go down
to slip

giảm xuống

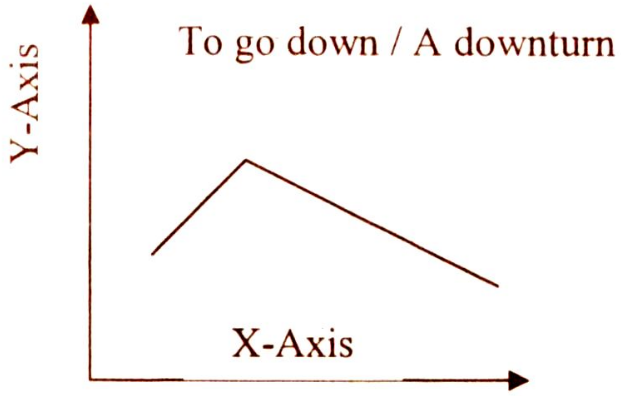
To go down / A downturn
Y-Axis
X-Axis

To fall back to the previous level
(Giảm trở lại mức ban đầu)

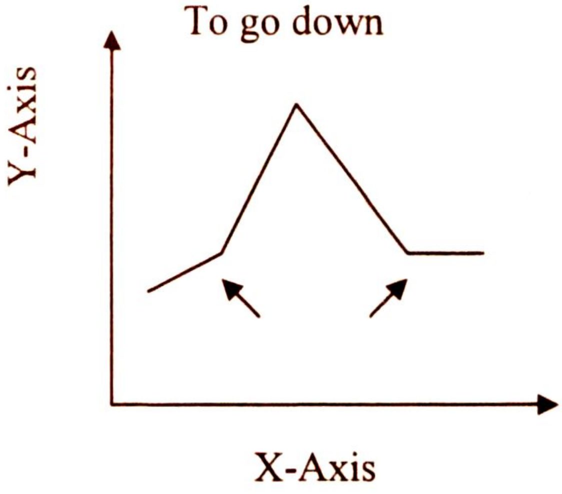
To go down
Y-Axis
X-Axis

C. To go up a lot *(Tăng nhiều)*

Nouns

a surge
an upsurge
a jump
a leap

sự tăng vọt

Verbs

to surge
to take off
to shoot up
to soar
to rocket
to jump
to leap

tăng vọt

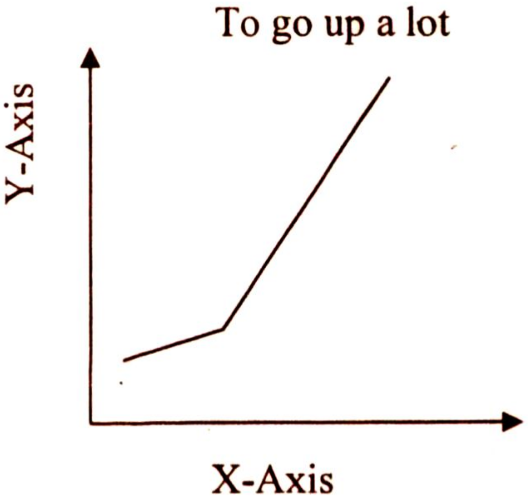
To go up a lot
Y-Axis
X-Axis

D. To go down a lot *(Giảm nhiều)*

Nouns

a plunge
a slump
a crash
a tumble

sự rơi tụt xuống

Verbs

- to plummet
- to plunge
- to slump
- to crash
- to sink
- to tumble

rơi tụt xuống, tụt xuống thấp

To go down a bt

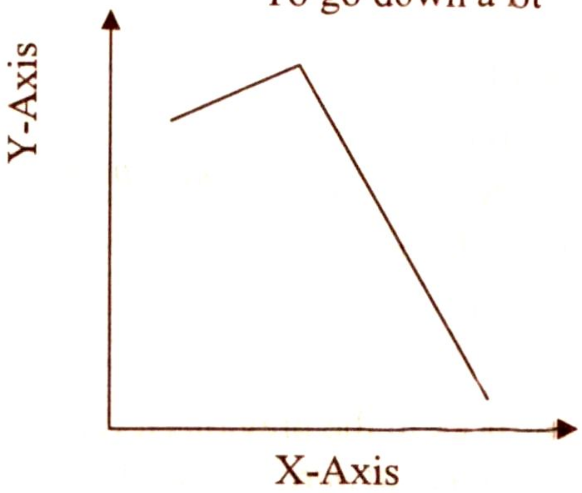

E. No change (Không thay đổi)

- to remain stable
- to level off / level out
- to stay at the same level
- to remain constant
- to stagnate
- to stabilize
- to reach a plateau

không thay đổi, đứng lại, bình ổn

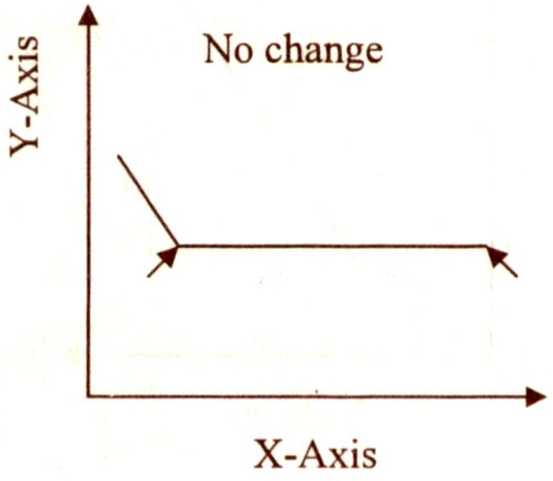

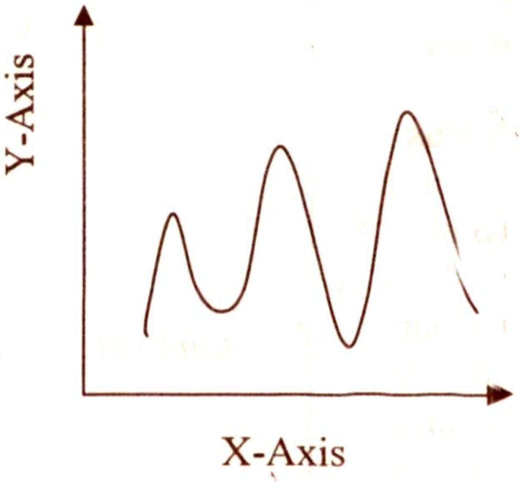

To fluctuate

F. Change of direction *(Sự đổi hướng)*

to peak/ to top out: *đạt đến cao điểm*

to reach a peak: *tăng đến mức cao nhất / tăng đến tột đỉnh*

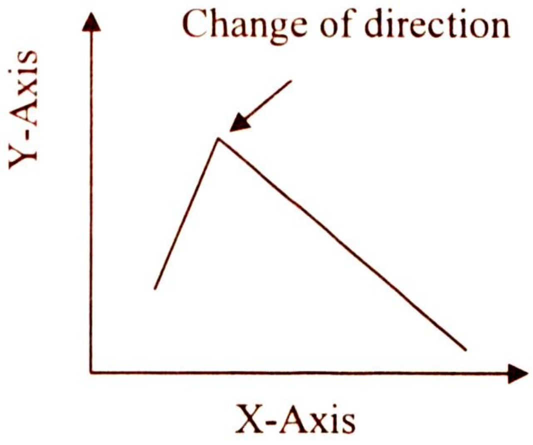
Change of direction
Y-Axis
X-Axis

to reach a low point: *hạ đến mức thấp nhất*
to bottom out: *hạ xuống mức thấp nhất*

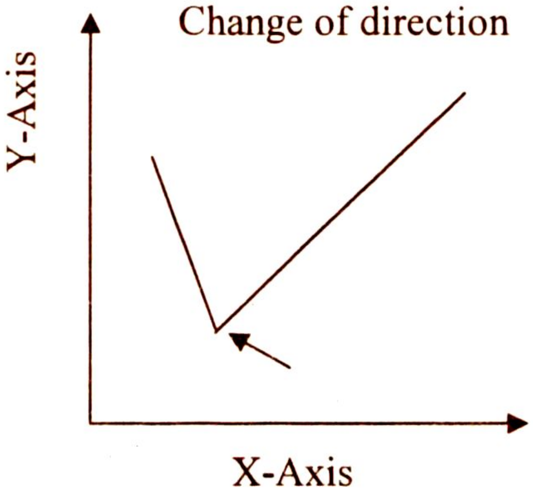
Change of direction
Y-Axis
X-Axis

G. To describe the degree of change ***(Mô tả mức độ thay đổi trên trục Y)***

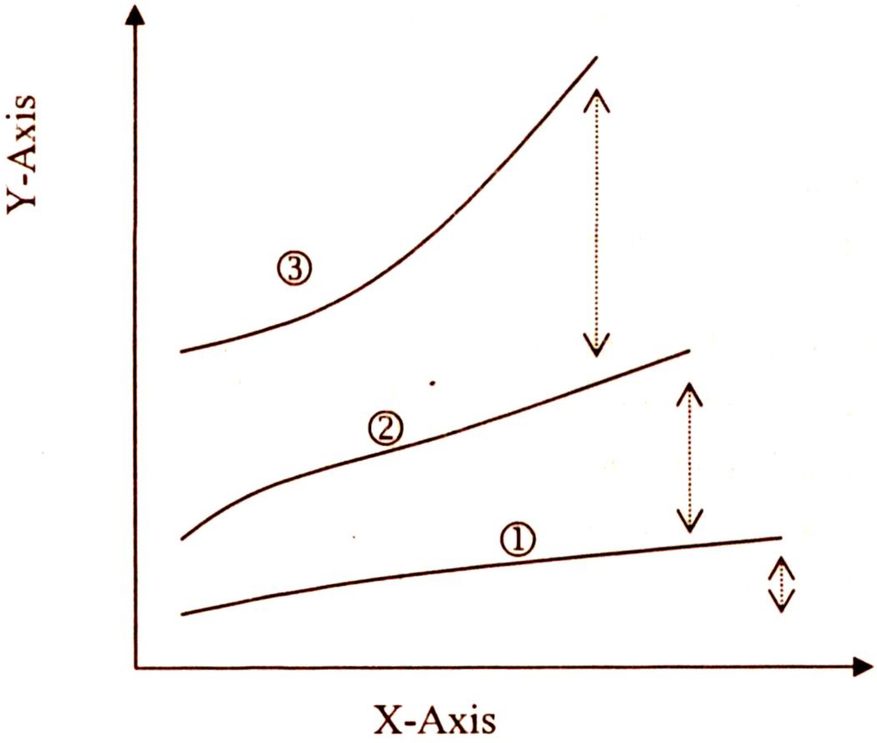
Y-Axis
③
②
①
X-Axis

Adjectives

(3) A steep *(quá mức)*
(3) A dramatic (*đột ngột*)
(3) A considerable (*nhiều)*
(3) A sharp *(mạnh)*
(2) A significant (*đáng kể)*
(2) A substantial *(đáng kể, lớn lao*)
(1) A moderate *(vừa phải, không nhiều lắm)*
(1) A slight *(nhẹ, ít)*

rise or fall
sự tăng hoặc giảm

Adverbs

to rise or fall steeply
dramatically
considerably
sharply
significantly
substantially
moderately
slightly

H. To describe the speed of change *(Mô tả tốc độ thay đổi trên trục X)*

Adjectives

(3) an abrupt *(đột ngột)*
(3) a sudden (*đột ngột*)

(3) a rapid *(nhanh, tốc độ cao)*
(2) a quick (*nhanh)*
(2) a steady (*đều đặn)*
(1) a gradual *(từ từ, chậm*)
(1) a slow *(chậm*)

rise or fall
sự tăng hoặc giảm

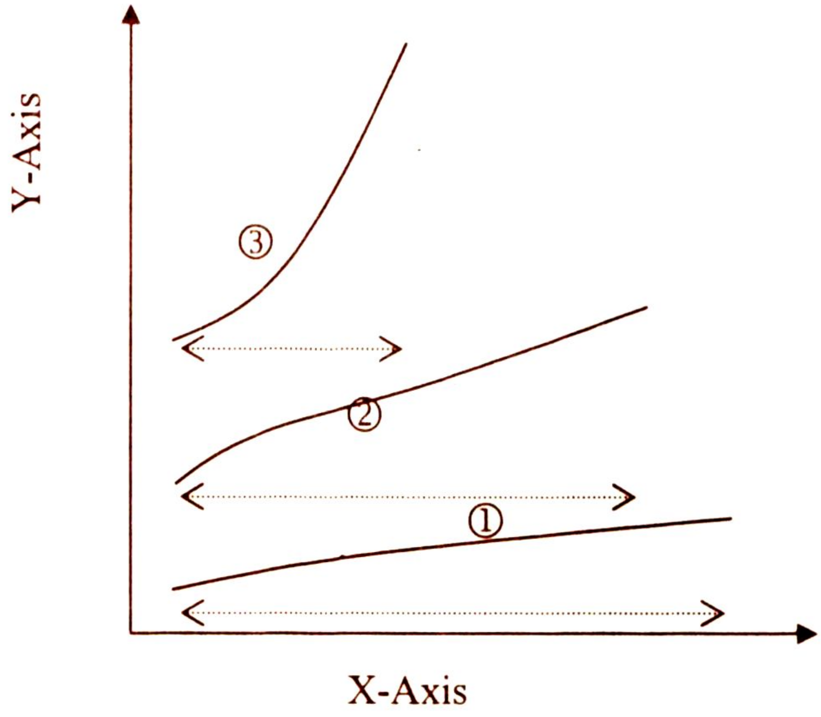

Adverbs

(to rise or fall)	abruptly (*tăng hoặc giảm) đột ngột*
	suddenly
	rapidly
	quickly
	steadily
	gradually
	slowly

The graphs A and B below show the birthrates in Australia and the birthrates in Switzerland from 1975 to 2000. Write brief reports to interpret them.

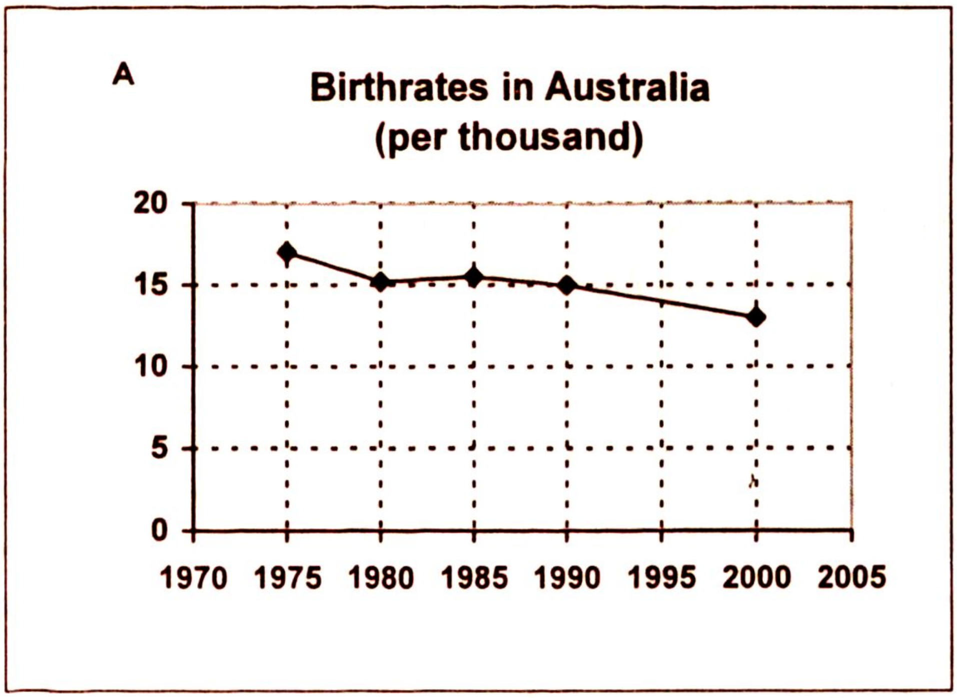

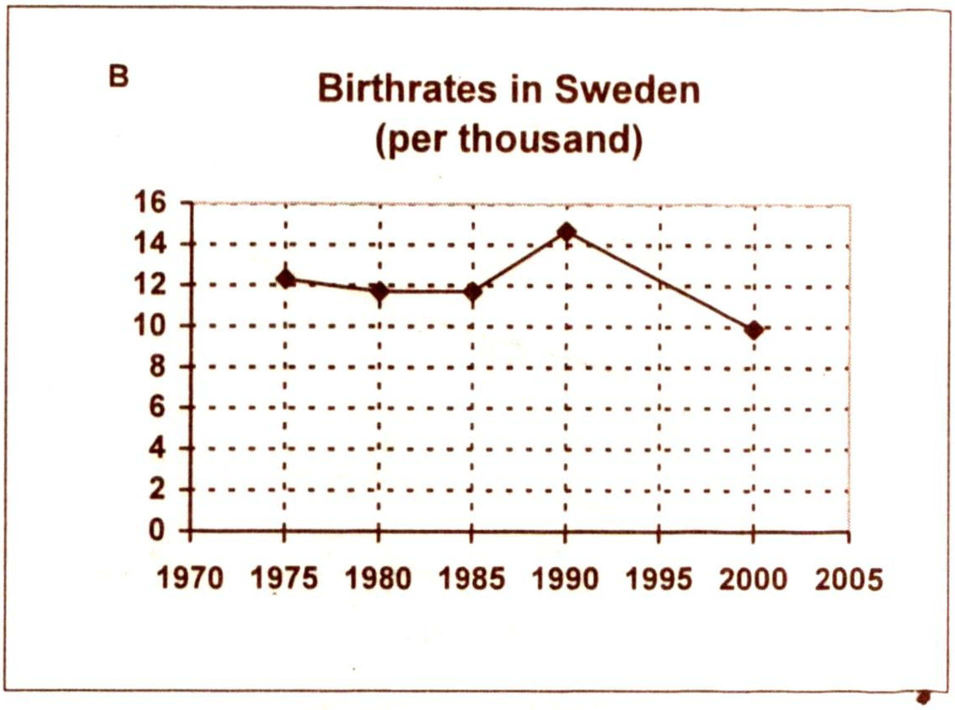

A. The graph describes the birthrates in Australia from 1975 to 2000. As can be seen, there was a slight decrease in the first five years from 1975 to 1980. Then the birthrate remained steady over the next decade. After that, it fell sharply from 15 thousand in 1990 to about 10 thousand in 2000. In general, the birthrates in Australia were on the increase over 25 years.

B. The graph shows the birthrates in Switzerland from 1975 to 2000. According to the graph, the birthrate increased slightly from 1975 to 1980. After that, it remained unchanged over the next 10 years. Between 1985 and 1990, there was a steady rise again and it reached 15 thousand in 1990. Then, in the last decade from 1990 to 2000, Switzerland's birthrate dropped rather sharply from over 15 thousand to only 10 thousand. In general, the birthrates in Switzerland experienced some fluctuations over the period.

Bài dịch

Biểu đồ A và B dưới đây cho thấy tỷ lệ sinh ở Úc và Thuỵ Sĩ từ năm 1975 đến 2000. Hãy viết bài tường thuật ngắn gọn để giải thích 2 biểu đồ đó.

A. *Biểu đồ mô tả tỷ lệ sinh con ở Úc từ năm 1975 đến 2000. Như chúng ta đã thấy, tỷ lệ sinh con tăng nhẹ trong 5 năm đầu tiên từ 1975 đến 1980. Sau đó giữ nguyên không thay đổi trong suốt 1 thập niên tiếp theo. Kế tiếp, tỷ lệ sinh giảm một cách đột ngột từ 15 ngàn vào năm 1990 xuống vào khoảng 10 ngàn năm 2000. Nhìn chung, tỷ lệ sinh con ở Úc gia tăng trong suốt 25 năm.*

B. *Biểu đồ chỉ ra tỷ lệ sinh ở Thuỵ sĩ từ 1975 đến năm 2000. Theo biểu đồ, tỷ lệ sinh tăng nhẹ từ năm 1975 đến 1980. Sau đó không thay đổi trong 10 năm kế tiếp. Từ 1985 đến 1990, tỷ lệ này tăng đều đặn trở lại và đạt đến*

15 ngàn vào năm 1990. Trong khoảng thời gian 10 năm cuối cùng từ 1990 đến 2000, tỷ lệ sinh ở Thụy sĩ giảm đột ngột từ hơn 15 ngàn xuống còn 10 ngàn. Nói chung, tỷ lệ sinh ở Thụy sĩ dao động trong khoảng thời gian đó.

The line graph below shows the percentage of smokers in selected countries for the period 1960-2000. Write a description of the graph.

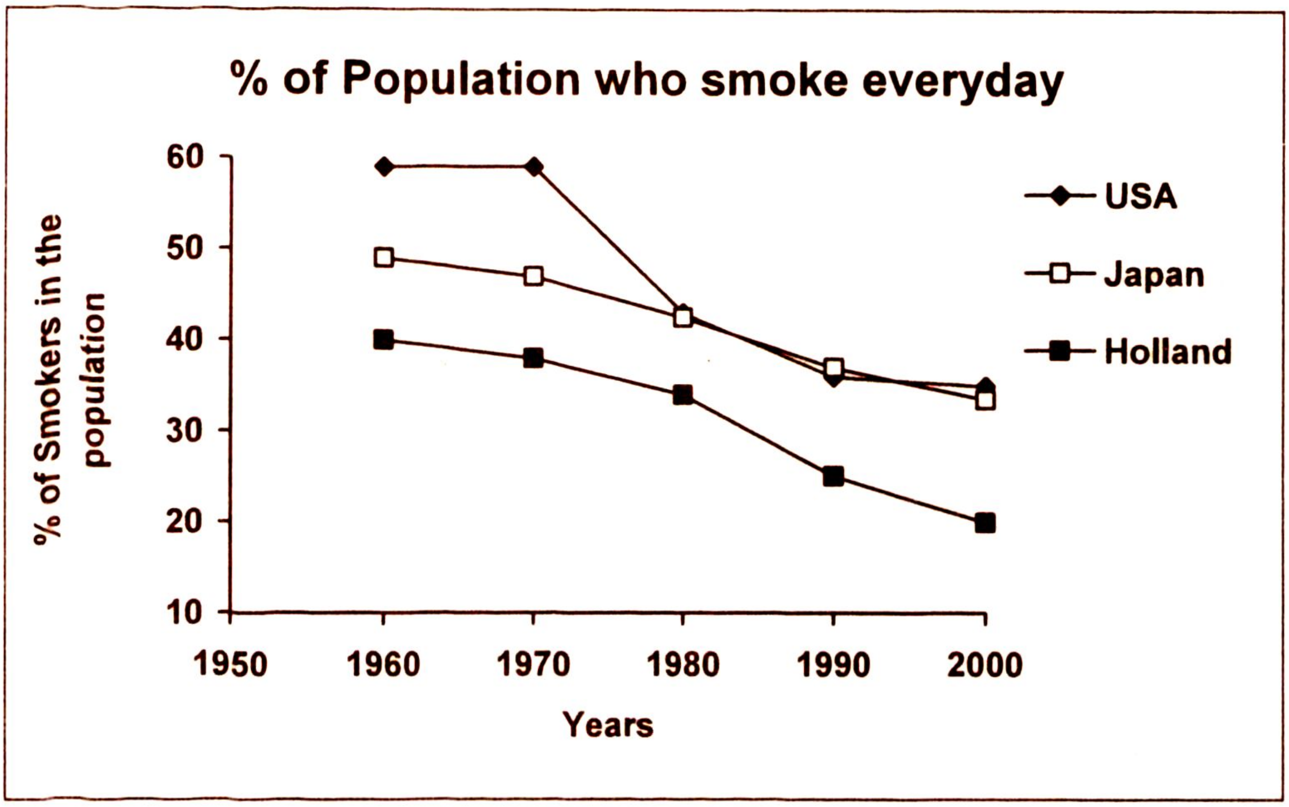

The line graphs show trends in smoking in the USA, Japan and Holland from 1960 to 2000.

In general, the trend in smoking in the USA, Japan and Holland is downwards. The USA had the highest percentage of smokers in 1960 at nearly 60%, followed by Japan at about 47% and Holland at around 40%. The USA experienced the most dramatic decrease, falling to about 43% in 1980 and then declining at the same steady rate as Japan until 2000. Holland's level dropped to below 20% by 2000.

Bài dịch

Biểu đồ đường thẳng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm người hút thuốc ở những nước được chọn trong khoảng thời gian từ 1960 đến 2000. Hãy viết 1 đoạn văn mô tả biểu đồ đó.

Biểu đồ đường thẳng cho thấy xu hướng hút thuốc ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hà Lan từ 1960 đến 2000.

Nói chung, chiều hướng hút thuốc là ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hà lan có giảm. Hoa Kỳ có tỷ lệ phần trăm người hút thuốc lá cao nhất vào năm 1960 gần 60%, tiếp theo là Nhật Bản vào khoảng 47% và Hà Lan khoảng 40%. Hoa Kỳ có tỷ lệ phần trăm giảm đột ngột nhiều nhất, giảm xuống 43% vào năm 1980 và sau đó tốc độ giảm chậm lại tương đương với Nhật Bản đến năm 2000. Tỷ lệ người hút thuốc ở Hà Lan giảm xuống dưới 20% vào khoảng trước năm 2000.

The graph below shows the death rates in Tridonia. Write a report to describe information shown below.

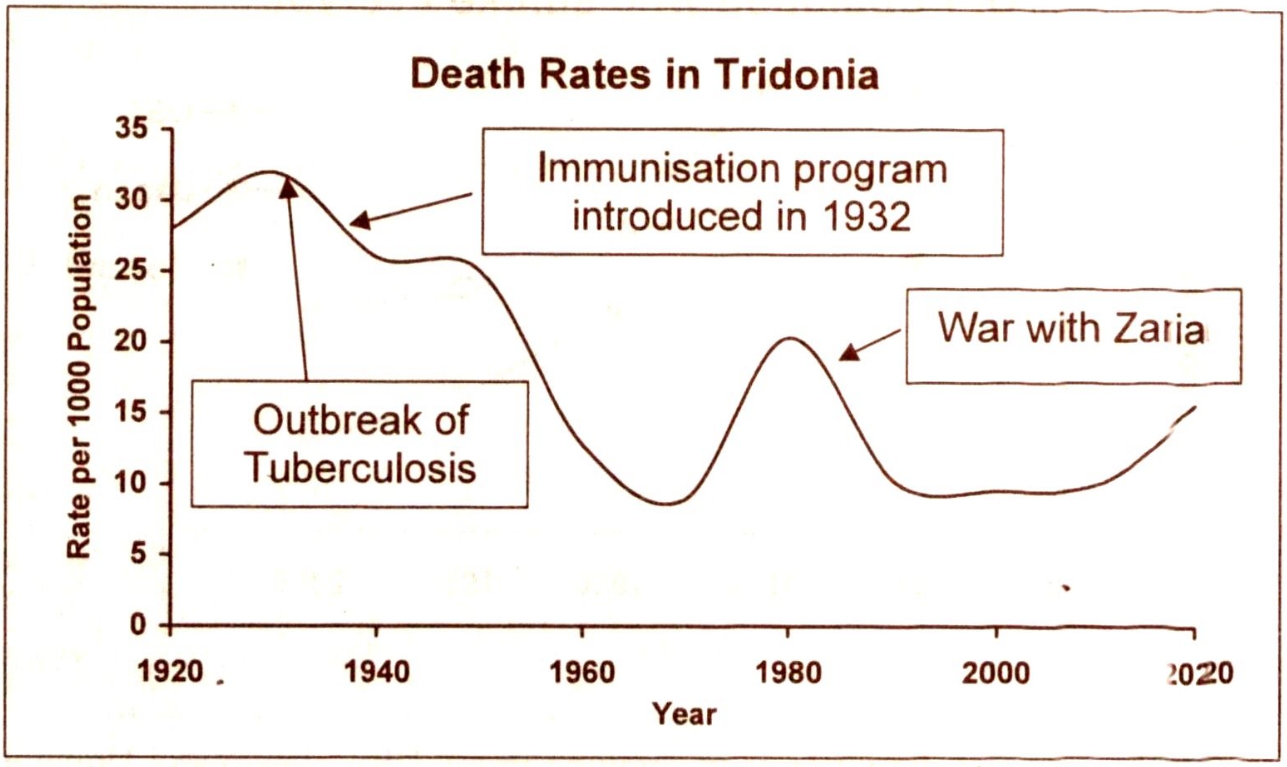

The graph shows the death rates in Tridonia between 1920 and 2000 including a Projection to 2020.

Overall, the death rates decreased substantially over the eighty-year period. In 1920, the rate was 28 per thousand, and in 1930 it reached a peak of over thirty deaths per thousand people. This was due to the outbreak of tuberculosis. However, thanks to the comprehensive immunization program introduced in 1932, the death rate dropped significantly between 1932 and 1970. By 1970, the rate was only about ten deaths per thousand. In the early 1970s, the war broke out between Tridonia and one of its neighbouring countries, Zania. As a result, the number of deaths increased to just over twenty deaths in 1980. The war ended in 1990 and consequently the number of deaths fell to the pre-war rate of approximately 10 deaths. This figure remained unchanged throughout 2000s. However, it is predicted that the death rate will steadily rise over the next decade.

Bài dịch

Biểu đồ dưới đây cho thấy tỷ lệ tử vong ở Tridonia. Hãy viết bài tường thuật mô tả thông tin thể hiện trong biểu đồ.

Biểu đồ cho thấy tỷ lệ tử vong ở Tridonia từ 1920 đến 2000 bao gồm cả dự đoán đến năm 2020.

Nhìn chung, tỷ lệ chết giảm đáng kể trong khoảng thời gian 80 năm. Vào năm 1920, tỷ lệ là 28 người tử vong trong một ngàn người, và vào năm 1993 tỷ lệ này đạt đến cực điểm có hơn 30 người tử vong trong 1000 người. Việc này là do sự bùng nổ của bệnh lao. Tuy nhiên, nhờ có chương trình tiêm chủng mở rộng vào năm 1932, tỷ lệ tử vong đã giảm đáng kể từ 1932 đến 1970. Vào khoảng trước năm 1970, trong số 1000 người chỉ có khoảng 10 người tử vong. Vào những năm đầu thập niên 1970, đã có chiến tranh bùng nổ giữa Tridonia và một trong những nước láng giềng của nó, Zania. Vì vậy, số người tử vong tăng quá 20 người vào năm 1980. Chiến tranh kết thúc vào năm 1990, và do đó số người tử vong giảm xuống còn 10 người xấp xỉ với tỷ lệ tử vong trước chiến tranh. Con số này không đổi suốt thập niên những năm 2000. Tuy nhiên, người ta dự đoán rằng tỷ lệ tử vong sẽ tăng chậm trong thập niên tiếp theo.

The graph below shows the numbers of visitors to the Botanical Gardens, Sandown Zoo and Victoria Park from 1978 to 1986. Write a paragraph to describe the information shown in the graph.

The Numbers of Visitors to the Botanical Gardens, Sandown Zoo and Victoria Park (1978 - 1986)

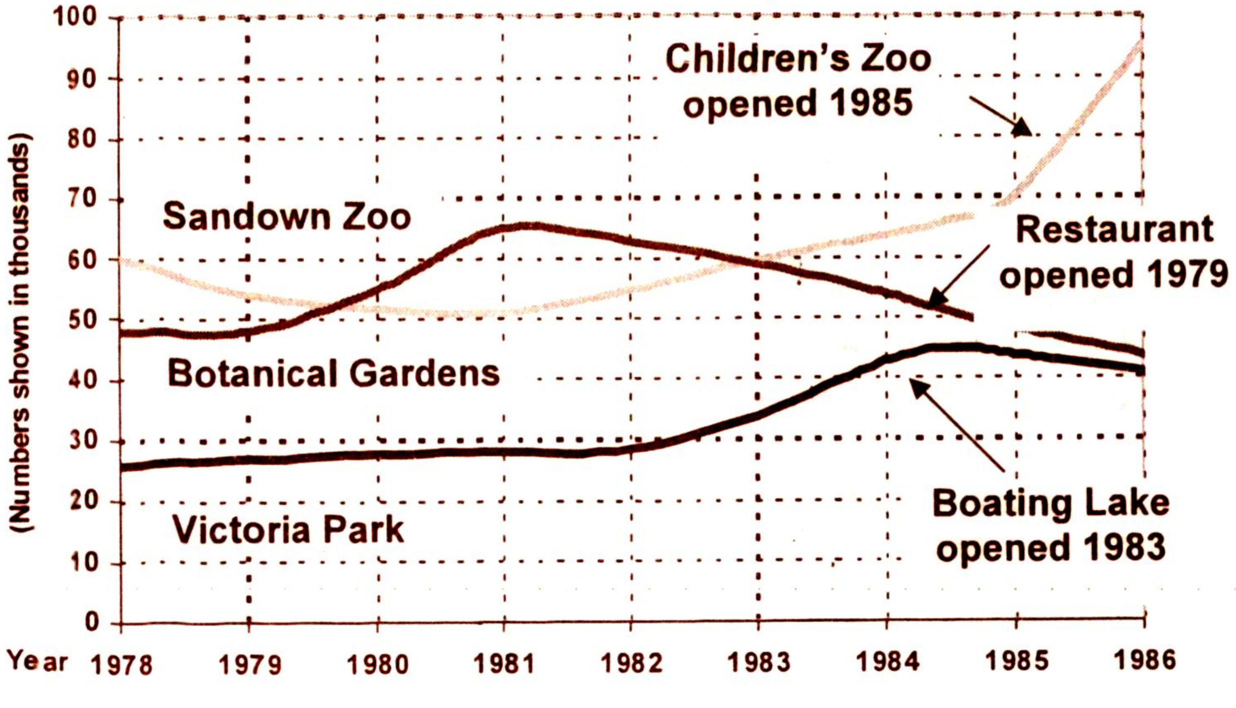

The graph indicates the numbers of visitors to Sandown Zoo, the Botanical Gardens and Victoria Park from 1978 to 1986.

Apart from the period from 1980 to 1983, Sandown Zoo was the most popular attraction. In 1978 almost 60,000 people visited the Zoo. This number dropped slowly during the next three years, it then rose steadily until 1985. In this year the children's zoo was opened, which resulted in a sharp increase from 70,000 to 95,000 visitors within one year. In contrast, the number of visitors to Botanical Gardens increased after a restaurant had been opened in 1979, from 48,000 to 64,000, but then slightly fell to 45,000 in 1986. The least popular attraction was Victoria Park with only 26,000 visitors in 1978. This number went up slightly but in 1983, boating was introduced on the lake and the number of visitors rose quite sharply to 45,000. However, the number dropped in 1985 and remained steady over the next one year.

Bài dịch

Biểu đồ dưới đây cho thấy lượng khách du lịch đến Vườn Thực Vật, Sở thú Sandown và Công viên Victoria từ năm 1978 đến 1986. Hãy viết một đoạn văn mô tả thông tin trên biểu đồ.

Biểu đồ cho biết số lượng khách du lịch đến Vườn Thực Vật, Sở thú Sandown và Công viên Victoria từ năm 1978 đến 1986.

Ngoại trừ khoảng thời gian từ 1980 đến 1983, Sở thú Sandown là nơi thu hút du khách đông nhất. Vào năm 1978 khoảng hơn 60.000 người đến sở thú. Con số này đã giảm từ từ trong suốt 3 năm tiếp theo, sau đó nó tăng chậm cho đến 1985. Vào năm này, sở thú dành cho trẻ con được khai trương đã làm cho lượng khách du lịch tăng đột ngột từ 70.000 lên đến 95.000 người trong vòng một năm. Trái lại, lượng khách du lịch đến vườn thực vật tăng từ 48.000 lên đến 64.000 sau khi một nhà hàng được khai trương vào năm 1979, nhưng sau đó giảm xuống còn 45.000 du khách vào năm 1986. Nơi có lượng khách du lịch ít nhất là công viên Victoria với 26.000 du khách vào năm 1978. Con số này tăng có tăng nhẹ nhưng khi dịch vụ đi chơi thuyền trên hồ được giới thiệu vào năm 1983, lượng khách du lịch tăng mạnh lên đến 45.000 người. Tuy nhiên, lượng khách có giảm sút vào năm 1985 và ổn định trong 1 năm tiếp theo.

The following bar graph shows the rise in steel production in Z 2 factory from 1982 to 1990. Write a short paragraph about it.

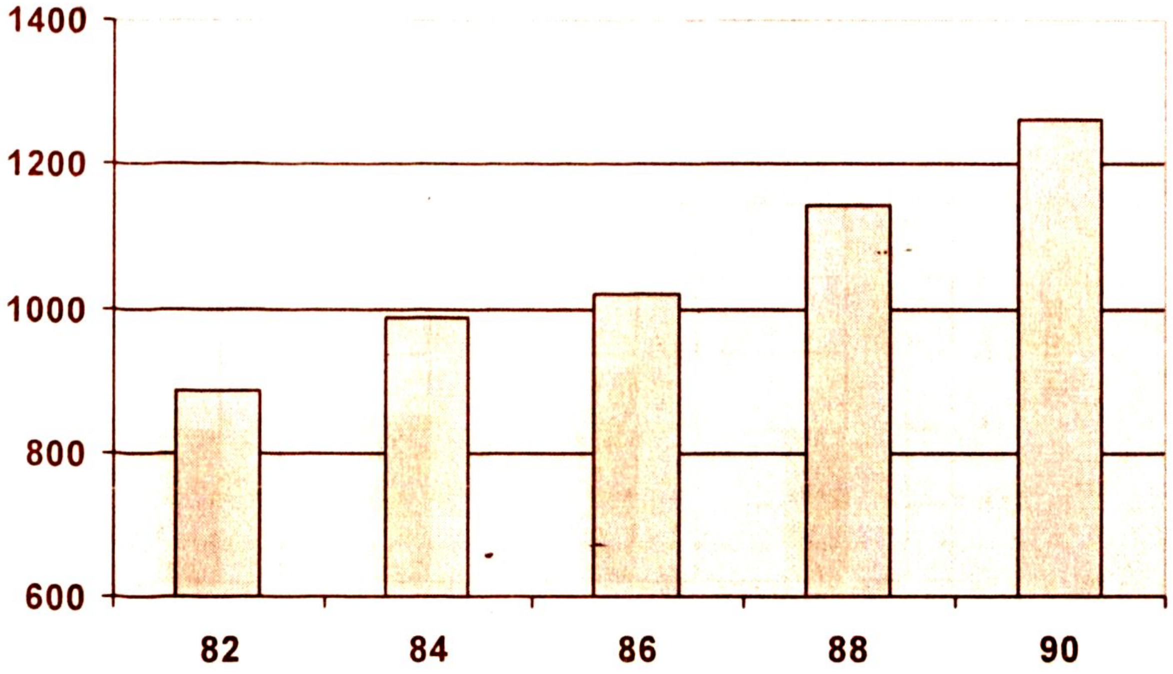

In millions of tons

As can be seen from the graph, steel production in Z 2 factory increased fast. In 1982, the production of steel was 885 million tons, but in 1984, the figure rose to 986 million. This showed an increase of over 101 million tons in steel production during the period. The greatest progress, however, was seen between 1986 and 1988. The steel production increased considerably, from 1,011 million in 1986 to 1150 million tons in 1988. By 1990, the yearly steel output reached 1,262 million tons, 377 million tons more than in 1982.

Bài dịch

Biểu đồ hình cột sau cho thấy sự gia tăng về sản lượng thép ở nhà máy Z 2 từ 1982 đến 1990. Hãy viết một đoạn văn ngắn mô tả biểu đồ.

Như chúng ta thấy trên biểu đồ, sản lượng thép ở nhà máy Z 2 tăng nhanh. Vào năm 1982, 885 triệu tấn thép được sản xuất, nhưng vào năm 1984, con số này đã tăng lên đến 986 triệu tấn. Điều này cho thấy sản lượng thép đã tăng lên được 101 triệu tấn. Tuy nhiên, sự gia tăng được thể hiện rõ từ năm 1986 đến 1988. Sản lượng thép đã tăng đáng kể, từ 1011 triệu tấn vào năm 1986 lên đến 1150 vào năm 1988. Vào khoảng trước năm 1990, sản lượng thép hằng năm đạt được 1262 triệu tấn, nhiều hơn sản lượng thép năm 1982 là 337 triệu tấn.

The bar chart below give the information about USA marriage and divorce rates between 1970 and 2000. Summarise the information by choosing and reporting the key features.

Number of Marriages and Divorces in the USA, 1970 - 2000

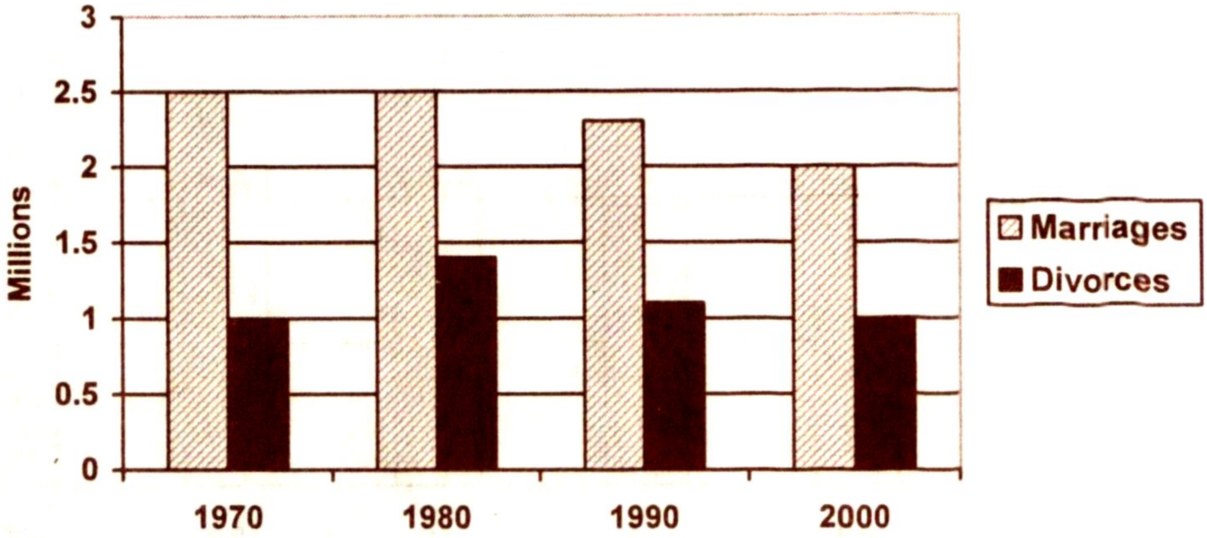

The chart presents the marriage and divorce rates in the USA between 1970 and 2000.

As can be seen from the chart, the number of people who got married was 2.5 million in 1970. Then, the marriage rate remained stable in the next decade. In contrast, the number of people getting divorced increased slightly from 1 to 1.4 over the same period. There was a slight decrease in the number of marriages as well as divorces from 2.5 to 2 and from 1.4 to 1 respectively between 1980 and 2000.

Bài dịch

Biểu đồ hình cột dưới đây cho biết thông tin về tỷ lệ kết hôn và ly hôn ở Hoa kỳ từ năm 1970 đến 2000. Hãy chọn và báo cáo những đặc trưng tiêu biểu để tóm tắt thông tin.

Biểu đồ mô tả tỷ lệ kết hôn và ly hôn ở Hoa kỳ từ năm 1970 đến 2000. Như chúng ta thấy trên biểu đồ, số người kết hôn vào năm 1970 là 2 triệu rưỡi người. Sau đó tỷ lệ này không đổi trong suốt thập niên tiếp theo. Trái lại, số lượng người ly hôn tăng nhẹ từ 1 triệu đến 1 triệu tư trong cùng thời gian đó. Có sự giảm nhẹ về lượng người kết hôn cũng như ly hôn từ 2 triệu rưỡi xuống còn 2 triệu (người kết hôn) và từ 1 triệu tư xuống 1 triệu (người ly hôn) từ năm 1980 đến 2000.

The bar chart below shows the amount of money per week spent on fast foods in Britain. The line graph shows the trends in consumption of fast foods. Write a report describing the information shown below.

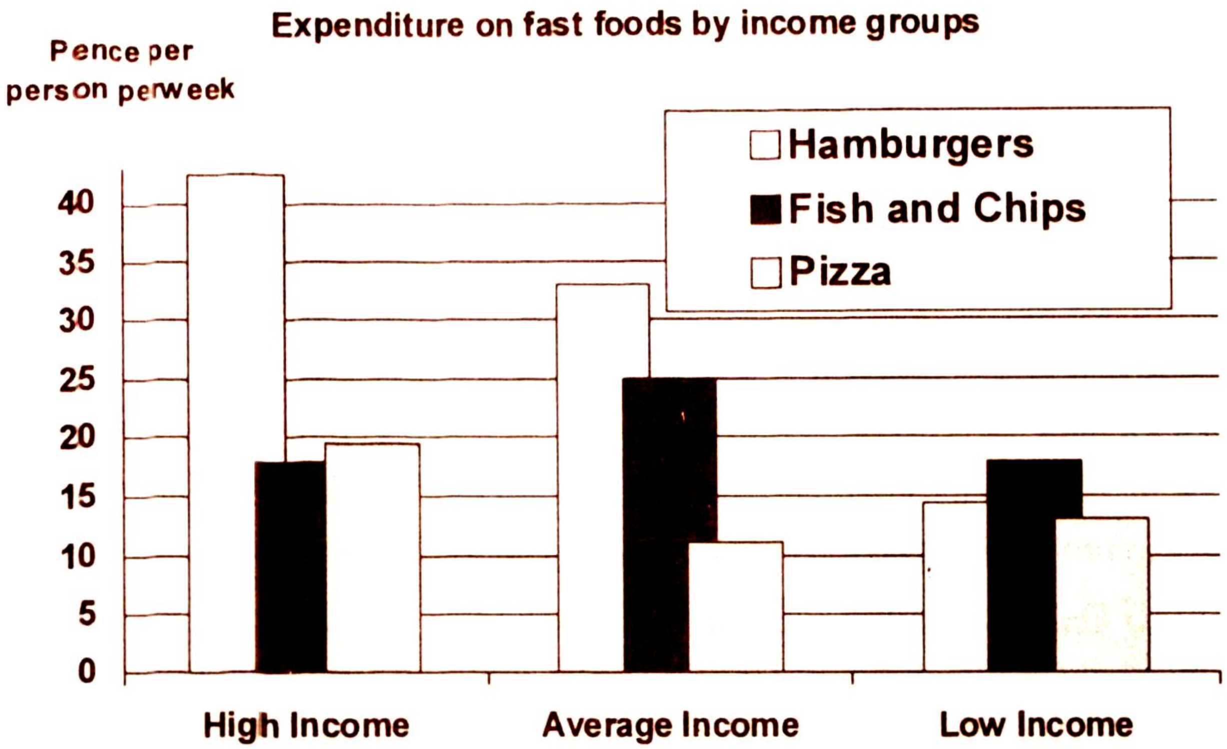

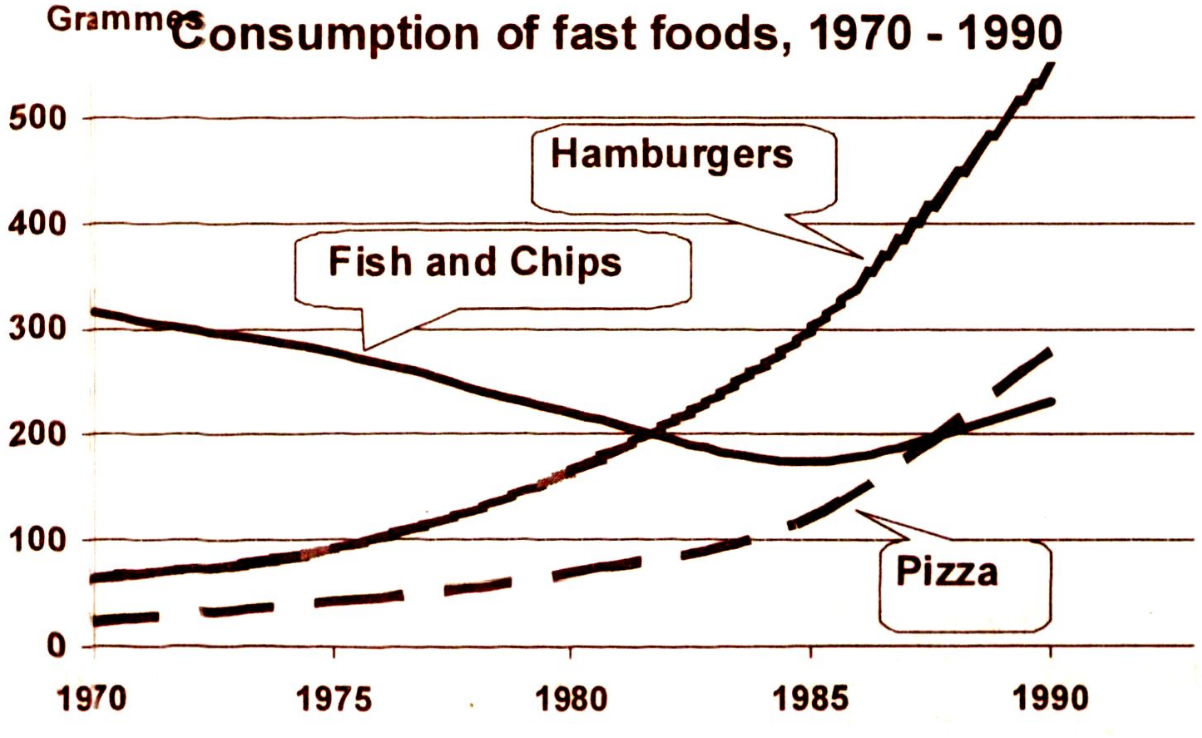

The bar chart shows that high income earners consumed more fast foods than the other income groups, spending twice as much on hamburgers (43 pence per person per week) as on fish and chips or pizza (both under 20 pence). Average income earners also favored hamburgers, spending 33 pence per person per week, followed by fish and chips at 24 pence, then pizza at 11 pence. Low income earners appeared to spend less than the other income groups on fast foods though fish and chips remained their most popular fast foods, followed by hamburgers and then pizza.

From the graph we can see that in 1970, fish and chips were twice as popular as hamburgers and pizza, which was the least popular fast food at that time. The consumption of hamburgers and pizza rose steadily in the twenty year period from 1970 to 1990 while the consumption of fish and chips was in decline over the same period with a slight increase in popularity between 1985 and 1990.

Bài dịch

Biểu đồ hình cột dưới đây cho thấy lượng tiền chi cho thức ăn nhanh từng tuần ở Anh. Biểu đồ đường thẳng mô tả xu hướng tiêu thụ thức ăn nhanh. Viết bài báo cáo mô tả thông tin thể hiện trên những biểu đồ dưới đây.

Biểu đồ hình cột cho thấy rằng người có thu nhập cao tiêu thụ nhiều thức ăn nhanh hơn các nhóm người có thu nhập trung bình và thấp, chi tiền vào hamburger nhiều gấp đôi (43 xu cho một người /1 tuần) hơn cá và khoai tây rán hoặc món pitsa (cả hai thứ chưa đến 20 xu). Những người có thu nhập trung bình cũng thích hamburger hơn, chi 33 xu cho một người trong 1 tuần, tiếp theo là cá và khoai tây rán 24 xu và sau đó là món pitsa 11 xu. Nhóm người thu nhập thấp có vẻ chi tiền vào thức ăn nhanh ít hơn các nhóm khác mặc dầu cá và khoai tây rán vẫn là loại thức ăn nhanh ưa chuộng nhất của họ, theo sau là hamburger rồi đến món pitsa.

Chúng ta có thể thấy ở biểu đồ vào năm 1970, cá và khoai tây rán được ưa chuộng nhiều hơn gấp đôi hamburger và món pitsa là loại thức ăn nhanh it được ưa chuộng nhất. Sự tiêu thụ hamburger và pitsa tăng đều trong khoảng thời gian 20 năm từ 1970 đến 1990 trong khi lượng cá và khoai tây rán được tiêu thụ giảm xuống trong cùng thời gian đó cùng với sự tăng nhẹ về số lượng tiêu thụ từ 1985 đến 1990.

The following tables show the deforestation in Southeast Asia between 1990 and 2005 and the total fires and acres burned in the USA from 1980 to 2000. Write a description of one of the tables.

A. Deforestation in Southeast Asia (1990-2005)

	Total Forest Cover (1990)	**Total Forest Cover (2005)**	**Forest Loss (1990-2005)**
Cambodia	12.9	10.4	2.5 (19.3%)
Indonesia	116.5	88.5	28 (24%)
Laos	17.3	16.1	1.2 (6.7%)

B. Total Fires and Acres Burned in the USA (1980- 2000)

Year	Fires	Acres
2000	122,820	8,422,230
1990	122,763	5,452,870
1980	234,892	5,260,825

A. The table shows the rates of forest loss in Cambodia, Indonesia and Laos between 1990 and 2005. In general, Laos had larger forest cover than Cambodia, and Indonesia had the largest of the three countries. In 1990, Indonesia had 116.5 million hectares of forest cover, very much larger than Laos' and Cambodia's, which were only 17.3 and 12.9 million hectares respectively. The overall figures indicates that within 15 years from 1990 to 2000, Indonesia had the highest percentage of forest loss, at 24% while Cambodia at 19.3% and Laos had the lowest at only 6.7%.

B. The tables presents the number of total fires and acres burned in the USA between 1980 and 2000. There were fewer fires in 1990 than in 1980, but more acres of forests were destroyed (5,452,870). The number of fires was almost the same in the next ten years from 1990 to 2000. However, the number of acres of forests burned increased significantly to 8,422,230 during the same period.

Bài dịch

Các biểu bảng sau cho thấy tỷ lệ phá rừng ở Đông Nam Á từ năm 1990 đến 2005 và tổng các vụ cháy rừng và diện tích rừng bị cháy ở Mỹ từ 1980- 2000. Hãy viết bài mô tả cho mỗi một biểu bảng.

A. *Biểu bảng cho thấy tỷ lệ rừng bị mất ở Cambodia, Indonesia và Lào từ năm 1990 đến 2005. Nhìn chung, Lào có diện tích rừng lớn hơn Cambodia và Indonesia có diện tích rừng lớn nhất trong 3 nước. Vào năm 1990, Indonesia có 116,5 triệu héc-ta rừng, rộng hơn rất nhiều so với Lào chỉ có 17,3 và Indonesia 12,9 triệu héc-ta. Các con số cho thấy trong vòng 15 năm từ 1990 đến 2005, Indonesia có tỷ lệ phần trăm diện tích rừng bị mất cao nhất là 24% trong khi Cambodia có 19,3% và Lào có tỷ lệ thấp nhất chỉ với 6,7%.*

B. *Biểu bảng cho biết số lượng các đám cháy rừng và diện tích rừng bị cháy ở Mỹ từ năm 1980 đến 2000. Vào năm 1990, có ít đám cháy rừng hơn năm 1980 nhưng có nhiều héc-ta rừng bị tàn phá (5.452.870).*

Con số các đám cháy rừng hầu như không thay đổi trong khoảng thời gian 10 năm từ 1990 đến 2000. Tuy nhiên, số lượng héc-ta rừng bị cháy tăng đáng kể lên đến 8.422.230 trong cùng thời gian đó.

The table below shows the consumer durables (television, refrigerator, etc.) owned in Britain from 1972 to 1983. Write a paragraph describing the information shown below.

Consumers durables	1972	1974	1976	1978	1979	1981	1982	1983
Percentage of households with								
central heating	36	42	47	51	54	58	59	63
television	92	94	95	95	96	96	96	97
video								17
vacuum cleaner	86	88	91	91	92	93	94	
refrigerator	72	80	87	90	91	92	92	93
washing machine	66	68	71	75	74	78	79	80
dishwasher				3	3	4	4	5
telephone	42	50	54	60	67	75	76	77

The table indicates that the percentage of British households with a range of consumer durables steadily increased between 1972 and 1983. The most considerable increase was seen in telephone ownership, rising from 42% in 1972 to 77% in 1983. Next came central heating ownership, rising from 36% of households in 1972 to 63% in 1983. The percentage of households with refrigerators went up to 21% over the same period and of those with washing machines at 14%. Households with vacuum cleaners, televisions, and dishwashers increased by 8%, 5% and 2% respectively. In 1983, the year of their introduction, 17% of households had video recorders.

Bài dịch

Biểu bảng dưới đây cho biết hàng lâu bền (như ti-vi, tủ lạnh v.v) được sở hữu ở Anh từ 1972 đến 1983. Hãy viết đoạn văn mô tả thông tin dưới đây.

Biểu bảng dưới đây cho biết tỷ lệ phần trăm hộ gia đình ở Anh dùng hàng lâu bền tăng chậm từ năm 1972 đến 1983. Sự gia tăng thể hiện rõ nhất về các hộ sở hữu điện thoại, tăng từ 42% lên đến 77% vào năm 1983. Kế tiếp là các gia đình có hệ thống sưởi trung tâm, tăng từ 36% vào năm 1972 lên 63% năm 1983. Tỷ lệ phần trăm các hộ gia đình có tủ lạnh tăng lên đến 21% trong khoảng thời gian đó và tỷ lệ phần trăm các hộ có máy giặt tăng 14%. Các hộ có máy hút bụi, ti vi và máy rửa chén gia tăng 8% (hộ có máy giặt), 5% (hộ có ti vi) và 2% (hộ có máy rửa chén). Khi đầu máy video được giới thiệu vào năm 1983, 17% hộ gia đình có đầu máy video.

The two pie charts below show changes in world population by region between 1990 and 2000.

Summarise the information by choosing and reporting the key feature, and make any relevant comparisons.

World Population 1900: 1,600 million

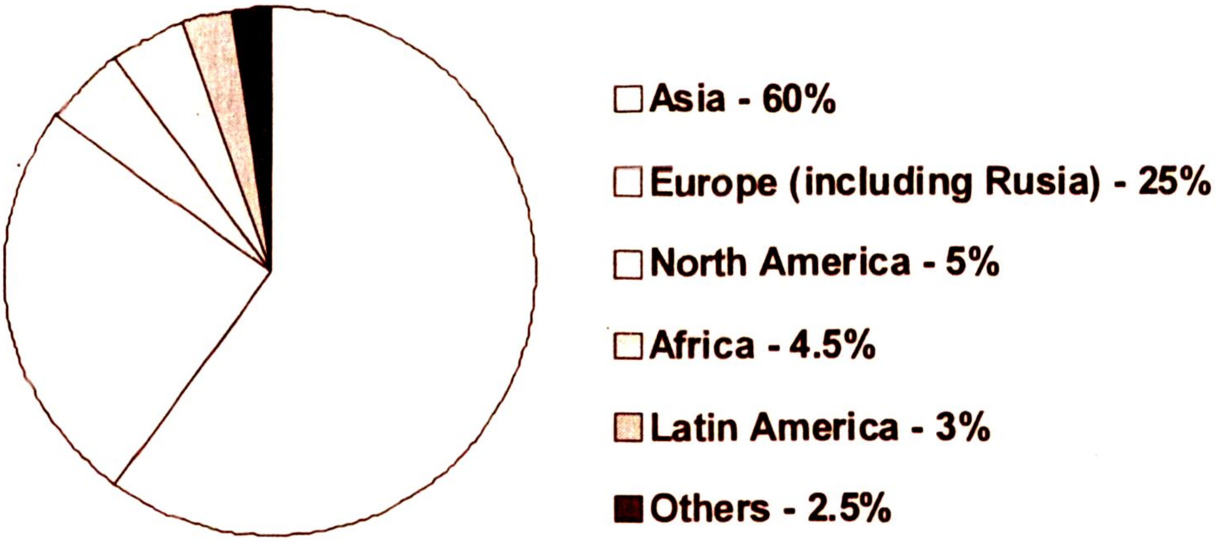

World Population 2000: 6 billion

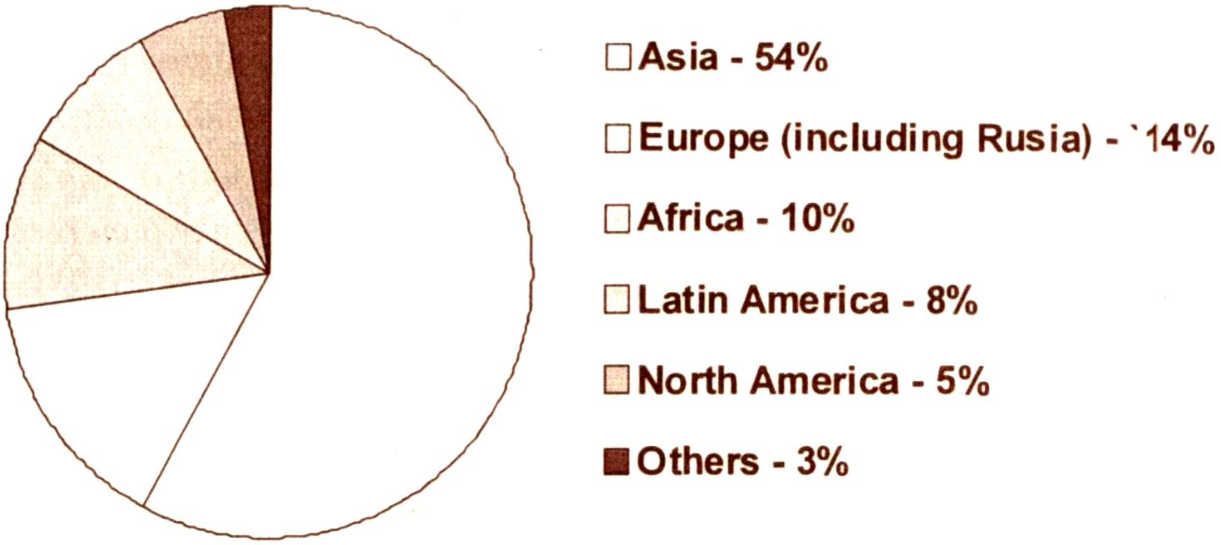

These pie charts show the changes in world population between 1900 and 2000. The major regions are represented as percentages of the total world population.

From 1900 to 2000 Africa's percentage increased from 4.5% to 10% while Latin America grew from 3% to 8%. On the other hand, the percentage of population in Europe and Asia decreased during the same period. Europe's percentage dropped from 25% to 14% and Asia's declined from 60% to 54%. North America's percentage of population, however, remained unchanged at 5%. The percentage of population in the remaining areas of the world rose slightly from 2.5% to 3%.

Overall, this indicates a dramatic increase in the world population from 1,600 million to 6 billion in just one hundred years mainly in the developing countries.

Bài dịch

Hai biểu đồ hình bánh dưới đây cho biết sự thay đổi dân số thế giới theo từng vùng từ năm 1900 đến 2000.

Hãy chọn những đặc trưng then chốt để tóm tắt thông tin và so sánh sự thay đổi trong hai biểu đồ.

Hai biểu đồ hình bánh cho thấy sự thay đổi dân số từ năm 1900 đến 2000. Một số vùng chính được mô tả theo tỷ lệ phần trăm của tổng dân số thế giới.

Từ năm 1900 đến 2000 tỷ lệ phần trăm dân số của châu Phi tăng từ 4,5% lên 10% trong khi đó châu Mỹ La tinh tăng từ 3% lên 8%. Trái lại, tỷ lệ phần trăm dân số ở châu Âu và châu Á giảm trong khoảng thời gian đó. Tỷ lệ phần trăm dân số châu Âu giảm từ 25% xuống còn 14% và của châu Á giảm từ 60% xuống 54%. Tuy nhiên, tỷ lệ phần trăm dân số của Nam Mỹ vẫn không thay đổi ở mức 5%. Tỷ lệ phần trăm dân số ở các vùng còn lại trên thế giới tăng nhẹ từ 2,5% lên 3%.

Nhìn chung, biểu đồ mô tả sự tăng nhanh dân số thế giới từ 1.600 triệu người lên đến 6 tỷ người trong vòng 100 năm chủ yếu ở những nước đang phát triển.

APPENDIX

USEFUL STRUCTURES/ PHRASES FOR WRITING

Cấu trúc/ cụm từ hữu ích dùng trong viết văn

1. **as if + S + V**: *như thể*

   Example: His essay looked as if it was written by someone else.

   Bài luận của cậu ấy trông như thể là do một người khác viết.

2. **take .... for granted that ...**: *cho ... là điều đương nhiên*

   Example: Don't take his help for granted.

   Đừng cho việc anh ta giúp đỡ là điều đương nhiên.

   I take it for granted that you have read this book.

   Tôi cứ coi như là anh đã đọc cuốn sách này rồi.

3. **to say nothing of sth** ...: *chứ chưa nói đến...*

   Example: The typhoon is really scary, to say nothing of all the damage it will cause.

   Bão lớn thật đáng sợ, chứ chưa nói đến tất cả những tổn hại nó gây ra nữa.

   He had to go to prison for a month, to say nothing of the fine.

   Hắn phải đi tù một tháng, ấy là chưa nói đến tiền phạt.

4. **There is no + V- ing**: *không có gì phải ...*

   Example: There is no complaining about the way this school is being run.

   Không có gì phải than phiền về cách quản lý của trường này.

There is no denying that the prices of petroleum have risen considerably.

Không có gì phải chối cãi rằng giá xăng đã tăng lên đáng kể.

5. **cannot help + V-ing**: *không thể không…*

Example: I can't help feeling sorry for the poor man.

Tôi không thể không thương cảm cho người đàn ông tội nghiệp.

6. **give rise to** …: *gây ra*

Example: Her disappearance gave rise to the wild rumours.

Sự mất tích của cô ta đã gây ra lời đồn đại lung tung.

7. **I have convinced myself that** … : *tôi hoàn toàn tin rằng…*

Example: I have convinced myself that doing exercises has an effect on one's mood.

Tôi hoàn toàn tin rằng tập thể dục có tác động đến tâm trạng con người.

8. **As a rule, it would be good if + S + V** : *Theo lẽ thường, sẽ tốt nếu …*

Example: As a rule, it would be good if traffic rules are followed by everyone.

Theo lẽ thường, sẽ tốt nếu mọi người đều tuân theo luật lệ giao thông.

As a rule, I'm home by six.

Theo lẽ thường thì cứ 6 giờ tôi đã ở nhà.

9. **No wonder + S + V** : *thảo nào mà...*

Example: No wonder our trust has disappeared.

Thảo nào mà niềm tin của chúng tôi đã biến mất.

No wonder my brother wasn't feeling well.

Thảo nào mà em trai của tôi cảm thấy không được khoẻ.

10. **S + be most likely to + V**: *rất có khả năng...*

Example: He is most likely to become our new manager.

Ông ấy rất có khả năng trở thành giám đốc mới của chúng tôi.

11. **No matter how long it takes, S + V**: *cho dù có mất bao lâu đi nữa....*

Example: No matter how long it takes, the city engineers will work hard to solve the problems of overflowing water.

Cho dù có mất bao lâu đi nữa, các kỹ sư thành phố sẽ làm việc hết sức để giải quyết vấn đề nước chảy tràn.

12. **As I have pointed out, S + V**: *như tôi đã chỉ ra...*

Example: As I have pointed out, further delay would be unwise.

Như tôi đã chỉ ra, để chậm hơn nữa là không khôn ngoan tý nào.

13. **As things stand, S + V**: *Trong hoàn cảnh hiện nay, ...*

Example: As things stand, we won't have finished the work on time.

Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta sẽ không hoàn thành công việc đúng thời gian.

14. **rather than** ...: *hơn là*

Example: The atmosphere made me frightened rather than angry.

Không khí đó đã làm tôi sợ hãi hơn là giận dữ.

I think I'll have a cold drink rather than coffee.

Tôi nghĩ là tôi sẽ uống một thứ gì mát hơn là cà phê.

15. **When it comes to/ When it comes down to ..., S + V**: *Khi nói về ...*

Example: When it comes to art, image is the most important factor.

Khi nói về nghệ thuật, hình ảnh là yếu tố quan trọng nhất.

When it comes down to losing weight, diet and exercise have the same effect.

Khi nói về vấn đề giảm cân, chế độ ăn và tập thể dục đều có tác dụng như nhau.

16. **In + adj + matters, S + V** : *Trong những vấn đề...*

Example: In personal matters, the young should always listen to the elderly.

Trong những vấn đề mang tính cá nhân, các bạn trẻ nên luôn lắng nghe người lớn.

17. **There is no doubt that** ...: *Không còn nghi ngờ gì nữa/ Chắc chắn rằng....*

Example: There is no doubt that many students are dissatisfied with the current curriculum.

Chắc chắn rằng nhiều học sinh không hài lòng với chương trình học hiện tại.

18. **without a shadow of doubt:** *chắc chắn*

Example: She knew without a shadow of doubt that he is lying to her.

Cô ấy biết chắn chắn rằng anh ta đang lừa dối cô ấy.

19. **I have no doubt that** ...: *Tôi chắc rằng ...*

Example: I have no doubt that you will succeed.

Tôi chắn chắn rằng bạn sẽ thành công.

20. It is needless to say that …: *Không cần phải nói rằng…*

Example: It is needless to say that one's education is the most valuable thing.

Không cần phải nói rằng trình độ giáo dục của người ta là điều có giá trị nhất.

21. It is worth pointing out that …: *Đáng để chỉ ra rằng…*

Example: It is worth pointing out that deforestation and poaching cause many rare animals to become extinct.

Đáng để chỉ ra rằng việc phá rừng và săn trộm làm cho nhiều loài động vật quý hiếm trở nên tuyệt chủng.

22. It seems that …: *Dường như là…*

Example: It seems that I'm allergic to beer and wine.

Dường như là tôi bị dị ứng với bia và rượu.

23. S + be known for + noun / V-ing: *… nổi tiếng về ….*

S + be known as + noun: *được biết đến như là …*

Example: New York is known for its skyscrapers.

New York nổi tiếng vì những toà nhà chọc trời.

This disease is more commonly known as Mad Cow Disease.

Bệnh này được biết rộng rãi như là bệnh bò điên.

24. This is because + S + V: *Đây là do…*

Example: This is because he had a bad experience in the past.

Đây là do anh ấy đã có một trải nghiệm tồi tệ trong quá khứ

25. All things considered, S + V …: *Sau khi cân nhắc kỹ…*

Example: All things considered, we are doing quite well.

Sau khi cân nhắc kỹ thì thấy chúng ta đã làm khá tốt.

26. It's no exaggeration to say that …

Không một chút phóng đại nào khi nói rằng…

It would be an exaggeration to say …

Thật phóng đại khi nói rằng…

Example: It would be an exaggeration to say that I know her well; I only met her twice.

Thật phóng đại khi nói rằng tôi biết rõ cô ta; Tôi chỉ gặp cô ấy 2 lần.

Example: It's no exaggeration to say most students have never read a complete Shakespeare play.

Không một chút phóng đại nào khi nói rằng phần lớn sinh viên chưa bao giờ đọc hết một vở kịch của Shakespeare.

27. Without a slightest hesitation: *không chút do dự*

I have no hesitation in V + ing : *Tôi không ngần ngại …*

Example: She agreed without a slightest hesitation.

Cô ta đồng ý không mảy may do dự.

Example: I have no hesitation in recommending her for a job.

Tôi không ngần ngại để giới thiệu một công việc cho cô ấy.

28. It goes without saying that … : *Đương nhiên …*

Example: It goes without saying that we are very proud of the exam results.

Đương nhiên là chúng tôi rất tự hào về kết quả kỳ thi.

It goes without saying that I'll help you.

Đương nhiên tôi sẽ giúp bạn.

29. There's no point in + V –ing: *Chẳng có ích gì khi…*

Example: There's no point in complaining; they never take any notice.

Kêu ca cũng chẳng ích gì; họ không bao giờ lưu ý cả.

30. To my knowledge / To the best of my knowledge, S + V: *Theo tôi biết…*

Example: To my knowledge, she has never been late before.

Theo tôi biết chị ấy trước đây không bao giờ đến muộn.

I certify that the facts contained in this application are true to the best of my knowledge.

Tôi xác nhận những sự kiện ghi trong đơn là đúng sự thật theo sự hiểu biết tốt nhất của tôi.

TRANSITIONAL WORDS / PHRASES

Từ / cụm từ dùng để chuyển ý

1. Putting a sequence in order

(Sắp xếp các chuỗi sự kiện theo thứ tự)

First,
Firstly,
First of all,
In the first place,
To begin with,

Second,
Secondly,
In the second place
After that,
Next,

Lastly,
Finally,

2. Generalizing *(Khái quát hoá)*

In general, *(Nói chung)*
Generally, *(Nói chung)*
Normally, *(Thông thường)*
On the whole, *(Tóm lại),*
Overall, *(Nhìn chung)*

S + V

3. Comparing points *(So sánh ý)*

Similarly, (*Tương tự như vậy)*
Likewise, *(Tương tự)*
In the same way, *(Giống như vậy)*
In like manner, *(Giống vậy)*
In a similar manner, *(Tương tự vậy*)

S + V

S + V whereas *(trong khi)* **S + V**
although

S + V in comparison with *(so với)* **noun (phrase)**

4. Contrasting points *(Nói ý tương phản)*

In contrast (*Trái lại)*
Unlike (+noun (phrase)/ pronoun), *(Trái với)*
However, *(Tuy nhiên)*
On the contrary/ On the other hand, (*Trái lại / Mặt khác*)
Alternatively, (*Mặt khác)*
As opposed to (+ noun), *(Trái với, tương phản với),*
Although (*Mặc dầu)*
While/ Whereas *(Nhưng ngược lại, trong khi)*
Even though (*Mặc dầu)*
In spite of the fact that/ Despite the fact that *(Mặc dầu)*

S + V

In spite of
Despite

+ noun / noun phrase / V + ing

5. Showing cause and effect (starting or anticipating consequences)

(Chỉ ra nguyên nhân và kết quả)

Therefore, *(Vì vậy)*
Thus, *(Vì vậy)*
Consequently, *(Do vậy)*
As a result, *(Vì vậy)*
As a result of this,

S + V

6. Giving opinions (*Đưa ra ý kiến*)

The point I'm making is that …
(Điều tôi muốn nói là…)
In my opinion, *(Theo tôi)*
In my view, *(Theo quan điểm của tôi)*
From my point of view/ From my viewpoint,
(*Theo quan điểm của tôi*)
Personally I (don't) think…
Về phần tôi, tôi (không) nghĩ là…
Frankly, I (don't) think…
Chân thực mà nói, tôi (không) nghĩ rằng…
It seems to me that …
Theo tôi dường như…

S + V

7. Introducing examples (*Cho ví dụ*)

For example/ For instance, (*Ví dụ/ Chẳng hạn*)
In particular, (*Cụ thể là*)
Specially, (*Cụ thể là*)
To illustrate, *(Để minh hoạ*)

S + V

8. Emphasizing a point *(Nhấn mạnh ý)*

In particular, *(Đặc biệt là)*
Specially, *(Đặc biệt là*)

S + V

S + V, especially*(đặc biệt là)* **S + V**
mainly/ chiefly *(chủ yếu là),*

S + V, in reality *(thực tế là)* **S + V**
indeed *(thật vậy)*

9. Adding further points *(Bổ sung ý)*

In addition / Furthermore, *(Ngoài ra)*
Moreover, *(Hơn nữa*)
In fact/ Actually, (*Thêm nữa, Thật đúng như vậy*),
Besides, *(Hơn nữa)*
In addition to (+ noun / noun phrase), *(Ngoài… ra)*

S + V

10. Concluding *(Kết luận)*

In conclusion , (*Cuối cùng)*
To sump up, (*Tóm lại)*
To summarize, *(Tóm lại)*
As a result, *(Vì vậy)*
Consequently, *(Do vậy)*
In summary, (*Tóm lại*)
In brief, (*Tóm lại)*
Accordingly, *(Vì vậy)*

S + V

* * *

REFERENCES

1. Cambridge ESOL (2007) *Cambridge IELTS 6*, Cambridge University Press.
2. Heaton J. B. (1986) *Writing through pictures*, Longman.
3. Hunt B. and McCoy D. (2006) *Additional English resources for INSEARCH students*, Australian Center for Education and Training.
4. Jakeman V. and McDowell C. (2001) *Cambridge practice test for IELTS 1*, Cambridge University Press.
5. Jones L. (2000) *New Cambridge advanced English*, Cambridge University Press.
6. Lamb S. E. (2006) *How to write it*, Ten Speed Press.
7. McCarter S. (2006) *Academic writing practice for IELTS*, IntelliGence.
8. Moor P. and Cunningham S. (2006) *New cutting edge: Upper intermediate*, Longman.
9. Naution J. (1996) *Think first certificate*, Longman.
10. Pincas A. et al. (1982) *Writing in English*, Macmillan Publishers.
11. Sandler C. and Keefe J. (2004) *1001 letters for all occasions*, Adam Media, An F + W Publications Company.
12. Slater S. and Millen D. (2006) *IELTS on Track*, Language Australia Ltd.
13. Soars L. and J. (2000) *New headway intermediate*, Oxford University Press.
14. Stephens M. (1990) *Practice writing*, Longman.
15. Tietz R. and E. (1991) *Complete book of effective personal letters*, Prentice Hall.
16. University of Cambridge Local Examinations Syndicate (2002) *Cambridge IELTS 2: Examination papers from the University of Cambridge Local Examinations Syndicate*, Cambridge University Press.
17. University of Cambridge Local Examinations Syndicate (2002) *Cambridge IELTS 3: Examination papers from the University of Cambridge Local Examinations Syndicate*, Cambridge University Press.
18. Tứ Anh và cộng sự (2006) *Tiếng Anh 10 nâng cao*, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
19. Tứ Anh và cộng sự (2007) *Tiếng Anh 11 nâng cao*, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
20. Tứ Anh và cộng sự (2008) *Tiếng Anh 12 nâng cao*, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
21. Lê Huy Lâm (2007) *Lingua Forum TOEFT iBT m writing: Intermediate Level*, Nxb. Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Hoàng Văn Vân và cộng sự (2006) *Tiếng Anh 10*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Hoàng Văn Vân và cộng sự (2007) *Tiếng Anh 11*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Hoàng Văn Vân và cộng sự (2008) *Tiếng Anh 12*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT (04) 39714896; (04) 39724770. Fax: (04) 39714899

***

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập nội dung
VÕ THU HIỀN
Sửa bài
ANH THƯ
Chế bản
CÔNG TY ANPHA
Trình bày bìa
SƠN KỲ
Đối tác liên kết xuất bản
CÔNG TY ANPHA

SÁCH LIÊN KẾT

NHỮNG BÀI VIẾT MẪU TIẾNG ANH THPT
Mã số: 2L - 144ĐH2009
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH In Bao bì Hưng Phú
Số xuất bản: 414 - 2009/CXB/01 - 65/ĐHQGHN, ngày 18/5/2009
Quyết định xuất bản số: 144LK-XH/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2009.